

Kính Lễ Đức Thế Tôn, Bạc A-La-Hán, Bạc Toàn Giác!

Quyển Kinh

LỜI PHẬT CẢM THÁN

(Udāna)

Mục Lục

Lời Người Dịch	v
----------------------	---

Chương 1—BỒ-ĐỀ	1
----------------------	---

(1) – Kinh Nhất Cây Bồ-Đề (1:01).....	1
(2) – Kinh Hai Cây Bồ-Đề (1:02)	2
(3) – Kinh Ba Cây Bồ-Đề (1:03)	3
(4) – Kinh Cây Đa (1:04)	5
(5) – Kinh về Các Trưởng Lão (1:05).....	6
(6) – Kinh về Ca-Diếp (1:06).....	7
(7) – Kinh Ở Pāvā (1:07).....	8
(8) – Kinh về Saṅgāmañi (1:08)	9
(9) – Kinh về Các Tu Sĩ Tóc Búi (1:09)	10
(10) – Kinh về Bāhiya (1:10)	11

Chương 2—MUCALINDA	17
--------------------------	----

(11) – Kinh về Mucalinda (2:01)	17
(12) – Kinh về Các Vua (2:02)	18
(13) – Kinh về Gậy Gộc (2:03)	19
(14) – Kinh về Sự Tôn Kính (2:04)	20
(15) – Kinh về Đệ Tử Tại Gia (2:05).....	22
(16) – Kinh về Người Phụ Nữ Mang Bầu (2:06).....	23
(17) – Kinh về Đứa Con Duy Nhất (2:07).....	24
(18) – Kinh về Suppavāsā (2:08)	25
(19) – Kinh về Visākhā (2:09)	30
(20) – Kinh về Bhaddiya (2:10)	31

Chương 3—NANDA	35
----------------------	----

(21) – Kinh về Nghiệp (3:01)	35
(22) – Kinh về Nanda (3:02)	35
(23) – Kinh về Yasoja (3:03)	40
(24) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (3:04)	44
(25) – Kinh về Kolita (3:05)	44
(26) – Kinh về Pilindivacha (3:06)	45
(27) – Kinh về Ca-Diếp (3:07)	47
(28) – Kinh về Người Chỉ Ăn Đồ Ăn Khất Thực (3:08)	49
(29) – Kinh về Nghề Nghiệp (3:09)	51
(30) – Kinh về Sự Nhìn Khấp Thế Gian (3:10)	52

Chương 4—MEGHIYA.....55

(31) – Kinh về Meghiya (4:01)	55
(32) – Kinh về Sự Động Vọng (4:02)	59
(33) – Kinh về Người Chăn Bò (4:03)	60
(34) – Kinh về Trăng Sáng (4:04)	62
(35) – Kinh về Long Tượng (4:05)	64
(36) – Kinh về Piṇḍola (4:06)	66
(37) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (4:07)	67
(38) – Kinh về Sundarī (4:08)	68
(39) – Kinh về Upasena (4:09)	72
(40) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (4:10)	73

Chương 5—SONA75

(41) – Kinh về vị Vua (5:01)	75
(42) – Kinh về Người Tuổi Thọ Ngắn (5:02)	76
(43) – Kinh về Người Bệnh Cùi Suppabuddha (5:03)	77
(44) – Kinh về Những Thiếu Niên (5:04)	80
(45) – Kinh về Sự Trai Giới (Bố-tát) (5:05)	81

(46) – Kinh về Soṇa (5:06)	87
(47) – Kinh về Revata (5:07)	91
(48) – Kinh về Ānanda (5:08)	92
(49) – Kinh về Ānanda (5:09)	93
(50) – Kinh về Panthaka (5:10)	94

Chương 6 – MÙ BẨM SINH..... 95

(51) – Kinh về Sự Từ Bỏ Tiến Trình Sống (6:01)	95
(52) – Kinh về Các Tu Sĩ Tóc Búi (6:02)	99
(53) – Kinh về Sự Quán Chiếu (6:03)	102
(54) – Kinh Đầu về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:04)	102
(55) – Kinh Hai về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:05)	107
(56) – Kinh Ba về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:06)	110
(57) – Kinh về Tu-Bồ-Đề (6:07)	110
(58) – Kinh về Kỹ Nữ (6:08)	111
(59) – Kinh về Sự Quá Lố (6:09)	113
(60) – Kinh về Sự Khởi Sinh Của Như Lai (6:10)	114

Chương 7 – CHƯƠNG NHỎ 117

(61) – Kinh Nhất về Bhaddiya (7:01)	117
(62) – Kinh Hai về Bhaddiya (7:02)	118
(63) – Kinh Nhất về Sự Dính Nặng (7:03)	118
(64) – Kinh Hai về Sự Dính Nặng (7:04)	119
(65) – Kinh Khác về Bhaddya (7:05)	120
(66) – Kinh về Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng (7:06)	121
(67) – Kinh về Sự Trừ Bỏ Sự Phóng Tâm (7:07)	122
(68) – Kinh về Ca-Chiên-Diên (7:08)	123
(69) – Kinh về Cái Giếng (7:09)	124
(70) – Kinh về Vua Utena (Udena) (7:10)	125

Chương 8—DÂN LÀNG PĀṬALĪ.....	127
(71) – Kinh Nhất về Niết-Bàn (8:01).....	127
(72) – Kinh Hai về Niết-Bàn (8:02)	128
(73) – Kinh Ba về Niết-Bàn (8:03)	128
(74) – Kinh Bốn về Niết-Bàn (8:04).....	129
(75) – Kinh về Cunda (8:05)	130
(76) – Kinh về Dân Làng Pāṭali (8:06).....	137
(77) – Kinh về Đường Rẽ Hai (8:07).....	143
(78) – Kinh về Visākhā (8:08).....	144
(79) – Kinh Nhất về Dabba (8:09).....	146
(80) – Kinh Hai về Dabba (8:10)	147

Lời Người Dịch

Kính gởi quý độc giả:

[1] Quyển kinh *Lời Phật Cảm Thán (Udāna)*, (thường được dịch là *Kinh Phật Tự Thuyết*), là quyển thứ ba thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ, **KN**), sau quyển kinh *Tiểu Tụng* và *Pháp Cú*. Quyển này gồm những bài kinh trong đó mỗi kinh có 02 phần: (i) phần đầu [bằng văn xuôi] *thuật lại bối cảnh hay câu chuyện* về Đức Phật hay đối-tượng khác (như Tỳ kheo, đệ tử tại gia, hay những người dân Phật đã gặp), và (ii) phần sau là *lời Phật đã cảm hứng thốt ra* [dạng thi kệ, trừ 03 kinh có lời cảm thán bằng văn xuôi là kinh **71, 73, 74 (8:01, 8:03, 8:04)**].

Nhiều kinh trong quyển này nội dung và lời cảm thán cũng được ghi ở các kinh trong các Bộ Kinh khác. Ví dụ: kinh **Ud 8:04** có phần *lời Phật cảm thán* nói ra rất sâu sắc, nó cũng được ngài Đại Cunda (Mahācunda) nói với ngài Channa trong kinh **SN 35:87** (Quyển 4). Hoặc kinh **Ud 8:07** (về Cunda con trai người thợ rèn) và **Ud 8:08** (về dân làng Pāṭali) có nội dung giống y trong *Đại Kinh Bát Niết-bàn, DN 16*, từ mục 4.13-4.25 và từ mục 1.19-1.34 ... vân vân. Khi có sự trùng hợp nào nổi bật, người dịch sẽ chú thích bên dưới. Nếu trùng với các trước tác ngoài Kinh Tạng thì người dịch không chú thích.

[2] Một điều dễ thấy: có những kinh có thi kệ cảm thán có nội dung không liên quan gì tới nội dung bối cảnh sự việc được nói ở phần văn xuôi trước đó. Điều này có lẽ do thi kệ cảm thán gốc bị mất, bị nhầm hay lỗi trong quá trình truyền thừa bằng miệng ngày xưa. Người đọc có thể tự cảm nhận được.

Một số nội dung của các kinh có thể đã được đưa vô bằng các chuyện dân gian bên ngoài. Như kinh **6:04** có ví dụ chi tiết ‘những người mù sờ voi’ mang tính giải trí và giáo huấn cao, tuy nhiên sự việc mỗi người mù nói một ‘sự thật từng phần’ có lẽ không phù hợp với giáo lý Phật giáo mà hợp hơn với đạo Jain (Kỳ-na-giáo), và chuyện này vốn có từ cổ xưa trước đó, ngày nay các thầy giáo đạo Hindu (Ấn giáo) vẫn dùng để dạy như chuyện cổ dân gian. Như câu trả lời của thầy Nanda tỏ ra càng hiểu sắc một cách hài hước khi Phật hỏi so sánh ‘những tiên nữ chân như bồ câu’ với ‘nữ nhân đẹp nhất xứ’ của thầy. Như chuyện cô Suppavāsā khó sinh con đau đớn dữ dội kéo dài

nhưng cô lại trả lời vẫn muốn sinh thêm bảy đứa con khi Phật hỏi muốn có thêm bao nhiêu con như vậy và thần thoại đứa con vừa mới sinh ra có thể nói chuyện như bậc trí như vậy: đây có lẽ là cách nói dân gian được đưa vô để thể hiện ‘lòng mộ đạo’ hết mực của các Phật tử ... (như học giả J. D. Ireland cũng chỉ ra).

[3] Một số nhà sư học giả đã khảo sát và đưa ra một danh sách các kinh trong quyển này tương ứng giống các kinh trong các bộ kinh khác hay trong các ‘trước tác’ ngoài Kinh Tạng. Đó là công việc nghiên cứu hàn lâm của họ để thống kê cho mục đích nghiên cứu, truyền thừa, bảo tồn. Quý độc giả nếu không có công việc nghiên cứu thì không cần phải tra cứu tốn công và thời gian. Tôi nghĩ, đa số chúng ta đọc các kinh Phật với mục đích để hiểu lời kinh của Phật và tranh thủ thời gian thực-hành đúng giáo-lý mà Phật đã dạy, chứ không phải để tra cứu thống kê hàn lâm. Vì vậy, ví dụ, nếu quý vị đã từng đọc qua câu chuyện về ngài Nanda, thì bây giờ đọc lại *chỉ vài phút* càng tốt chứ không thừa. Do vậy không ích gì bỏ thời gian lâu để đi tra cứu xem kinh đó trùng với kinh nào đã đọc, ở đâu, để bỏ qua!

[4] Quyển kinh này hữu ích về thông tin những bối cảnh chuyện kinh của Phật sử và những thi kệ do Phật cảm thán thốt ra sau câu chuyện của mỗi bài kinh. Nhiều người thông qua quyển kinh này có biết hơn về những sự kiện lịch sử Đức Phật và các Tỳ kheo, các cư sĩ.

Quyển kinh này khác với quyển *Kinh Tập* gồm những thi kệ nói rất sâu về các thuật ngữ rất ráo của Phật giáo như các định nghĩa và công thức của sự đắc đạo, giác-ngộ, giải-thoát (mời coi lời giới thiệu trong quyển *Kinh Tập*) và cũng khác với quyển kinh *Pháp Cú* gồm những thi kệ ngắn tóm tắt về những giáo lý đa dạng, là những cách ngôn về những quy luật và nhân quả của đời sống, đạo đức, giới hạnh, tu tập.

[4] Một số chú thích ở cuối trang là từ kinh gốc, có những chú thích là của người dịch để giải thích cho rõ hơn cho các độc giả về các chữ và nghĩa đã dịch.

- Cũng như quyển kinh *Pháp Cú*, người dịch chuyển dịch các thi kệ gốc trong quyển này thành các thi kệ câu “05-chữ” cho dễ đọc.

[5] Lời nhắn gửi của người dịch: Mời quý vị *đọc qua* hay *đọc lại* các bài kinh ngắn này, điều đó sẽ giúp cho tâm của quý vị càng nhận ra

“cốt lõi đích thực” của Phật giáo nguyên gốc; đừng thấy nhàm chán khi đọc.

- Quý vị không cần phải đọc thuộc hay ghi nhớ tất cả. Bởi vì nếu đọc qua và hiểu ngữ nghĩa của lời kinh thì sau đó *cái tâm* sẽ tự biết và ghi nhớ. Khi nào cần, tâm sẽ tự nhớ ra nếu người tu càng ngày càng tu học tấn tới.

- Cuối cùng, cầu mong quý vị nhìn thấy những lẽ-thực của sự sống mà Đức Phật lịch sử đã chứng ngộ và chỉ dạy lại cho chúng sinh. Mong quý vị tu tiến.

Sài Gòn, mùa mưa Kiết Hạ, năm PL 2568, DL 2025

Người dịch

Chương 1 – BỒ-ĐỀ¹

(Bodhi-vaggo)

(1) – Kinh Nhất Cây Bồ-Đề² (1:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở gần Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiền (Nerañjarāya), dưới gốc cây Bồ-Đề, trong thời gian đầu sau khi chứng Giác Ngộ toàn thiện (chánh đẳng giác).

Rồi, trong thời đó đức Thế Tôn đang ngồi tréo chân (kiết già) suốt bảy ngày nếm trải niềm chân phúc của sự giải-thoát. Rồi qua bảy ngày, đức Thế Tôn, sau khi thoát ra khỏi thiền định, trong canh đầu của đêm, đã dụng tâm tác ý lý duyên khởi (sự khởi-sinh tùy thuộc) theo chiều thuận:

“Lý hữu sinh như vậy: khi khởi sinh thứ này, thì thứ kia khởi sinh. Tức là:

[Do có *vô-minh* là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] *những sự tạo-tác* (hành);

do có những sự tạo-tác là điều-kiện nên có *thức* (thức);

do có thức là điều-kiện nên có *danh-sắc* (danh sắc);

do có danh-sắc là điều-kiện nên có *sáu cơ-sở cảm nhận* (sáu xứ);

do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện nên có *sự tiếp-xúc* (xúc);

do có sự tiếp-xúc là điều-kiện nên có *cảm-giác* (thọ);

do có cảm-giác là điều-kiện nên có *dục-vọng* (ái);

do có dục-vọng là điều-kiện nên có *sự chấp-thủ* (thủ);

do có sự chấp-thủ là điều-kiện nên có *sự hiện-hữu* (hữu);

do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có *sự sinh-ra* (sinh);

¹ [Tên của các Chương trong quyển *Udāna* này được đặt theo tên của một kinh chính trong Chương đó; ngoại trừ Chương 7 (*Chương Tiểu Kinh*, gồm các kinh ngắn).] (1)

² [Chữ *Bodhi* ở tên Chương và 2 kinh kế tiếp là chỉ *Cây Bồ-Đề* chứ không phải chỉ *sự giác-ngộ* như các bản dịch khác, bởi vì các sự kiện được nói ở đây xảy ra ngay sau đêm Giác-Ngộ của Phật. So sánh với kinh **Ud 1:04** (*Kinh Cây Đa, Nigrodhasuttam*).] (2)

do có *sự sinh-ra* là điều-kiện, nên xảy ra *sự già-chết* (lão tử), sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não).

Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ đồng khổ này.³

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã hiểu [ngộ] ý nghĩa của lý này, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vậy:⁴

Khi (bản chất của) các pháp
Đã thực sự hiển hiện
Đối với bà-la-môn
Đang nhiệt thành thiền định
Thì tất cả nghi-ngờ
Của vị đó biến mất
Vì đã biết mỗi pháp
Và nhân duyên của nó.

“Yadā have pātubhavanti dhammā
Ātāpino jhāyato brāhmaṇassa,
Athassa kaṅkhā vapayanti sabbā,
Yato pajānāti sahetudhamman”-ti.

(2) – Kinh Hai Cây Bờ-Đề (1:02)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở gần Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiền (Nerañjarāya), dưới một gốc cây Bờ-Đề, trong thời gian đầu sau khi chứng Giác Ngộ toàn thiện (chánh đẳng giác).

Rồi, trong thời đó đức Thế Tôn đang ngồi tréo chân (kiết già) suốt bảy ngày nếm trải niềm chân phúc của sự giải-thoát. Rồi qua bảy ngày, đức Thế Tôn, sau khi thoát ra khỏi thiền định, trong canh *giữa* của đêm, đã dụng tâm tác ý lý duyên khởi (sự khởi-sinh tùy thuộc) theo chiều ngược lại:

³ [Lưu ý: *Lý duyên khởi* (sự khởi-sinh tùy thuộc, lý nhân duyên) ở đây và các kinh kể dưới có các bản song hành trong Chương 12, Quyển 2, của *Bộ Kinh Liên-Kết* (Tương Ưng Kinh Bộ, SN). Để học đầy đủ về *lý duyên khởi* người học Phật giáo nên đọc qua Chương 12 của *Bộ Kinh Liên-Kết*.] (3)

⁴ [Udāna: từ chữ *ud* (lên, ra) + *āna* (thờ); nghĩa là *thốt ra, tự nói ra, cảm hứng nói ra*. Vì vậy tên của quyển kinh cũng được dịch theo nghĩa chữ là “*Lời Phật Cảm Thán*”.] (4)

“Lý hữu diệt như vậy: khi không khởi sinh thứ này, thì thứ kia không khởi sinh. Tức là:

[Với sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và chấm dứt *vô-minh* thì chấm dứt *những sự tạo-tác*;

khi chấm dứt những sự tạo-tác thì chấm dứt *thức*;

khi chấm dứt thức thì chấm dứt *danh-sắc*;

khi chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt *sáu cơ-sở cảm nhận*;

khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận thì chấm dứt *sự tiếp-xúc*;

khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt *cảm-giác*;

khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt *dục-vọng*;

khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt *sự chấp-thủ*;

khi chấm dứt sự chấp-thủ thì chấm dứt *sự hiện-hữu*;

khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt *sự sinh-ra*;

khi chấm dứt sự sinh-ra thì không còn sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

Đó là sự *chấm-dứt* (chiêu hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”]

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã hiểu [ngộ] ý nghĩa của lý này, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vậy:

Khi (bản chất của) các pháp
Đã thực sự hiển hiện
Đối với bà-la-môn
Đang nhiệt thành thiền định
Vì sự diệt nhân duyên
Giờ đã được tỏ ngộ.

“Yadā have pātubhavanti dhammā
Ātāpino jhāyato brāhmaṇassa,
Athassa kaṅkhā vapayanti sabbā,
Yato khayam paccayānam avedī” -
ti.

(3) – Kinh Ba Cây Bồ-Đề (1:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở gần Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiên (Nerañjarāya), dưới một gốc cây Bồ-Đề, trong thời gian đầu sau khi chứng Giác Ngộ toàn thiện (chánh đẳng giác). Rồi trong thời đó đức Thế Tôn đang ngồi tréo chân (kiết già) suốt bảy ngày nếm trải niềm chân phúc của sự giải-thoát. Rồi qua bảy ngày,

đức Thế Tôn, sau khi thoát ra khỏi thiền định, trong canh *cuối* của đêm, đã dụng tâm tác ý lý duyên khởi (sự khởi-sinh tùy thuộc) theo chiều thuận và chiều ngược lại:

“Lý hữu sinh hữu diệt như vậy: (i) khi khởi sinh thứ này, thì thứ kia khởi sinh, và (ii) khi không khởi sinh thứ này, thì thứ kia không khởi sinh. Tức là:

[Do có *vô-minh* là điều-kiện nên có *những sự tạo-tác*;
do có *những sự tạo-tác* là điều-kiện nên có *thức*;
do có *thức* là điều-kiện nên có *danh-sắc*;
do có *danh-sắc* là điều-kiện nên có *sáu cơ-sở cảm nhận*;
do có *sáu cơ-sở cảm nhận* là điều-kiện nên có *sự tiếp-xúc*;
do có *sự tiếp-xúc* là điều-kiện nên có *cảm-giác*;
do có *cảm-giác* là điều-kiện nên có *dục-vọng*;
do có *dục-vọng* là điều-kiện nên có *sự chấp-thủ*;
do có *sự chấp-thủ* là điều-kiện nên có *sự hiện-hữu*;
do có *sự hiện-hữu* là điều-kiện nên có *sự sinh-ra*;
do có *sự sinh-ra* là điều-kiện, nên xảy ra *sự già-chết*, *sự buồn sầu*,
than khóc, *đau khổ*, *ưu phiền*, và *tuyệt vọng*.

Đó là *nguồn-gốc* (chiều khởi sinh) của toàn bộ *đống khổ* này.]

“Nhưng:

[Với *sự phai biến* *sạch sẽ* và *chấm dứt vô-minh* thì *chấm dứt những sự tạo-tác*;

khi *chấm dứt những sự tạo-tác* thì *chấm dứt thức*;

khi *chấm dứt thức* thì *chấm dứt danh-sắc*;

khi *chấm dứt danh-sắc* thì *chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận*;

khi *chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận* thì *chấm dứt sự tiếp-xúc*;

khi *chấm dứt sự tiếp-xúc* thì *chấm dứt cảm-giác*;

khi *chấm dứt cảm-giác* thì *chấm dứt dục-vọng*;

khi *chấm dứt dục-vọng* thì *chấm dứt sự chấp-thủ*;

khi *chấm dứt sự chấp-thủ* thì *chấm dứt sự hiện-hữu*;

khi *chấm dứt sự hiện-hữu* thì *chấm dứt sự sinh-ra*;

khi *chấm dứt sự sinh-ra* thì không còn *sự già-chết*, *sự buồn sầu*,
than khóc, *đau khổ*, *ưu phiền*, và *tuyệt vọng*.

Đó là sự *chấm-dứt* (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đồng khổ này.”]

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã ngộ ý nghĩa của lý này, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vậy:

Khi (bản chất của) các pháp
Đã thực sự hiển hiện
Đối với bà-la-môn
Đang nhiệt thành thiên định
Quét sạch quân Ma Vương
Vị ấy vững an trú
Như mặt trời ngự trị
Chiếu sáng cả bầu trời.

“Yadā have pātubhavanti dhammā
Ātāpino jhāyato brāhmaṇassa,
Vidhūpayam tiṭṭhati Mārasenam,
Suriyo va obhāsayam-
antaḷikkhan”-ti.

(4) – Kinh Cây Đa (1:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở gần Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiền (Nerañjarāya), dưới một gốc cây Đa (Banyan) của người chần dề. Rồi trong thời đó đức Thế Tôn đang ngồi tréo chân (kiết già) suốt bảy ngày nếm trải niềm chân phúc của sự giải-thoát. Rồi qua bảy ngày, đức Thế Tôn, sau khi thoát ra khỏi thiên định, một bà-la-môn có bản tính hay nhản nhỏ cần nhằn, đến chỗ đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông đứng qua một bên. Sau khi đứng qua một bên, ông nói với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Cồ-đàm, đến mức nào một người là một bà-la-môn? Và những điều gì làm nên một bà-la-môn?”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

Vị bà-la-môn đó
Loại bỏ điều xấu ác⁵

“Yo brāhmaṇo
bāhitapāpadhammo,

⁵ [Ở đây có sự chơi chữ giữa *brāhmaṇo* và *bāhita*.] (5)

Không nhận nhớ cần nhận
Chế ngự, hết ố nhiễm
Vói trí tuệ cao nhất
Phạm hạnh đã hoàn thành
Vị đó nói đúng pháp
Về Bà-la-môn giáo⁶
Vị đó không kiêu ngạo
Bất cứ đâu trên đời.

Nihuhuṅko nikkasāvo yatatto,
Vedantagū vusitabrahmacariyo,
Dhammena so Brahmavādaṃ
vadeyya,
Yassussadā natthi kuhiñci loke” ti.

(5) – Kinh về Các Trưởng Lão (1:05)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattṭhi (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có các ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna), Đại Ca-diếp (Mahākassapa), Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāyana), Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita), Đại Ka-pi-na (Mahākappina), Đại Chu-na (Mahācunda), A-nậu-lâu-đa (Anuruddha), Revata, và Nan-đa (Nanda)⁷ đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nhìn thấy các vị đi từ xa đi tới. Sau khi nhìn thấy họ, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, những vị bà-la-môn này đang tới. Này các Tỳ kheo, những vị bà-la-môn này đang tới.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo vốn được sinh ra trong gia tộc bà-la-môn đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đến mức nào một người là một bà-la-môn? Và những điều gì làm nên một bà-la-môn?”

⁶ [Theo luận giảng, ở đây lại có sự chơi chữ, ám chỉ học thuyết Bà-la-môn về loại bà-la-môn phi nhân, được thấy trong *Upaniṣad* (Áo nghĩa thư).] (6)

⁷ [Trong **BJT** (*Buddha Jayanti Tripitaka Series*, Volume XXIV, bản Tích Lan) ghi *Ānando*, trong **ChS** (*Chaṭṭha Saṅgāyana*, 1999, bản Miến Điện) ghi *Nando*, cách ghi sau có lẽ đúng hơn, vì tất cả các Tỳ kheo được nêu tên đều đã là A-la-hán, trong khi ngài *Ānanda* vẫn còn là một học-nhân (*sekha*) lúc Phật còn tại thế.] (7)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

Ai luôn sống chánh niệm
Loại bỏ điều xấu ác
Những vị Phật⁸ tiêu diệt
(Tất cả) những gông-cùm
Những vị ấy ở đời
Đích thực Bà-la-môn.

“Bāhivā pāpake dhamme,
ye caranti sadā satā,
Khīṇasaṃyojanā Buddhā,
te ve lokasmiṃ brāhmaṇā” ti.

(6) – Kinh về Ca-Diếp (1:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc (chỗ cho sóc ăn).

Lúc đó có ngài Đại Ca-diếp đang trú ở Hang Tiêu (Pipphali), đang bệnh nặng, đau đớn như gần chết. Rồi đến sau ngài Đại Ca-diếp đã hết bệnh. Sau khi mới hết bệnh, ý này đã xảy đến với ngài Đại Ca-diếp: “Giờ ta đi vô thành Vương Xá để khát thực.

Rồi có 500 thiên thần hăng hái sửa soạn đồ cúng dường cho ngài Đại Ca-diếp. Nhưng ngài Đại Ca-diếp, sau khi từ chối 500 thiên thần đó, vào buổi sáng, mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô Vương Xá để khát thực, ngài đi qua những đường những người khèo, đường của những người khốn khổ, đường của những người thợ đan dệt. Rồi đức Thế Tôn nhìn thấy ngài Đại ca-diếp đang đi khát thực ở Vương Xá, đi qua những đường những người khèo, đường của những người khốn khổ, đường của những người thợ đan dệt.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

⁸ [Những vị Phật (Buddha) ở đây là danh từ chung chỉ những vị đã giác-ngộ, gồm cả các vị thánh đệ tử, các vị Phật và các vị Phật Toàn Giác. Kế dưới gông-cùm = kiết sử (saṃyojanā) chỉ 10 loại gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu (theo giáo lý Phật giáo).] (8)

Không nhờ người cấp dưỡng
(Tự mình đi khất thực)
Được nhiều người biết đến
Sống tự mình chế ngự
Thiết lập trong cốt lõi
Đã diệt hết lậu hoặc
Đã trừ sạch sân giận
Thầy ấy được ta gọi
Là một bà-la-môn.

“Anaññaposim aññātam,⁹
dantam sāre¹⁰ patitṭhitam,
Khīṇāsavaṃ vantadosaṃ:
tam-aham brūmi brāhmaṇaṃ” -ti.

(7) – Kinh Ở Pāvā (1:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Pāvā, gần chỗ Đền Thờ Đàn Dê, là xào huyệt của quỷ dạ-xoa Đền Thờ Đàn Dê.

Lúc đó, trong bóng tối của đêm đức Thế Tôn ngồi đang ở ngoài trời, trời mưa nhẹ từng giọt. Rồi dạ-xoa Đền Thờ Đàn Dê muốn làm đức Thế Tôn sợ hãi, khiếp sợ, kinh sợ (lông tóc dựng đứng), đã đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi đến gần dạ-xoa hét lên ba lần:

⁹ [Lời kinh gốc chỗ này có mấy vấn đề. (i) Luận giảng ghi rằng chữ *anaññaposim* ở đây có nghĩa là “không được nuôi dưỡng, không được cấp dưỡng bởi ai khác”: thật khó hiểu khi thuật ngữ này được dùng để tả về một người khất thực là người đi xin thức ăn của người khác; (người dịch nghĩ lời kinh hàm nghĩa là ngài Ca-diếp muốn tự mình bỏ công đi khất thực hơn là ngồi một chỗ để được người khác dâng cúng thức ăn; đó là một hạnh đầu-đà: sự thực hành kham nhẫn và buông bỏ là cốt lõi của đạo Phật.

(ii) Luận giảng định nghĩa chữ *aññāta* vừa có nghĩa là *được biết nhiều* (có danh tiếng) và cả nghĩa ngược lại là *không được biết đến* (không danh tiếng gì)! Đối chiếu bản Phạn *Udānavarg* (33-23) có ghi là: *Ananyaposi hy aññātā*, cho thấy những nhà kết tập bản Phạn đã hiểu nghĩa thứ nhất là nguyên gốc: “*được biết nhiều*”.] (9)

¹⁰ [Chữ *sāra*: gốc lõi, cốt lõi, thực chất, cốt cách, tinh túy. Người dịch nghĩ hàm nghĩa chỉ *cốt lõi của đạo Phật, đạo buông bỏ và giải thoát*; trái với người tu chỉ tu hình thức bề ngoài chứ thực chất không thực hành hạnh kham nhẫn và buông bỏ (trong thời cận đại và hiện đại đa số tu sĩ Phật giáo đều chỉ được thấy qua hình thức, ít thấy người chân tu với hạnh kham nhẫn và buông bỏ).] (10)

“Hú hồn khiếp vía này”, và hấn hù dọa cho khiếp vía.

“Quý sứ cho ông đây, này sa-môn.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được ý nghĩa việc này, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vậy:

Bậc ấy bà-la-môn
Vớ mọi thứ của mình
Đã vượt qua bờ kia
Thì vớ quý dữ này
Và sự khiếp vía này
Bậc ấy cũng vượt trên.

“Yadā sakesu dhammesu
pāragu hoti brahmaṇo,
Atha etaṃ pisācañ-ca
pakkulañ-cātivattatī” ti.

(8) – Kinh về Saṅgāmajī (1:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có ngài Saṅgāmajī đã đến Sāvattthī để gặp đức Thế Tôn. Người vợ trước kia của thầy Saṅgāmajī nghe tin: “Thầy Saṅgāmajī đã đến Sāvattthī”, bà liền dẫn theo con trai đi đến Khu Vườn Jeta.

Rồi, lúc này thầy Saṅgāmajī đang an trú qua ngày dưới một gốc cây, người vợ trước của thầy Saṅgāmajī đã đến chỗ thầy Saṅgāmajī. Sau khi đến, bà nói với thầy Saṅgāmajī: “Này sa-môn, tôi có con nhỏ, ông phải chăm lo cho tôi.” Lần thứ hai bà nói, thầy Saṅgāmajī vẫn im lặng.

Lần thứ ba người vợ trước của thầy Saṅgāmajī lại nói với thầy Saṅgāmajī: “Này sa-môn, tôi có con nhỏ, ông phải chăm lo cho tôi.” Lần thứ ba thầy Saṅgāmajī vẫn im lặng.

Rồi người vợ trước của thầy Saṅgāmajī, sau khi để con xuống trước mặt thầy Saṅgāmajī, bà nói: “Này sa-môn, đây là con của ông. Ông phải chăm lo cho nó.”

Nhưng thầy Saṅgāmajī không nhìn đứa con đứa bé cũng không

nói gì với nó.

Rồi người vợ trước của thầy Saṅgāmajī, sau khi bỏ đi không xa, bà ngoái lại nhìn thấy thầy Saṅgāmajī không nhìn đứa bé cũng không nói gì với nó. Sau khi nhìn thấy vậy, bà nghĩ: “Sa-môn này thậm chí không cần tới con nữa.”

Vì vậy bà quay lại dắt con và bỏ đi luôn.

Bằng thiên nhãn siêu phàm, đức Thế Tôn đã nhìn thấy cảnh người vợ trước của thầy Saṅgāmajī có những cư xử xấu như vậy.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được ý nghĩa điều này, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vầy:

(Cô) đến thầy không vui
(Cô) đi thầy không buồn
Saṅgāmajim thắng trận
Giải thoát khỏi gông còng
Ta gọi bà-la-môn.

“Āyantim nābhinandati,
pakkamantim na socati,
Saṅgā Saṅgāmajim muttam:
tam-ahaṃ brūmi brāhmaṇa”-ti.

(9) – Kinh về Các Tu Sĩ Tóc Búi (1:09)

Tôi nghe như vầy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Gayā, trên Đỉnh Núi Gayā. Lúc đó có nhiều tu sĩ tóc búi, trong những đêm mùa đông lạnh giá, trong đợt “tám ngày lạnh nhất”, cứ lên xuống và lặn hụp dưới sông Gayā, vung rẩy nước để tế thần lửa, họ nghĩ: “Nhờ làm vậy sẽ được thanh lọc”.

Đức Thế Tôn nhìn thấy có nhiều tu sĩ tóc búi, trong những đêm mùa đông lạnh giá, trong đợt “tám ngày lạnh nhất”, cứ lên xuống và lặn hụp dưới sông Gayā, vung rẩy nước để tế thần lửa, họ nghĩ: “Nhờ làm vậy sẽ được thanh lọc”.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

Đâu phải nhờ vào nước

“Na udakena suci hoti –

Mà có sự thanh lọc –
Nhiều người cứ tắm đây
Ai có bên trong mình
Sự thật và Giáo Pháp
Người đó mới thanh tịnh
Mới là bà-la-môn.

bahvettha nahāyatī jano!
Yamhi saccañ-ca Dhammo ca,
so sucī so ca brāhmaṇo” ti.

(10) – Kinh về Bāhiya (1:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có vị (được gọi là) “Bāhiya mặc y (làm bằng) vỏ cây” đang sống ở Suppāraka, bên bờ biển; vị ấy được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Rồi, khi “Bāhiya mặc y vỏ cây” khi trú ẩn ẩn dật, trong tâm vị ấy khởi lên tư tưởng này: “Những người trong thế gian là những A-la-hán hoặc những người đã bước vào đạo lộ dẫn tới A-la-hán: ta là một trong số đó!”.

Rồi một thiên thần, vốn trước kia là người họ tộc huyết thống của “Bāhiya mặc y vỏ cây”, vì lòng bi mẫn và muốn vị ấy được phúc lợi, sau khi biết được tư tưởng trong tâm của “Bāhiya mặc y vỏ cây”, đã đến chỗ vị ấy. Sau khi đến, vị tiên nói với “Bāhiya mặc y vỏ cây”:

“Này Bāhiya, chắc chắn anh không phải là một A-la-hán. Sự tu hành này của anh không phải là cách để anh có thể thành một A-la-hán hay thành người đã bước vào đạo lộ dẫn tới A-la-hán.”

“Vậy giờ, trong thế gian này có những thiên thần, những ai là A-la-hán hoặc là những người đã bước vào đạo lộ dẫn tới A-la-hán?”

“Này Bāhiya, ở xứ phương bắc có một kinh thành tên là

Sāvatthī. Hiện tại có bậc Thế Tôn đang ở đó, ngài là một A-la-hán, bậc Phật Toàn Giác. Nay Bāhiya, bậc Thế Tôn đó chắc chắn là một A-la-hán, và chỉ dạy Giáo Pháp để đạt tới trạng thái A-la-hán.”

Rồi “Bāhiya mặc y vỏ cây” rất lấy làm cảm kích bởi vị tiên đó, lập tức lên đường từ Suppāraka, và qua mỗi nơi (chặng) chỉ nghỉ lại qua một đêm, sau đó đã tới Sāvatthī, Khu Vườn Jeta, và Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi, lúc đó, có nhiều Tỳ kheo đang đi thiền ngoài trời. “Bāhiya mặc y vỏ cây” đến chỗ các Tỳ kheo đó, sau khi đến vị ấy hỏi các Tỳ kheo:

“Thưa quý thầy, hiện tại đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đang sống ở đâu? Tôi có mong muốn gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

“Này Bāhiya, đức Thế Tôn đã đi vô các khu nhà để khát thực”.¹¹

Rồi “Bāhiya mặc y vỏ cây” vội vàng rời khỏi Khu Vườn Jeta, đi vô thành Sāvatthī, ông nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi bộ khát thực trong thành Sāvatthī: (phong thái) tự tin, khích lệ niềm tin, với các căn bình an, tâm bình an, sau khi đã đạt tới sự tự chủ và bình tĩnh tối thượng, tự tại, được phòng hộ, với các căn được chế ngự, đích thực là một bậc long tượng (nāga). Sau khi nhìn thấy, ông đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi đến ông cúi lạy kính lễ với đầu dưới chân đức Thế Tôn, ông thưa với đức Thế Tôn:

“Xin kính lễ đức Thế Tôn, mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp, điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con.”

Sau lời này được nói ra, đức Thế Tôn nói với “Bāhiya mặc y vỏ cây”: “Này Bāhiya, giờ không phải lúc, chúng ta đang đi vô các khu nhà để khát thực.”

Lần thứ hai “Bāhiya mặc y vỏ cây” thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng thưa đức Thế Tôn, thật khó lòng trước những nguy

¹¹ [Các khu nhà tức thành phố, trong vùng dân cư trong thành]. (11)

hại đối với sinh mạng của đức Thế Tôn hay những nguy hại đối với sinh mạng của con! Mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp, điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con.”¹²

Lần thứ hai đức Thế Tôn cũng nói với “Bāhiya mặc y vỏ cây”: “Này Bāhiya, giờ không phải lúc, chúng ta đang đi vô các khu nhà để khát thực.”

Lần thứ ba “Bāhiya mặc y vỏ cây” lại thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng thưa đức Thế Tôn, thật khó mà biết những nguy hại đối với sinh mạng của đức Thế Tôn hay những nguy hại đối với sinh mạng của con! Mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp, điều đó sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho con.”

“Trong trường hợp đó, này Bāhiya, anh nên tu tập bản thân như vậy: Trong thứ được thấy ắt chỉ có thứ được thấy, trong thứ được nghe ắt chỉ có thứ được nghe, trong thứ được cảm nhận ắt chỉ có thứ được cảm nhận, trong thứ được nhận biết ắt chỉ có thứ được nhận biết. Chính theo cách này anh nên tu tập bản thân, này Bāhiya.

“Và do đối với anh, này Bāhiya, trong thứ được thấy sẽ chỉ có thứ được thấy, trong thứ được nghe sẽ chỉ có thứ được nghe, trong thứ được cảm nhận sẽ chỉ có thứ được cảm nhận, trong thứ được nhận biết sẽ chỉ có thứ được nhận biết; do vậy, này Bāhiya, anh sẽ không là gì với đó; và này Bāhiya, do anh sẽ không là gì với đó, cho nên anh sẽ không là gì trong đó; và này Bāhiya, do anh sẽ không là gì trong đó, cho nên anh sẽ không ở-đây hay ở-sau hay ở-giữa hai

¹² [Theo người dịch, lời ông nói với Phật mang ý nghĩa thật thâm thúy: Vì sự sống là vô-thường, có thể sống nay chết mai, vì vậy khả năng sau đó Phật không còn sống để chỉ dạy Giáo Pháp cho ông, hoặc ông không còn sống để được nghe Giáo Pháp được chỉ dạy bởi Phật. Và chúng ta sẽ thấy sự vô-thường đã xảy ra ở cuối kinh! Có lẽ Phật đã biết trước điều này, và Phật cũng biết rằng vị này là một tu sĩ đã giác ngộ lẽ vô-thường! (Điều này cũng thật thâm thúy đối với chúng ta khi đọc).] (12)

đó—¹³chính đây là sự chấm-dứt khô.”

Rồi sau khi nghe bài chỉ dạy Giáo Pháp ngắn gọn của đức Thế Tôn, tâm của “Bāhiya mặc y vỏ cây” lập tức được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm, không còn chấp-thủ. Rồi đức Thế Tôn đi khỏi, sau khi đã ban cho “Bāhiya mặc y vỏ cây” lời chỉ giáo ngắn gọn.

Rồi không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, một con bò cái và con bò con đã đến húc chết “Bāhiya mặc y vỏ cây”.

Sau khi đức Thế Tôn đã đi xong một vòng khát thực, sau khi ăn trưa và đi ra khỏi thành cùng với nhiều Tỳ kheo, nhìn thấy “Bāhiya mặc y vỏ cây” đã chết. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy mang thân của “Bāhiya mặc y vỏ cây” đặt trên giá đỡ, khiêng đi và hỏa thiêu, sau đó hãy đắp mộ thành bia tháp tưởng niệm cho thầy ấy; này các Tỳ kheo, đó là người đồng đạo của các thầy, đã chết.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, sau khi đó họ mang thân của “Bāhiya mặc y vỏ cây” đặt trên giá đỡ, khiêng đi và hỏa thiêu, sau đó đắp mộ thành bia tháp tưởng niệm cho thầy ấy. Làm xong họ đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên.

Khi đang ngồi một bên, các Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thân của “Bāhiya mặc y vỏ cây” đã được thiêu, và mộ tháp tưởng niệm cho vị ấy đã làm xong. Vậy nơi-đến của vị ấy là gì? Trạng thái tương lai của vị ấy là gì?”

“Này các Tỳ kheo, “Bāhiya mặc y vỏ cây” là một người trí, đã thực hành Giáo Pháp đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, “Bāhiya mặc y vỏ cây” đã giải-thoát toàn thiện.” Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được ý nghĩa của câu hỏi, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán như vậy:

¹³ [Ở-đây hay ở-sau hay ở-giữa hai đó: đời này hay đời sau hay giữa hai thời kiếp.] (13)

“Chỗ nào nước, đất, gió
 Và lửa không căn cước
 Ở đó sao không sáng
 Mặt trời không chiếu sáng
 Mặt trăng không tỏa sáng
 Cũng không thấy bóng tối.
 Và khi bậc mâu-ni
 Là một bà-la-môn
 Đã trải nghiệm Niết-bàn
 Nhờ phẩm chất mâu-ni¹⁴
 Bậc ấy đã tự do
 Khỏi sắc và vô sắc
 Đã hết khổ và sướng.”¹⁵

“Yattha āpo ca paṭhavi,
 tejo vāyo na gādhati,
 Na tattha sukkā jotanti,
 ādicco nappakāsati,
 Na tattha candimā bhāti,
 tamo tattha na vijjati.
 Yadā ca attanā vedī,
 muni monena brāhmaṇo,
 Atha rūpā arūpā ca,
 sukhadukkhā pamuccatī” ti.

Đây là lời đức Thế Tôn cảm hứng tốt ra, tôi đã nghe như vậy.

¹⁴ [Nguyên văn: *muni monena*. *Muni*: bậc im lặng, trí giả trầm mặc, mâu-ni; *monena*: phẩm chất mâu-ni, sự trầm mặc, sự thánh lặng.] (14)

¹⁵ [Kinh này gọi nhớ câu chuyện đầy cảm động của tu sĩ Pukkusāti, người đã chứng quả Bất-lai trước khi thành Tỳ kheo. Sau khi nghe Phật giảng, Pukkusāti đi ra đường tìm ba y một bát về để Phật truyền giới thành Tỳ kheo, nhưng cũng bị bò hoang húc chết (kinh MN 140). Điều này cho thấy ở Ấn Độ bò được thả đi rong tự do từ thời trước Phật.] (15)

Chương 2—MUCALINDA

(Mucalinda-vaggo)

(11) – Kinh về Mucalinda (2:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā, bên bờ sông Nīliena-thiēna (Nerañjarā), dưới gốc cây sa-la ở ao nước Mucalinda, trong thời gian đầu sau khi chứng Giác Ngộ toàn thiện (chánh đẳng giác). Lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi trên chân (kiết già) suốt bảy ngày trải nghiệm niềm chân phúc của sự giải-thoát.

Rồi, lúc đó mây lớn ập đến, làm mưa lớn, gió lạnh và trời u ám suốt bảy ngày. Lúc đó thần rắn Mucalinda,¹⁶ sau khi rời khỏi chỗ ẩn náu đã nổi lên, dùng thân rắn quấn bảy vòng quanh thân đức Thế Tôn để che, đầu to của rắn vươn ra làm mái che trên đầu đức Thế Tôn, thần rắn nghĩ:

“Mong đức Thế Tôn không bị lạnh, mong đức Thế Tôn không bị nóng, mong đức Thế Tôn không bị ruồi muỗi, gió máy, nắng nóng và bò sát rắn rít.”

Sau khi bảy ngày đã qua, đức Thế Tôn ra khỏi thiền định. Rồi thần rắn Mucalinda, sau khi hiểu trời đã trở lại trong sáng hết mây, sau khi nhả thân quấn khỏi thân đức Thế Tôn, và sau khi biến khỏi hình dạng rắn và biến thành một bà-la-môn trẻ, đã đứng trước mặt đức Thế Tôn, chấp hai tay kính lễ đức Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

¹⁶ [Lưu ý: *Mucalinda* là tên của ao nước; Đức Phật đã ngồi dưới cây sa-la (suốt 07 ngày của tuần lễ thứ 6 sau khi giác ngộ), do cây ở cạnh ao nước này nên về sau họ quen gọi là cây *Mucalinda*. Và thần rắn hay long vương (*nāga*) ở dưới ao nước này nổi lên nên cũng được gọi là thần rắn *Mucalinda*.] (16)

“Có an lạc, buông ly
Cho người biết tri túc
Là người đã nghe Pháp
Và người biết nhìn thấy.
Có an lạc cho người
Ở đời hết ác-ý
Và người biết chế ngự
Với chúng sinh hữu tình.
Sự chán-bỏ sự đời
Vượt qua tất cả dục
Cũng là sự an lạc,
Nhưng ai đã loại bỏ
Sự tự-ta ngã mạn –
Thì đích thực đó là
Sự an lạc tối thượng.”

“Sukho viveko tutṭhassa,
sutadhammassa passato,
Abyāpajjaṃ sukhaṃ loke,
pāṇabhūtesu saṃyamo.
Sukhā virāgatā loke,
kāmaṇaṃ samatikkamo,
Asmimānassa yo vinayo –
etaṃ ve paramaṃ sukhaṃ” -ti.

(12) – Kinh về Các Vua (2:02)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Rồi, lúc đó các Tỷ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỷ kheo đã tụ họp, khi đang ngồi trong sảnh đường, trong số họ đã khởi lên sự thảo luận này:

“Giờ, này các vị đạo hữu, ai trong hai vị vua này có nhiều của cải hơn, giàu có hơn, kho báu lớn hơn, lãnh thổ lớn hơn, xe cộ lớn hơn, sức mạnh lớn hơn, uy lực lớn hơn, uy phong lẫm liệt hơn— Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) và Vua Pasenadi của xứ Kiền-tất-la (Kosala)?”

Sự thảo luận này của các Tỷ kheo đang diễn ra dang dở. Lúc đó đức Thế Tôn, sau khi ra khỏi chỗ ẩn trú, đã đến sảnh đường, sau khi đến đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Sau khi ngồi

xuống, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, cuộc nói chuyện giữa các thầy sau khi đã tụ họp và đang ngồi ở đây là gì, và sự thảo luận đang dang dở là gì?”

“Thưa Thế Tôn, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đã tụ họp, khi đang ngồi trong sảnh đường, trong chúng con đã khởi lên sự thảo luận này:

“Giờ, này các vị đạo hữu, ai trong hai vị vua này có nhiều của cải hơn, giàu có hơn, kho báu lớn hơn, lãnh thổ lớn hơn, xe cộ lớn hơn, sức mạnh lớn hơn, uy lực lớn hơn, uy phong lẫm liệt hơn—Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bì-sa-la) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) và Vua Pasenadi của xứ Kiền-tất-la (Kosala)?” —Thưa Thế Tôn, đây là sự thảo luận đang dở, rồi đức Thế Tôn đã đến.”

“Này các Tỳ kheo, điều này chắc chắn không phù hợp cho các thầy là những người con của những gia đình thiện đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà lại đi bàn thảo mấy chuyện như vậy. Này các Tỳ kheo, khi các thầy đã tụ họp với nhau, có hai việc các thầy phải làm, đó là: đàm đạo về Giáo Pháp, hoặc nếu không thì giữ sự im-lặng thánh thiện.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Dục lạc nào ở đời
Hay lạc nào thần thánh
Không bằng phần mười sáu
Lạc có từ ái-tận.”¹⁷

“Yañ-ca kāmasukham loke,
yañ-cidañ diviyañ sukhañ,
Tanhakkhayasukhassete
kalam nāgghanti soḷasin”-ti.

(13) – Kinh về Gậy Gộc (2:03)

Tôi nghe như vậy:

¹⁷ [Lạc có từ ái-tận (Tanhakkhayasukhassete): niềm hạnh-phúc có từ sự tiêu diệt dục-vọng. Ý nghĩa thuật ngữ này được lặp lại trong vô số bài kinh: vì dục-vọng (ái) là nguyên nhân gốc của sự khổ (Diệu Đế 2), vì vậy sự tiêu diệt dục-vọng là sự diệt khổ (Diệu Đế 3) = sự giải thoát, Niết-bàn. Do vậy loại lạc này mới là tối thượng, rốt ráo.] (17)

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Rồi lúc đó, tại một chỗ nằm giữa thành Sāvattthī (Xá-vệ) và Khu Vườn Jeta có đám thiếu niên đang dùng cây gậy tấn công một con rắn. Lúc đó đức Thế Tôn, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Đức Thế Tôn nhìn thấy tại một chỗ nằm giữa thành Sāvattthī (Xá-vệ) và Khu Vườn Jeta có đám thiếu niên đang dùng cây gậy tấn công một con rắn.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai mưu cầu hạnh phúc
Mà dùng gậy hãm hại
Chúng sinh muốn an lạc –
Sẽ không thấy hạnh phúc
Sau khi mình qua đời.
Ai mưu cầu hạnh phúc
Không dùng gậy hãm hại
Chúng sinh muốn an lạc –
Sẽ tìm thấy hạnh phúc
Sau khi mình qua đời.”

“Sukhakāmāni bhūtāni,
yo daṇḍena vihiṃsati
Attano sukham-esāno,
pecca so na labhate sukham.
Sukhakāmāni bhūtāni,
yo daṇḍena na hiṃsati
Attano sukham-esāno,
pecca so labhate sukhan”-ti.

(14) – Kinh về Sự Tôn Kính (2:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, thời đó đức Thế Tôn được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh; Tăng đoàn các Tỷ kheo cũng được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Nhưng những du sĩ các giáo phái

khác không được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; không được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh.

Rồi những du sĩ các giáo phái khác đó, do không chịu được sự tôn kính dành cho đức Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỷ kheo, cho nên sau khi thấy các Tỷ kheo trong làng hay ở nơi hoang vắng, họ đã chửi bới, lăng mạ, chọc tức và quấy rối bằng những lời lẽ thô tục và thô lỗ. Rồi nhiều Tỷ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, hiện tại thì đức Thế Tôn được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh; Tăng đoàn các Tỷ kheo cũng được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Nhưng những du sĩ các giáo phái khác không được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; không được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Rồi thì, những du sĩ các giáo phái khác đó, do không chịu được sự tôn kính dành cho đức Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỷ kheo, cho nên sau khi thấy các Tỷ kheo trong làng hay ở nơi hoang vắng, họ đã chửi bới, lăng mạ, chọc tức và quấy rối bằng những lời lẽ thô tục và thô lỗ.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Khi có sướng và khổ
Trong làng hay trong rừng
Chớ quy đó là mình
Hay quy là người khác.
Sự tiếp-xúc tiếp xúc
Với sanh-y là duyên
Khi sanh-y đã diệt
Thì những sự tiếp-xúc

“Gāme araṇṇe
sukhadukkhaphuṭṭho,
Nevattato no parato dahetha.
Phusanti phassā upadhiṃ paṭicca,
Nirūpadhiṃ kena phuseyyum
phassā?”-ti.

Làm sao tiếp xúc ai?”¹⁸

(15) – Kinh về Đệ Tử Tại Gia (2:05)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có một đệ tử tại gia (u-bà-tắc) từ Icchānaṅgala đã đến Sāvattthī vì làm ăn hay công việc. Rồi vị đệ tử tại gia đó, sau khi đã xong việc ở Sāvattthī đã tới gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến nơi, ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này đệ tử tại gia, rốt cuộc chú cũng đã thu xếp xong công việc để đến đây.”

“Thưa Thế Tôn, đã từ lâu có đã muốn đến gặp đức Thế Tôn, nhưng con bận bịu với mấy thứ bốn phận và công việc làm ăn này nọ, do vậy con đã không thể đến gặp đức Thế Tôn.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những ai không có gì
Thì hạnh phúc an lạc
Ai đã hiểu Giáo Pháp
Ai đã học hiểu nhiều
Họ nhìn thấy được rằng:

“Sukham vata tassa na hoti kiñci,
Saṅkhātadhammassa bahussutassa,
Sakiñcanam passa vihaññamānam,
Jano janasmim paṭibaddharūpo” -ti.

¹⁸ [Như chú thích ở thi kệ 418 quyển *Pháp Cú* và thi kệ 642 quyển *Kinh Tập*: *Sanh-y* = *sự thu-nạp*, *thứ thu-nạp* là dịch chữ *upadhi*; còn *nirūpadhim*: *hết sanh-y*, *diệt sanh-y*, *sanh-y tận*. Sự thu-nạp chính là các nhân tạo ra tái sinh luân-hồi. Khi nào hết sự thu-nạp thì hết tái-sinh. Nhân tiện trích chú thích ở thi kệ 546 của quyển *Kinh Tập* ghi: [Theo giáo lý Phật giáo, *04 sự thu-nạp*: (i) sự thu-nạp năm uẩn (uẩn sanh y), (ii) sự thu-nạp những lậu-hoặc (lậu hoặc sanh y), (iii) sự thu-nạp năm dây dục-lạc (dục lạc sanh y), và (iv) sự thu-nạp những sự tạo-tác (hành sanh y).] (18)

- Lưu ý: Trước giờ các bản dịch đều dịch khác nhau đối với thi kệ khó này! (18)

Người mà có thứ gì¹⁹
Sẽ luôn bị phiền não
Người đó bị trói buộc
Đối với những người khác.”

(16) – Kinh về Người Phụ Nữ Mang Bầu (2:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có một nữ bà-la-môn trẻ là vợ của một du sĩ, cô đang mang bầu sắp sanh. Rồi nữ du sĩ đó nói điều này với du sĩ đó: “Này bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng cho việc sinh đẻ.” Du sĩ đó mới nói với nữ du sĩ: “Này phu nhân yêu quý, từ đâu tôi có dầu mang về?”

Rồi lần hai nữ du sĩ nói với du sĩ đó: “Này bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng cho việc sinh đẻ.” Lần hai du sĩ đó mới nói với nữ du sĩ: “Này phu nhân yêu quý, từ đâu tôi có dầu mang về?”

Rồi lần ba nữ du sĩ nói với du sĩ đó: “Này bà-la-môn, hãy đi và đem dầu về, tôi cần dùng cho việc sinh đẻ.”

Rồi, thời đó ở kho của Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của xứ Kiền-tất-la (Kosala) thì một sa-môn hay bà-la-môn có thể uống bơ hay dầu tùy ý, nhưng không cho lấy đem đi.

Rồi du sĩ đó nảy ra ý nghĩ này: “Ở kho của Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiền-tất-la thì một sa-môn hay bà-la-môn có thể uống bơ hay dầu tùy ý, nhưng không cho lấy đem đi. Vậy bây giờ ta hãy đến chỗ kho của Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiền-tất-la uống nhiều dầu như đang cần, sau đó trở về nhà và ói dầu ra, ta có thể đưa cho phu nhân, dùng cho việc sinh đẻ.”

¹⁹ [Sakiñcanam: người có thứ gì. Luận giảng cho rằng ở đây nói theo nghĩa đạo, tức người có ô-nhiễm (lậu hoặc) nào, thì sẽ bị phiền não.] (19)

Rồi du sĩ đó đã đến chỗ kho của Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiều-tất-la uống càng được nhiều dầu như đang cần, sau đó trở về nhà, nhưng anh không thể ói lên hay nuốt dầu xuống được, và bị những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận, và nằm lăn lộn tới lui.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khát thực. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy du sĩ đó đang bị những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận, và nằm lăn lộn tới lui.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những ai không có gì
Thì hạnh phúc an lạc
Những bậc chánh tri tuệ
Họ không sở hữu gì
Họ nhìn thấy được rằng:
Người mà có thứ gì
Sẽ luôn bị phiền não
Người đó bị trói buộc
Đối với những người khác.”

“Sukhino vata ye akiñcanā,
Vedaguno hi janā akiñcanā,
Sakiñcanam passa vihaññamānam:
Mucalindavaggo
Jano janasmim paṭibaddharūpo” ti.

(17) – Kinh về Đứa Con Duy Nhất (2:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Rồi bấy giờ một đệ tử tại gia có một đứa con duy nhất, được thương yêu và cung quý, mới qua đời. Rồi nhiều đệ tử tại gia, với đầu tóc và quần áo thấm ướt, đã đến gặp đức Thế Tôn lúc giữa trưa. Sau khi đến, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Giờ thì, vì sao các người là đệ tử tại gia mà đầu tóc và quần áo

thấm ướt, đến đây lúc giữa trưa như vậy?”

Sau khi điều này được nói ra, vị đệ tử tại gia (mất con) đó đã thừa vói đức Thế Tôn: “Thưa đức Thế Tôn, đứa con duy nhất của con, được thương yêu và cung quý, đã chết. Đó là lý do tại sao chúng con, vói đầu tóc và quần áo đầm ướt, đến đây vào giữa trưa.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Chư thiên và nhiều người
Đính nặng sự vui thích
Vói thân sắc đáng yêu
Họ khổ lụy, héo tàn
Nằm dưới tay Thần Chết.
Ai chuyên chú ngày đêm
Thì chắc chắn từ bỏ
Những thân sắc dẫu yêu–
Họ chắc chắn bừng sạch
Gốc rễ sự thống khổ
Tức mối của Thần Chết
Vốn rất khó vượt qua.”

“Piyarūpassādagathitāse
devakāyā puthumanussā ca,
Aghāvino parijunnā,
Maccurājassa vasaṃ gacchanti.
Ye ve divā ca ratto ca
appamattā jahanti piyarūpaṃ–
Te ve khananti aghamūlaṃ
Maccuno āmisāṃ durativattan”-ti.

(18) – Kinh về Suppavāsā (2:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Kuṇḍiya, chỗ Khu Rừng Kuṇḍadhāna.

Bấy giờ có phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi (Koliya)²⁰

²⁰ [Nguyên văn tên cô là: *Suppavāsā Koliyadhītā*. Chữ *dhītā*: con gái (*putta*: con trai). Chữ này được dùng với nghĩa tôn trọng là ‘người con gái của xứ sở, người con gái của dân tộc’, chẳng hạn họ cũng gọi Phật là “người con của xứ Thích-Ca” hay “người con của dân tộc Thích-Ca”. Có các bản dịch ghi luôn cô là ‘công chúa’. Nói cho đúng, cô được sinh ra trong một vương tộc của xứ Câu-lợi (vương quốc Koliya), được chính thức gọi là ‘công chúa’. Cô lấy chồng là một hoàng tử xứ Thích-Ca (vương quốc

mang thai đứa con đã bảy năm, và đã bảy ngày qua mắc đẻ nhưng không thể sanh được. Trong thời đó cô bị những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận, cô vẫn nhất tâm với ba ý niệm: “(i) Chắc chắn đức Thế Tôn là Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để trừ được sự khổ đau như vậy; (ii) chắc chắn Tăng Đoàn của đức Thế Tôn là tu tập tốt lành, họ tu tập để trừ được sự khổ đau như vậy; (iii) chắc chắn Sự Giải Thoát là chân hạnh phúc, ở đó không còn sự khổ đau như vậy.”

Rồi phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đã nói với chồng cô: “Này phu sự, hãy đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh thiếp kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn không đau, không bệnh, khỏe, mạnh, và sống an ổn, và thưa rằng: ‘Kính thưa đức Thế Tôn, phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi, xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, đã nhờ hỏi thăm liệu đức Thế Tôn không đau, không bệnh, khỏe, mạnh, và sống an ổn, phải không?’. Và nhờ phu quân thưa điều này: ‘Phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi Suppavāsā mang thai đứa con đã bảy năm, và đã bảy ngày qua mắc đẻ nhưng không thể sanh được. Trong thời đó cô bị những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận, cô vẫn nhất tâm với ba ý niệm: “(i) Chắc chắn đức Thế Tôn là Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để trừ được sự khổ đau như vậy; (ii) chắc chắn Tăng Đoàn của đức Thế Tôn là tu tập tốt lành, họ tu tập để trừ được sự khổ đau như vậy; (iii) chắc chắn Sự Giải Thoát là chân hạnh phúc, ở đó không còn sự khổ đau như vậy.”’”

“Đó là điều tốt lành nhất”, phu quân người Câu-lợi đáp lại. Rồi

Sakya của dòng họ của Đức Phật); ở đó cô được gọi một cách tôn trọng là ‘phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi’. Kinh này thời Phật giáo tiền thân đã không đề cao chức vị chồng cô là hoàng tử xứ Thích-Ca. Thời sau trong luận giảng về quyển kinh này mới thấy ghi ra là hoàng tử xứ Thích-Ca. Nhờ vậy sự liên hệ của cô với Đức Phật rất thân cận, nhờ đó cô đã nghe được nhiều bài thuyết pháp của Phật, và đã chứng quả Nhập-lưu (Tu-đà-hoàn).] (20)

ông đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, ông thưa với đức Thế Tôn:

[Nội dung như phu nhân mới nói, người dịch giản lược]

[Đức Thế Tôn nói:] “Mong cho phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi được khỏe mạnh và mong cô sanh được đứa con khỏe mạnh.” Và với lời này của đức Thế Tôn, phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi trở nên an lạc và khỏe mạnh, và đã sanh được đứa con khỏe mạnh.

“Dạ, đức Thế Tôn”, phu quân người Câu-lợi thưa. Sau khi vui mừng và hoan hỷ với lời của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải và đi vòng ra, và về nhà.

Phu quân người Câu-lợi nhìn thấy phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đã trở nên khỏe mạnh và cô đã sanh được đứa con khỏe mạnh. Sau khi nhìn thấy vậy, ý nghĩ này đã xảy đến với ông:

“Thật sự kỳ diệu, thật sự hy hữu, rằng đại lực và đại uy của bậc Giác Ngộ, quả đúng mức như vậy, phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi: với lời nói của đức Thế Tôn, cô đã trở nên khỏe mạnh và sanh được đứa con khỏe mạnh”, và ông ta lấy làm phấn khích, vui mừng, hoan hỷ và hạnh phúc.

Sau đó phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi nói với chồng: “Này phu sư, hãy đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến nhân danh thiếp kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, và thưa: ‘Phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi Suppavāsā mang thai đứa con đã bảy năm, và đã bảy ngày qua mắc đẻ nhưng không thể sanh được. Nhưng bây giờ cô ta đã được an lạc và khỏe mạnh, và đã sinh được đứa con khỏe mạnh. Suốt bảy ngày tới cô ta kính mời Đức Phật dẫn đầu Tăng Đoàn các Tỷ Kheo đến dùng cơm trưa. Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn đồng ý lời mời dùng cơm từ phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi và đến dùng cơm trưa cùng với Tăng Đoàn các Tỷ Kheo.’ ”

“Đó là điều tốt lành nhất”, phu quân người Câu-lợi đáp lại. Rồi ông đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, ông thưa với đức Thế Tôn:

[Nội dung như phu nhân mới nói, người dịch giản lược]

Lúc đó có một đệ tử tại gia (khác) cũng đã mời Đức Phật dẫn đầu Tăng Đoàn các Tỳ Kheo đến dùng cơm trưa ngày mai. Vị cư sĩ đó là người hộ trợ²¹ của ngài Mục-kiền-liên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Mục-kiền-liên:

“Này Mục-kiền-liên, thầy hãy đến gặp vị tại gia ấy và nói với vị ấy: ‘Này đạo hữu, có phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đã mang thai bảy năm và bảy ngày qua mắc đẻ nhưng không sanh được, nhưng giờ cô đã được an lạc và khỏe mạnh và đã sinh đứa con khỏe mạnh. Suốt bảy ngày phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đã mời Đức Phật dẫn đầu tăng Đoàn các Tỳ kheo đến dùng bữa trưa, vậy hãy để cho phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đãi bảy bữa cơm.’ Sau đó thì vị đó sẽ đãi bữa cơm của mình—vị đó là người hộ trợ của thầy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Mục-kiền-liên đáp lại, rồi thầy đến chỗ vị đệ tử tại gia đó, sau khi đến nơi thầy nói với ông:

[Nội dung như Phật mới nói trên, người dịch giản lược]

“Thưa Ngài, nếu thầy Đại Mục-kiền-liên là người bảo đảm cho con ba điều—cho của cải, sinh mạng, và cho niềm tin (tín)—thì phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi có thể đãi bảy bữa cơm, rồi sau đó con sẽ đãi bữa cơm của con.”²²

²¹ [Chữ *upatthāka* bình thường có nghĩa là người hầu cận trong tiếng Pāli [ví dụ như ngài Ānanda là người hầu cận (*upatthāka*) chính của Đức Phật], nhưng nó cũng có nghĩa là người hộ trợ, người trợ giúp, người ủng hộ. Tùy theo ngữ cảnh chúng ta dịch. Ở đây người đệ tử tại gia chỉ có thể là người ủng hộ, trợ giúp, thí chủ hộ trợ cho ngài Mục-kiền-liên chứ không thể là Tỳ kheo hầu cận cho ngài.] (21)

²² [Ý nghĩa của 03 điều này không rõ ràng. Người dịch nghĩ ý của nam cư sĩ thâm thúy về Giáo Pháp, nghĩa là: mạng sống, của cải (phương tiện để thực hiện việc nấu

“Này đạo hữu, đối với hai điều ta là người bảo đảm—của cải và sinh mạng—nhưng đối với niềm tin (tín) thì chú tự là người bảo đảm.”

“Thưa Ngài, nếu thầy Đại Mục-kiền-liên là người bảo đảm của con cho hai điều—của cải và sinh mạng—thì phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi có thể đãi bảy bữa cơm, rồi sau đó con sẽ đãi bữa cơm của con.”

Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã điều đình với vị đệ tử tại gia đó, thầy đến chỗ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con đã điều đình với vị đệ tử tại gia đó, vậy phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đãi bảy bữa cơm, rồi sau đó vị ấy sẽ đãi bữa cơm của mình.”

Rồi, phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi đã đãi bảy bữa cơm, bằng chính tay mình cô đã chiêu đãi và làm vui lòng Đức Phật và Tăng Đoàn các Tỳ Kheo bằng những món ăn ngon lành. Rồi cô nói đưa con nhỏ ra lễ chào tôn kính Đức Phật và toàn Tăng Đoàn các Tỳ Kheo.

Rồi ngài Xá-lợi-phất đã nói với đứa trẻ: “Này cháu nhỏ, con có chịu đựng nổi không? Con có thể chịu tiếp không? Con có đau đớn nào không?”

“Kính thưa thầy Xá-lợi-phất, sao con có thể chịu đựng nổi nữa? Sao con có thể chịu tiếp nữa? Suốt bảy năm con đã sống trong trong máu me.”

Rồi phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi có ý nghĩ: “Con trai tôi đang tư vấn với vị thống soái của Giáo Pháp”, và cô trở nên phấn chấn, vui mừng, hoan hỷ và hạnh phúc.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi nhìn thấy phu nhân Suppavāsā người

nướng cúng dường) đều là vô-thường. Trong thời gian chờ 07 ngày đó, nhờ thầy Mục-kiền-liên tiên tri sẽ không xảy ra sự vô-thường nào đối với của cải và sinh mạng của vị đệ tử đó. Tương tự ý nghĩa này: coi thêm chỗ lời thỉnh cầu lần hai của tu sĩ *Bāhiya* trong kinh **Uđ 1:10** ở trên.] (22)

con xứ Câu-lợi đã phấn chấn, vui mừng, hoan hỷ và hạnh phúc, đã nói điều này với phu nhân Suppavāsā người con xứ Câu-lợi: “Này Suppavāsā, cô mong có thêm một đứa con như vậy nữa không?”

“Thưa đức Thế Tôn, con mong có thêm bảy đứa con như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những thứ vốn khó chịu

Giả dạng thứ dễ chịu

Những thứ vốn khó ưa

Giả dạng thứ đáng thích

Những thứ vốn khổ đau

Giả dạng thứ hạnh phúc–

Chinh phục kẻ phóng dật.”²³

“Asātaṃ sātārūpena,

piyarūpena appiyaṃ,

Dukkhaṃ sukhassa rūpena,

pamattam-ativattatī” ti.

(19) – Kinh về Visākhā (2:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī, trong khu lâu đài của ‘Mẹ của Migāra’, trong Tịnh Xá Phía Đông (Vườn Đông, Đông Viên).

Bấy giờ, cô Visākhā, (biệt danh là) Mẹ của Migāra, đang vương mắc mấy vấn đề gì đó với Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của xứ Kiền-tất-la (Kosala), nhưng nhà vua không muốn giải quyết theo ý cô muốn.

Rồi Visākhā, Mẹ của Migāra, lúc giữa trưa đã đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến, cô kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Visākhā, Mẹ

²³ [Giống ý nghĩa nhiều kinh khác nói: Người ngu coi các thứ trên đời là chắc chắn, vui sướng, đáng thích, hạnh phúc, thanh tịnh, đẹp đẽ (thường, lạc, ngã, tịnh). Người trí biết bản chất thật của mọi thứ là buồn sầu, ưu phiền, khổ đau, biến hoại, đáng chê, ô uế (vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh).] (23)

của Migāra: “Bây giờ, này Visākhā, cô từ đâu đến đây lúc giữa trưa vậy?”

“Thưa Thế Tôn, ở đây, con đang vướng mắc mấy vấn đề gì đó với Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiền-tất-la, nhưng nhà vua không muốn giải quyết theo ý con muốn.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Nếu tất cả mọi sự
Thuộc quyền của người khác
Thì đó là khổ đau
Nếu tất cả mọi sự
Do mình làm chủ được
Thì đó là hạnh phúc
Nếu tất cả chung nhau
Thì cũng bị phiền não
Sự tùy nhau ràng buộc
Vốn khó mà vượt qua.”

“Sabbam paravasam dukkham,
sabbam issariyam sukham,
Sādhāraṇe vihaññanti,
yogā hi duratikkamā”-ti.

(20) – Kinh về Bhaddiya (2:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Anupiyā, trong khu Vườn Xoài.

Bấy giờ, có ngài Bhaddiya, con trai của Kāligodhā,²⁴ sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thường thốt lên lời cảm hứng: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!”.

²⁴ [Kāligodhā là một phụ nữ quý tộc họ Thích-Ca, nhưng không phải công chúa, thường được gọi là Kāligodhā Sākiyānī (Kāligodhā nữ tộc Thích-Ca). Con trai bà là hoàng tử Bhaddiya, thường được gọi là Bhaddiyo Sākiyo (Bhaddiya họ tộc Thích-Ca), cũng là một vị vương người Thích-Ca (Sākiyarājā), sau đó đã xuất gia thành một Tỷ kheo A-la-hán Bhaddiya trong kinh này. Trong Ba Rõ Kinh không thấy nói tên của chồng bà, tức cha của Bhaddiya, là ai. Tỷ kheo Bhaddiya có các thi kệ trong quyển Trưởng Lão Thi Kệ (Theragāthā 16). (Lưu ý: tránh nhầm lẫn tên Bhaddiya với Bāhiya

Nhiều Tỳ kheo đã nghe rằng thầy Bhaddiya, con trai của Kālīgodhā, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thường thốt lên lời cảm hứng: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!”. Sau khi nghe vậy, họ có ý nghĩ này:

“Này các đạo hữu, không thể nào còn nghi ngờ rằng thầy Bhaddiya, con trai của Kālīgodhā, không có niềm vui thích lớn lao với đời sống tâm linh hay còn tơ tưởng tới hạnh phúc của đời sống hoàng gia mà thầy đã sống trước kia; vì giờ, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thầy ấy thường thốt lên lời cảm hứng: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!”.

Rồi nhiều Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Bhaddiya, con trai Kālīgodhā, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thầy ấy thường thốt lên lời cảm hứng: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!”. Thưa Thế Tôn, không thể nào còn nghi ngờ rằng thầy Bhaddiya, con trai của Kālīgodhā, không có niềm vui thích lớn lao với đời sống tâm linh hay còn tơ tưởng tới hạnh phúc của đời sống hoàng gia mà thầy đã sống trước kia; vì giờ, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thầy ấy thường thốt lên lời cảm hứng: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!”.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy đến gặp Tỳ kheo Bhaddiya, nhân danh ta nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Bhaddiya, Vị Thầy cho gọi thầy.’”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đáp lại và đi đến gặp thầy Bhaddiya, con trai Kālīgodhā. Sau khi gặp, thầy ấy nói lại với thầy Bhaddiya, con trai Kālīgodhā: “Này đạo hữu Bhaddiya, Vị Thầy cho gọi thầy.”

“Dạ, đạo hữu”, Tỳ kheo Bhaddiya đáp lại. Rồi thầy đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, thầy Bhaddiya, con trai Kālīgodhā, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn mới nói với thầy Bhaddiya, con trai Kālīgodhā:

“Này Bhaddiya, có đúng rằng thầy, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thường thốt lên lời cảm hứng: ‘Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!’, phải không?”

“Dạ có, thưa đức Thế Tôn.”

“Nhưng này Bhaddiya, sau khi nhìn thấy lý do gì mà thầy, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thường thốt lên lời cảm hứng: ‘Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!’ như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, trước kia con sống đời tại gia cai trị xứ sở, trong cung điện đầy lính canh gác, ngoài cung điện đầy lính canh gác, và trong kinh thành đầy lính canh gác, ngoài kinh thành đầy lính canh gác, và trong nước đầy lính canh gác, ngoài biên đầy lính canh gác. Thưa Thế Tôn, cho dù con đã từng được canh gác và bảo vệ như vậy, con vẫn sống mà cứ lo sợ, hồi hộp, ngò vức, và lo sợ. Nhưng hiện tại, thưa Thế Tôn, sau khi đi vô rừng vắng, tới gốc cây, một nơi trống vắng, con sống một mình, không lo sợ, không hồi hộp, tin tưởng, không sợ hãi, không lo lắng, không hoảng sợ, thật an toàn, với một cái tâm vô tư như con hưu núi. Thưa Thế Tôn, chính sau khi nhìn thấy lý do này, cho nên con, sau khi đi vô rừng vắng, tới một gốc cây, một nơi trống vắng, thường thốt lên lời cảm hứng: ‘Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!’ như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Với ai trong nội tâm
Không còn sự mạnh động
Người vượt qua tất cả
Hiện-hữu, phi hiện-hữu
Bậc ấy hết sợ hãi

“Yassantarato na santi kopā,
Iti bhavābhavatañ-ca vītivatto,
Taṃ vigatabhayaṃ sukhiṃ asokaṃ,
nānubhavanti dassanāyā”-ti.

Hạnh phúc và vô ưu
Chư thiên không thấy
được.”²⁵

²⁵ [Nghĩa là (bậc A-la-hán) đã hoàn toàn vượt trên trạng thái hay khái niệm còn hiện-hữu hay không còn hiện-hữu: nghĩa là đã Niết-bàn, đã giải-thoát, không còn có thể được gọi hay quy là còn hiện-hữu hay không còn hiện-hữu. Và do vậy, ngay cả những thiên thần trời thần cũng không nhìn thấy vị ấy (sau khi Bát Niết-bàn). Đây là cách mô tả về trạng thái Niết-bàn giải-thoát mà Đức Phật đã nói trong nhiều kinh, khi có người hỏi một A-la-hán sẽ đi về đâu sau khi chết, còn hiện-hữu hay không còn hiện-hữu ... và Phật thường mô tả bậc ấy là không còn có thể mô tả được, không còn quy ước được hay nhìn thấy được là gì, chỉ đơn giản *như một ngọn đèn tắt đi*, không thể nói hay mô tả lửa sẽ đi về đâu sau khi tắt.] (25)

Chương 3 – NANDA

(Nanda-vaggo)

(21) – Kinh về Nghiệp (3:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó có một Tỳ kheo đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế tẻo chân (kiết già), giữ thân thẳng đứng, thầy ấy đang chịu đựng những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận đã khởi sinh do những nghiệp bất thiện trước kia, một cách có chánh-niệm, đầy tỉnh-giác (rõ-biết), và không bị sầu não.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Tỳ kheo đó đang ngồi kiết già, giữ thân thẳng đứng, thầy ấy đang chịu đựng những cảm-giác đau đớn, dữ dội, đau buốt, thấu tận đã khởi sinh do những nghiệp bất thiện trước kia, một cách có chánh-niệm, đầy tỉnh-giác (rõ-biết), và không bị sầu não.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Tỳ kheo đã từ bỏ
Tất cả nghiệp của mình
Đã giữ sạch bụi bẩn
Của nghiệp cũ đã làm
Bạc ổn định, vững vàng
Không còn vì cái ta
Không cần nói với người.”

“Sabbakammajahassa bhikkhuno,
Dhunamānassa purekatam rajam,
Amamassa thitassa tādino,
Attho natthi janam lapetave”-ti.

(22) – Kinh về Nanda (3:02)

Tôi nghe như vậy: **

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó có ngài Nanda, là người em trai bạn dì của đức Thế Tôn,²⁶ đã thú nhận điều này với nhiều Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, tôi không có niềm vui thích lớn lao nào khi sống đời tu hành (đời sống tâm linh, phạm hạnh), tôi không chịu nổi đời tu, sau khi bỏ tu tôi sẽ quay lại đời thấp tục.”

Rồi một Tỳ kheo đã tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Nanda, em trai bạn dì của Thế Tôn, đã thú nhận với nhiều Tỳ kheo như vậy: ‘Này các đạo hữu, tôi không có niềm vui thích lớn lao nào khi sống đời tu hành, tôi không chịu nổi đời tu, sau khi bỏ tu tôi sẽ quay lại đời thấp tục.’”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy đi gặp thầy Nanda, nhân danh ta nói với thầy Nanda: ‘Thầy Nanda, Vị Thầy cho gọi thầy.’”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, sau đó đi gặp thầy Nanda, sau khi gặp thầy đó nói lại với thầy Nanda: “Thầy Nanda, Vị Thầy cho gọi thầy.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, thầy Nanda đáp lại, sau đó thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn mới nói với thầy Nanda:

“Này Nanda, có đúng hay không, rằng thầy đã thú nhận với nhiều Tỳ kheo như vậy: ‘Này các đạo hữu, tôi không có niềm vui thích lớn lao nào khi sống đời tu hành, tôi không chịu nổi đời tu, sau khi bỏ tu tôi sẽ quay lại đời thấp tục’?”

²⁶ [Thầy Nanda cũng có cha là vua Tịnh Phạn (Suddhodana), tức cùng cha với Đức Phật. Mẹ thầy của Nanda Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di (Mahāpajāpatī), bà vừa là dì ruột vừa là mẹ nuôi kế mẫu của Phật sau khi mẹ là hoàng hậu Maya qua đời. Như vậy, thầy Nanda vừa là em trai cùng cha vừa là em trai bạn dì của Phật.] (26)

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Nhưng, này Nanda, vì sao thầy không có niềm vui thích lớn lao nào khi sống đời tu hành, thầy không chịu nổi đời tu, sau khi bỏ tu thầy sẽ quay lại đời thấp tục?”

“Thưa Thế Tôn, vì khi con rời khỏi nhà (đi tu), có một nữ nhân đẹp nhất xứ, tóc chải nửa phần, sau khi nhìn quanh, cô đã nói với con: ‘Sư thầy, mong sư thầy quay về nhanh.’ Thưa Thế Tôn, vì nhớ tới điều đó cho nên con không có niềm vui thích lớn lao nào khi sống đời tu hành, con không chịu nổi đời tu, sau khi bỏ tu con sẽ quay lại đời thấp tục.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi nắm tay của thầy Nanda, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi tay đang co hay co tay đang duỗi, biến mất khỏi Khu Vườn Jeta, và xuất hiện giữa những thiên thần cõi trời Đạo-lợi (Tāvātimsa). Lúc đó có 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ đến hầu vị trời Đế-thích, vua của những thiên thần.

Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Nanda: “Này Nanda, thầy có thấy 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ này không?”

“Dạ thấy, thưa Thế Tôn.”

“Này Nanda, thầy nghĩ sao, ai có thân sắc tuyệt hảo nhất, đẹp đẽ đáng ngắm nhất và khả ái hơn: cô gái xứ Thích-ca, nữ nhân đẹp nhất xứ đó hay 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ này?”

“Thưa Thế Tôn, nếu so thì cô gái xứ Thích-ca, nữ nhân đẹp nhất xứ đó, chỉ như con khi dị dạng với tai và mũi bị cắt trụi, thậm chí không được một phần, không được nửa một phần, và thậm chí không thể đem so! 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ này có thân sắc tuyệt hảo nhất, đẹp đẽ đáng ngắm nhất, và khả ái hơn nhiều.”

“Hãy vui đi, này Nanda! Hãy vui đi, này Nanda! Ta là người bảo đảm cho thầy đạt được 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ này!”²⁷

²⁷ [Như vua trời Đế-thích trong kiếp làm người cũng tu tập thiền-định và giữ giới-hạnh rất thanh tịnh nhờ đó sau khi chết tái sinh trong cõi trời, làm vua trời luôn. Có lẽ ý Phật đơn giản là phải có tu tập mới có quả tốt, chẳng hạn tái sinh cõi trời phúc

“Thưa Thế Tôn, nếu đức Thế Tôn là người bảo đảm cho con đạt được 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’ này, con sẽ có niềm vui thích lớn lao khi sống đời sống tu hành theo đức Thế Tôn.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi nắm lấy tay thầy Nanda, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi tay đang co hay co tay đang duỗi, biến mất khỏi cõi trời Đạo-lợi, và hiện ra lại trong Khu Vườn Jeta.

Rồi các Tỷ kheo nghe tin: “Dường như, thầy Nanda, người em trai bạn dì của đức Thế Tôn, đang sống đời tu vì muốn được những tiên nữ cõi trời, và dường như, đức Thế Tôn là người bảo đảm cho thầy ấy đạt được 500 tiên nữ ‘có chân như bồ câu’!”

Sau đó các đạo hữu của thầy Nanda nói lời gièm pha gọi thầy Nanda là một người làm thuê (tu để được thưởng công), một dân buôn (tu để được lợi tức): “Dường như thầy Nanda là người làm thuê, dường như thầy Nanda là một dân buôn, thầy ấy sống đời tu vì để được các tiên nữ cõi trời, dường như đức Thế Tôn là người bảo đảm cho thầy ấy đạt được 500 tiên nữ cõi trời!”

Rồi thầy Nanda, khi nghe lời gièm pha từ những đạo hữu gọi mình là người làm thuê, là một dân buôn, thầy cảm thấy sâu khổ, xấu hổ và ghê tởm.

Rồi không lâu sau khi thầy Nanda sống một mình, ẩn dật, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành và kiên định, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Nanda đã trở thành một trong những A-la-hán.

Rồi khi đêm đã qua, một thiên thần với sắc đẹp tuyệt vời, xuất hiện và chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta, đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, vị tiên kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Nanda, người em trai bạn dì của Thế Tôn, nhờ sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, không còn ô-nhiễm (lậu tận), đã giải-thoát trong tâm và giải-thoát nhờ trí-tuệ, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ Niết-bàn, và sau khi chứng ngộ, thầy ấy an trú trong đó.”

Và sự-biết này khởi sinh với đức Thế Tôn: “Nanda, nhờ sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, không còn ô-nhiễm (lậu tận), đã giải-thoát trong tâm và giải-thoát nhờ trí-tuệ, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ Niết-bàn, và sau khi chứng ngộ, thầy ấy an trú trong đó.”

Rồi sau khi đêm đã qua, thầy Nanda tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên thầy Nanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đối với điều đức Thế Tôn đã làm người bảo đảm cho con—để đạt được 500 tiên nữ cõi trời ‘có chân như bồ câu’—con giải thoát đức Thế Tôn khỏi lời hứa đó.”

“Này Nanda, sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của thầy, ta đã hiểu rằng: ‘Nanda, nhờ sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, không còn ô-nhiễm (lậu tận), đã giải-thoát trong tâm và giải-thoát nhờ trí-tuệ, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ Niết-bàn, và sau khi chứng ngộ, thầy an trú trong đó.’

“Một thiên thần cũng đã tuyên bố sự việc này với ta rằng: ‘Thưa Thế Tôn, thầy Nanda ... thầy ấy an trú trong đó.’

“Này Nanda, nay thầy đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm không còn tàn dư, thì ta cũng được giải-thoát khỏi lời hứa đó.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Tỳ kheo vượt vũng lầy

“Yassa nittinno paṅko ca,

Nghiền nát gai nhục dục
Đã đến chỗ diệt-si,
Vị ấy không dao động
Khi gặp sướng và khổ.

maddito kāmakaṇṭako,
Mohakkhayaṃ anuppatto,
sukhadukkhesu na vedhati sa
bhikkhū” ti.

(23) – Kinh về Yasoja (3:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có 500 Tỳ kheo do Yasoja dẫn đầu đã đến Sāvatthī, để gặp đức Thế Tôn. Rồi, những Tỳ kheo viếng thăm đó, sau khi được phân chỗ trú ở và xếp đặt bình bát và cà sa qua một bên, khi nói chuyện qua lại với những Tỳ kheo đang cư trú ở đó, họ đã lớn tiếng và ồn ào.

Đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, ai là những người lớn tiếng và ồn ào như vậy? Người ta có thể nghĩ họ là những ngư dân đang la hô bán cá.”²⁸

“Thưa Thế Tôn, đó là 500 Tỳ kheo do Yasoja dẫn đầu mới đến Sāvatthī, để gặp đức Thế Tôn. Rồi, những Tỳ kheo viếng thăm đó, sau khi được phân chỗ trú ở và xếp đặt bình bát và cà sa qua một bên, khi nói chuyện qua lại với những Tỳ kheo đang cư trú ở đây, họ đã lớn tiếng và ồn ào.”

“Vậy thì, Này Ānanda, hãy nhân danh ta nói với những Tỳ kheo đó: “Vị Thầy cho gọi các thầy’.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, sau đó đi đến tới chỗ những Tỳ kheo đó và nói với họ: “Vị Thầy cho gọi các thầy.”

²⁸ [Kinh MN 67, mục 3, có ghi chú thích: [*Kevaṭṭā manne macchavilope*. Luận giảng MA đã đưa ra 02 sự giải nghĩa: là những ngư dân đang la hô bán cá hoặc là những ngư dân la hô kéo lưới bắt đàn cá.] (682)] (28)

“Dạ, đạo hữu’, các Tỳ kheo đó đáp lại, sau đó họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến, họ kính lễ và ngồi xuống một bên. Sau khi họ ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn mới nói với họ:

“Này các Tỳ kheo, vì sao các thầy họ đã lớn tiếng và ồn ào như vậy? Người ta có thể nghĩ các thầy là những ngư dân đang la hô bán cá.”

Sau khi điều này được nói ra, ngài Yasoja đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đây là 500 Tỳ kheo mới đến Sāvathī, để gặp đức Thế Tôn. Rồi, những Tỳ kheo viếng thăm này, sau khi được phân chỗ trú ở và xếp đặt bình bát và cà sa qua một bên, khi nói chuyện qua lại với những Tỳ kheo đang cư trú ở đây, họ đã lớn tiếng và ồn ào.”

“Này các Tỳ kheo, hãy đi đi, ta giải tán các thầy. Các thầy không nên sống gần chỗ ta.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại, và họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải và đi ra. Sau khi thu dọn chỗ trú ở, lấy bình bát và cà sa, họ lên đường đi bộ hướng tới thành Vajji (Bạt-kỳ). Sau khi đi thành nhiều đoạn, cuối cùng họ tới tới chỗ sông Vaggumudā. Sau khi tới nơi, họ dựng các chòi lá bên bờ sông Vaggumudā, rồi họ nhập kỳ An Cư Mùa Mưa ở đó.

Rồi thầy Yasoja, sau khi nhập kỳ An Cư Mùa Mưa, đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, chúng ta đã bị đuổi đi bởi đức Thế Tôn, là người mong muốn phúc-lợi cho chúng ta, người tìm kiếm ích-lợi cho chúng ta, vì lòng bi-mẫn đối với chúng ta. Này các vị đạo hữu, vậy từ giờ chúng ta phải sống tu theo cách để cho đức Thế Tôn vui lòng với cách sống của chúng ta.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại thầy Yasoja. Rồi những Tỳ kheo đó, khi sống tu ẩn dật, chuyên chú, nhiệt thành và kiên định, trong kỳ An Cư Mùa Mưa đó, tất cả họ đều chứng được ba loại trí-biết thâm sâu (tam minh).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi ở Sāvathī một thời gian như đã muốn, lên đường đi bộ hướng tới Vesālī (Tỳ-xá-ly), và sau khi đi thành nhiều chặng, cuối cùng cũng tới Vesālī. Ở đó đức Thế Tôn trú ở Vesālī (Tỳ-xá-ly), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sân Đường Mái Nhọn. Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã dụng tâm, bằng tâm mình bao trùm tâm của nhóm Tỳ kheo đang trú bên bờ sông Vaggumudā, đã nói với thầy Ānanda:

“Này Ānanda, với ta dường như có gì thứ sáng đã khởi lên ở hướng đó. Này Ānanda, với ta dường như có gì huy hoàng đã khởi lên ở hướng đó. Theo hướng đó là chỗ những Tỳ kheo ở bờ sông Vaggumudā đang trú, và ta không thấy gì khó chịu khi dụng tâm tới hướng đó. Này Ānanda, hãy gửi một người đưa tin tới gặp những Tỳ kheo ở bờ sông Vaggumudā và nói họ: ‘Này các vị đạo hữu, Vị Thầy cho gọi các thầy, Vị Thầy muốn gặp các thầy.’”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, sau đó thầy đi gặp một Tỳ kheo, nói với Tỳ kheo đó: “Này đạo hữu, hãy đến chỗ bờ sông Vaggumudā, sau khi đến hãy nói với những Tỳ kheo ở bờ sông Vaggumudā rằng: ‘Này các vị đạo hữu, Vị Thầy cho gọi các thầy, Vị Thầy muốn gặp các thầy.’”

“Dạ, đạo hữu”, Tỳ kheo đó đáp lại, và sau đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi tay đang co hay co tay đang duỗi, Tỳ kheo đó biến mất khỏi chỗ Sân Đường Mái Nhọn ở khu Rừng Lớn và hiện ra trước mặt những Tỳ kheo ở bờ sông Vaggumudā. Rồi Tỳ kheo đó nói với lại những Tỳ kheo ở bờ sông Vaggumudā: “Này các vị đạo hữu, Vị Thầy cho gọi các thầy, Vị Thầy muốn gặp các thầy.”

“Dạ, đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, sau đó họ thu dọn chỗ ở, lấy bình bát và cà sa, rồi nhanh như một người khỏe mạnh duỗi tay đang co hay co tay đang duỗi, họ biến mất khỏi chỗ bờ sông Vaggumudā, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn trong Sân Đường Mái Nhọn, ở khu Rừng Lớn.

Trong thời đó đức Thế Tôn đang ngồi trong sự định-tâm bất động. Rồi ý này xảy đến với những Tỳ kheo đó: “Giờ, ngay lúc này đức Thế Tôn đang trú trong trạng thái nào?”

Rồi điều này xảy đến với họ: “Đức Thế Tôn đang trú trong một trạng thái bất động”, và tất cả họ cũng ngồi trong sự định-tâm bất động.

- Rồi, đêm đã trôi qua, đã hết canh đầu, thầy Ānanda, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp phần y trên một vai, chấp hai tay kính lễ về phía đức Thế Tôn, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đêm đã trôi qua, đã hết canh đầu, những Tỳ kheo viếng thăm đã ngồi rất lâu, kính mong đức Thế Tôn nói chuyện chào đón những Tỳ kheo viếng thăm.”

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng.

- Lần thứ hai, đêm đã trôi qua, đã hết canh giữa, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp phần y trên một vai, chỉnh lại phần y trên một vai, chấp hai tay kính lễ về phía đức Thế Tôn, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đêm đã trôi qua, đã hết canh đầu, những Tỳ kheo viếng thăm đã ngồi rất lâu, kính mong đức Thế Tôn nói chuyện chào đón những Tỳ kheo viếng thăm.”

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng.

- Lần thứ ba, đêm đã trôi qua, đã hết canh giữa, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp phần y trên một vai, chỉnh lại phần y trên một vai, chấp hai tay kính lễ về phía đức Thế Tôn, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đêm đã trôi qua, đã hết canh đầu, những Tỳ kheo viếng thăm đã ngồi rất lâu, kính mong đức Thế Tôn nói chuyện chào đón những Tỳ kheo viếng thăm.”

Rồi, đức Thế Tôn, sau khi ra khỏi sự định-tâm, mới nói với thầy Ānanda rằng:

“Thầy Ānanda, do thầy đã không biết cho nên thầy đã nói điều đó nhiều lần về họ. Thật ra ta và tất cả 500 Tỳ kheo này đã ngồi trong sự định-tâm bất động.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Tỳ kheo chiến thắng hết
Cả gai nhọn nhục dục
Sự chửi mắng giết chóc
Và những trói-buộc khác
Vị ấy không dao động
Khi gặp sướng và khổ.

“Yassa jito kāmakaṇṭako,
Akkoso ca vadho ca bandhanañ-ca,
Pabbato viya so tthito anejo,
Sukhadukkhesu na vedhati sa
bhikkhū”-ti.

(24) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (3:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó ngài Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, tư thế tẻo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, giữ sự chánh-niệm trước mặt.

Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đang ngồi tư thế tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, giữ sự chánh-niệm trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Như một ngọn núi đá
Bất động, khéo thiết lập
Vị Tỳ kheo như vậy
Sau khi đã diệt-si—
Như núi không rung lắc.”

“Yathā pi pabbato selo,
acalo suppatitthito,
Evaṃ mohakkhayā bhikkhu—
pabbato va na vedhatī”-ti

(25) – Kinh về Kolita (3:05)

Tôi nghe như vậy:²⁹

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, tư thế tẻo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, chú tâm tới sự chánh-niệm vào thân.

Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, tư thế ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, chú tâm tới sự chánh-niệm vào thân.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Sự chánh-niệm về thân
Được thiết lập vững chắc
Sáu xứ được chế ngự
Tỳ kheo định liên tục
Tự thân biết Niết-bàn.”³⁰

“Sati kāyagatā upatthitā,
Chasu phassāyatanesu samvuto,
Satatam bhikkhu samāhito,
Jaññā nibbānam-attano”-ti.

(26) – Kinh về Pilindivacha (3:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc (chỗ cho sóc ăn).

Bấy giờ, có ngài Pilindivacca thường nói các Tỳ kheo bằng những chữ khinh miệt.³¹

²⁹ [Kolita là họ của ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna); học giả Ireland khi dịch đã đổi luôn tên kinh thành kinh Đại Mục-kiền-liên luôn.] (29)

³⁰ [Nghĩa thi kệ: Một Tỳ kheo có ‘sự chánh-niệm về thân’ được thiết lập vững chắc; sáu cơ-sở tiếp-xúc (tức sáu xứ, cửa sáu căn với sáu trần) luôn được chế ngự, được phòng hộ; có năng lực thiền đạt-định liên tục (không gián đoạn, không rút khỏi định); thì vị đó có khả năng tự thân chứng Niết-bàn.] (30)

³¹ [Bằng những chữ khinh miệt là tạm dịch cụm chữ gốc *vasalavādena*. *Vasala*: giai cấp hạ tiện; *vāda*: lời nói, chữ nghĩa, từ ngữ, thuyết; đuôi chữ *-ena*: bằng, thông qua.

Rồi nhiều Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, họ thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Pilindivaccha thường nói với các Tỳ kheo bằng những chữ khinh miệt.”

Rồi đức Thế Tôn nói với một Tỳ kheo: “Này Tỳ kheo, hãy tới gặp Tỳ kheo Pilindivaccha, nhân danh ta nói: ‘Này đạo hữu Pilindivaccha, Vị Thầy cho gọi thầy.’ ”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, sau đó đi gặp Tỳ kheo Pilindivaccha, và nói lại: “Này đạo hữu, Vị Thầy cho gọi thầy.”

“Dạ, đạo hữu”, thầy Pilindivaccha đáp lại, và sau đó thầy đi đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi thầy ấy ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn mới nói với thầy: “Này Vaccha, có đúng là thầy nói với các Tỳ kheo bằng những chữ khinh miệt?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

Rồi đức Thế Tôn đã dụng tâm mình để biết những kiếp trước của thầy Pilindivaccha, sau đó nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy không nên thấy bị khinh miệt bởi Tỳ kheo Vaccha. Không phải vì có sân bên trong mình mà Vaccha nói với các Tỳ kheo bằng những chữ khinh miệt. Này các Tỳ kheo, do 500 kiếp trước Vaccha đã được sinh ra trong một gia tộc bà-la-môn một cách không gián đoạn, lâu đời thầy ấy đã nói với người khác bằng chữ khinh miệt, vì lý do đó giờ thầy ấy vẫn quen nói với các Tỳ kheo bằng những chữ khinh miệt mà thôi.”

Sau khi đã hiểu điều này, đức Thế Tôn lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Bên trong (tâm) người sống “Yamhi na mājā vasati na māno,

Nghĩa là: (nói với ai) bằng những chữ coi họ là giai cấp hạ tiện = chữ nghĩa khinh miệt (như giọng người quý tộc thượng lưu nói với những người nô bộc hạ tiện). Tôi nghĩ cụm chữ này nên được hiểu theo nghĩa ẩn dụ như vậy. Còn luận giảng thì giải nghĩa = câu quá nặng: *Ehi vasala, apehi vasala* (Tới đây kẻ hạ tiện, biến đi kẻ hạ tiện).] (31)

Hết lừa dối, kiêu mạn
 Người đã hết dục tham
 Vị tha, không thèm khát
 Đã xua tan sân giận
 Đã hoàn toàn giải-thoát
 Xứng danh bà-la-môn
 Vị đó là sa-môn
 Vị đó là Tỳ kheo.”

Yo vītalobho amamo nirāso,
 Panunnakodho abhinibbutatto,
 So brāhmaṇo so samaṇo sa
 bhikkhū”-ti.

(27) – Kinh về Ca-Diếp (3:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc.

Bấy giờ có ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) ở Hang Tiêu (Pipphali), lúc đó đang ngồi tréo chân (kiết già) suốt 07 ngày, sau khi chứng nhập một dạng định-tâm nào đó.

Rồi, sau 07 ngày đã qua, thầy Đại Ca-diếp ra khỏi trạng thái định-tâm đó. Rồi ý này xảy đến với thầy Đại Ca-diếp sau khi thoát ra khỏi định: “Giờ ta đi vô thành Vương Xá để khát thực.

Lúc đó có 500 thiên thần hăng hái sửa soạn đồ cúng dường cho ngài Đại Ca-diếp. Nhưng ngài Đại Ca-diếp, sau khi từ chối 500 thiên thần đó, vào buổi sáng, mặc y phục, mang theo bình bát và cà-sa, đi vô Vương Xá để khát thực.

Lúc đó Đế-thích (Sakka), vua của những thiên thần, có mong muốn cúng dường thức ăn cho thầy Đại Ca-diếp, sau khi biến hình thành một thợ dệt, đang dệt vải, trong khi đó Sujā, nữ quỷ thần A-tu-la (Asura),³² đang đồn chỉ vào con thoi. Rồi thầy Đại Ca-diếp, khi

³² [Sujā là con gái (công chúa) của Vepacitti, vua của các quỷ thần (A-tu-la, Asura); sau khi cưới Đế-thích, vua của những thiên thần, cô trở thành hoàng hậu của cõi trời Dao-lợi (Tāvātimsa, Ba Mươi Ba), được gọi là Sujā Devī. Trong Chương 11, Quyển 1, Bộ Kinh Liên-Kết (SN), là chương nói về vua trời Đế-thích, có nhiều chỗ nhắc tới tên Sujā. (Ông trời Đế-thích và bà trời Sujā). Sau khi công chúa cưới vua trời Đế-thích,

đang đi khát thực từng nhà trong thành Vương Xá đã tới chỗ của Đế-thích, vua của những thiên thần.

Đế-thích nhìn thấy thầy Đại Ca-diếp đang đi đến từ xa. Sau đó Đế-thích bước ra khỏi nhà đến gặp thầy, cầm lấy bình bát của thầy đi vô nhà, lấy com từ nồi và sốt đây bình bát, và dâng bát cho thầy Đại Ca-diếp, và thức ăn cúng dường đó có nhiều nước xốt, nhiều cà ri, nhiều nước xốt và cà ri ngon miệng.

Ý này xảy đến với thầy Đại Ca-diếp: “Chúng sinh này là ai mà có uy lực và uy thần lực như vậy?”

Rồi điều này xảy đến với thầy Đại Ca-diếp: “Đây là Đế-thích, vua của những thiên thần.”

Sau khi hiểu ra như vậy, thầy nói với vua trời Đế-thích: “Này Kosiya, đây là việc ngài làm, ngài không nên làm như vậy nữa.”

“Thưa thầy Ca-diếp, chúng tôi cũng cần công đức, chúng tôi cũng có bốn phận để tạo công đức.”

Rồi vua trời Đế-thích kính lễ, giữ thầy Đại Ca-diếp hướng bên phải, và bay lên trời. Sau khi bay lên trời, đang giữa bầu trời, vị trời thốt ra ba lần lời cảm thán:

“Ôi sự bố thí! Sự bố thí tối thượng đã được lập nơi thầy Ca-diếp. Ôi sự bố thí! Sự bố thí tối thượng đã được lập nơi thầy Ca-diếp.”

Đức Thế Tôn với yếu tố tai thiên thánh (thiên nhĩ giới), được thanh lọc và vượt trên loài người, đã nghe được vua trời Đế-thích, sau khi bay lên trời, đang giữa bầu trời, vị trời thốt ra ba lần lời cảm thán: *(lặp lại như trên)*

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

bên quỹ thần A-tu-la và bên thiên thần vẫn tiếp tục mỗi thù truyền kiếp và đánh nhau, Đế-thích phải chiến đấu với nhạc phụ là Vepacitti. Vepacitti thì cực kỳ báng bổ và mắng chửi, còn Đế-thích thì cực kỳ nhẫn nhịn và bi mẫn (như kinh SN 11:04). Và Kosiya bên dưới là một tên gọi khác của vua trời Đế-thích.] (32)

“Những thiên thần ghen tỵ
Với Tỳ kheo khát thực
Tự (khất thực) nuôi thân
Không nuôi dưỡng ai khác,
Bậc như vậy bình an
Bậc luôn có chánh-niệm.”

“Piṇḍapātikassa bhikkhuno,
Attabharassa anaññaposino,
Devā pihayanti tādino
Upasantassa sadā satīmato.”-ti.

(28) – Kinh về Người Chỉ Ăn Đồ Ăn Khất Thực (3:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó trong số nhiều Tỳ kheo, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đã tụ họp và đang ngồi trong Sân Tròn Kareri, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh:

“Này các đạo hữu, một Tỳ kheo [chỉ ăn đồ ăn] khất thực, khi đi khất thực có lúc mắt thấy những hình-sắc khả ái; có lúc tai nghe âm-thanh khả ái; có lúc mũi ngửi những mùi-hương khả ái; có lúc lưỡi nếm những mùi-vị khả ái; có lúc thân tiếp xúc những thứ chạm-xúc khả ái. Này các đạo hữu, một Tỳ kheo khất thực khi đi khất thực được tôn trọng, kính trọng, tôn kính, và tôn vinh.

“Giờ, này các đạo hữu, chúng ta cũng nên làm những Tỳ kheo [chỉ ăn đồ ăn] khất thực, khi đi khất thực có lúc mắt thấy những hình-sắc khả ái; có lúc tai nghe âm-thanh khả ái; có lúc mũi ngửi những mùi-hương khả ái; có lúc lưỡi nếm những mùi-vị khả ái; có lúc thân tiếp xúc những thứ chạm-xúc khả ái. Và chúng ta khi đi khất thực cũng được tôn trọng, kính trọng, tôn kính, và tôn vinh.”

Cuộc nói chuyện này giữa các Tỳ kheo đó đang dang dở ở đây.

Lúc đó, buổi cuối chiều, đức Thế Tôn sau khi ra khỏi chỗ ẩn dật, đi đến Sân Tròn Kareri, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, hiện giờ các thầy đang nói chuyện gì, và cuộc thảo luận đang dang dở là gì?”

“Ồ đây, thưa đức Thế Tôn, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đã tụ họp và đang ngồi trong Sân Tròn Kareri, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh:

“Này các đạo hữu, một Tỳ kheo khát thực, khi đi khát thực có lúc mắt thấy những hình-sắc khả ái ... [như trên] ... Và chúng ta khi đi khát thực cũng được tôn trọng, kính trọng, tôn kính, và tôn vinh.”

Cuộc nói chuyện này giữa chúng con đang dang dở ở đây.

“Này các Tỳ kheo, điều này chắc chắn không phù hợp cho các thầy là những người con của những gia đình thiện đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà lại đi bàn thảo mấy chuyện như vậy. Này các Tỳ kheo, khi các thầy đã tụ họp với nhau, có hai việc các thầy phải làm, đó là: đàm đạo về Giáo Pháp, hoặc nếu không thì giữ sự im-lặng thánh thiện.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những thiên thần ghen tỵ
Với Tỳ kheo khát thực
Tự (khất thực) nuôi thân
Không nuôi dưỡng ai khác.
Bạc như vậy – nếu như
Dựa dẫm vào danh tiếng
Thì không ai ghen tỵ.”

“Piṇḍapātikassa bhikkhuno,
Attabharassa anaññaposino,
Devā pihayanti tādino
No ce saddasilokanissito”-ti.³³

³³ [Giải nghĩa dựa dẫm vào sự được danh tiếng. Thực ra saddasilokanissito nghĩa là: dựa vào âm thanh của danh tiếng, chữ này có thể dịch Việt là dựa dẫm vào danh tiếng. Hàm nghĩa: cho dù là Tỳ kheo đi khát thực được (dân chúng) tôn kính, nhưng nếu dựa vào việc đi khát thực để được tôn kính hay được danh tiếng, hay ý danh ‘Tỳ kheo’, thì sẽ không được ai kính trọng, các thiên thần cũng không thấy có lý gì nên ghen tỵ hay tôn trọng người đó.] (33)

(29) – Kinh về Nghề Nghiệp (3:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó trong số nhiều Tỳ kheo, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đã tụ họp và đang ngồi trong Sân Tròn Kareri, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh:

“Giờ, này các đạo hữu, ai biết được các nghề gì? Ai đã học được nghề gì? Nghề nào là lớn lao nhất trong các nghề?”

Rồi có người nói: “Nghề nài voi là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề nài ngựa là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề đóng xe ngựa là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề làm cung tên là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề làm đao kiếm là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề đếm ngón tay³⁴ là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề kế toán là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề viết chữ là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề làm thơ là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề triết tự nhiên là lớn lao nhất”; có người nói: “Nghề chánh trị cai trị là lớn lao nhất”.

Cuộc nói chuyện này giữa các Tỳ kheo đó đang dang dở ở đây.

Lúc đó, buổi cuối chiều, đức Thế Tôn sau khi ra khỏi chỗ ẩn dật, đi đến Sân Tròn Kareri, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, hiện giờ các thầy đang nói chuyện gì, và cuộc thảo luận đang dang dở là gì?”

“Ồ đây, thưa đức Thế Tôn, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đã tụ họp và đang ngồi trong Sân Tròn Kareri, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh:

³⁴ [Hatthamuddāya gaṇanasippaṃ: dùng ngón tay ra dấu khi đếm số: sự tính đếm (khác với nghề tính bằng bàn tính hay kế toán kẻ dưới).] (34)

“Giờ, này các đạo hữu, ai biết được các nghề gì? ... [như trên] ... có người nói: “Nghề chánh trị cai trị là lớn lao nhất”.

Cuộc nói chuyện này giữa chúng con đang dang dở ở đây.

“Này các Tỳ kheo, điều này chắc chắn không phù hợp cho các thầy là những người con của những gia đình thiện đã vì niềm-tin từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà lại đi bàn thảo mấy chuyện như vậy. Này các Tỳ kheo, khi các thầy đã tụ họp với nhau, có hai việc các thầy phải làm, đó là: đàm đạo về Giáo Pháp, hoặc nếu không thì giữ sự im-lặng thánh thiện.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai sống không nghề nghiệp
Nhẹ nhàng, và mong muốn
Ích lợi (cho tha nhân)
Với các căn chế ngự
Mọi phương diện giải-thoát
Và du hành không nhà
Vị tha, không thèm khát
Đã trừ bỏ ngã mạn
Và sống đời độc thân
Vị đó là Tỳ kheo.”

“Asippajīvī lahu atthakāmo,
Yatindriyo sabbadhi vippamutto,
Anokasārī amamo nirāso,
Hitvā mānaṃ ekacaro-sa bhikkhū”-
ti.

(30) – Kinh về Sự Nhìn Khắp Thế Gian (3:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở gần Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiên (Nerañjarāya), dưới gốc cây Bồ-Đề, trong thời gian đầu sau khi chứng Giác Ngộ toàn thiện (chánh đẳng giác).

Rồi, thời đó đức Thế Tôn đang ngồi tẻo chân (kiết già) suốt bảy ngày nếm trải niềm chân phúc của sự giải-thoát. Rồi qua bảy ngày, sau khi thoát ra khỏi thiên định, bằng Phật nhãn của mình, đức Thế Tôn nhìn quanh khắp thế gian, và thấy chúng sinh đang bị hành khổ

với nhiều sự khổ sở và đang bị thiêu đốt bởi nhiều sự sốt não sinh ra từ tham, sinh ra từ sân, sinh ra từ si.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Thế gian này khổ sở
Do tiếp-xúc cảm-xúc
Coi căn bệnh là ‘ta’
Do cái ‘ta’ nhìn nhận
Nên mọi sự thành khác.

“Cứ liên-tục hiện-hữu
Thế gian bị gông cùm
Bởi liên-tục hiện-hữu
Bị chi phối thống trị
Bởi liên-tục hiện-hữu
Nhưng nó lại hoan-hỷ
Với liên-tục hiện-hữu,
Thứ mà nó hoan-hỷ
Thực ra thật đáng sợ
Thứ thật đáng sợ đó
Chính là sự khổ đau.

“Đời tu này được sống
Để kết thúc hoàn toàn
Sự liên-tục hiện-hữu.”

“Ayaṃ loko
santāpajāto phassapareto,
Rogaṃ vadati attato,
Yena yena hi maññati
Tato taṃ hoti aññathā.
Aññathābhāvi bhavasatto
loko bhavapareto,
Bhavam-evābhinandati,
Yad-abhinandati taṃ bhayaṃ,
Yassa bhāyati taṃ dukkhaṃ.
Bhavavippahānāya kho paṇidaṃ
brahmacariyaṃ vussati.”-ti.

“Những sa-môn hay bà-la-môn nào nói về sự giải-thoát khỏi sự liên-tục hiện-hữu thông qua sự liên-tục hiện-hữu, thì tất cả họ không thoát khỏi sự liên-tục hiện-hữu, ta nói vậy.

“Những sa-môn hay bà-la-môn nào nói về sự giải-thoát khỏi sự liên-tục hiện-hữu thông qua sự chấm-dứt hiện-hữu, thì tất cả họ được giải-thoát khỏi sự liên-tục hiện-hữu, ta nói vậy.

“Do có sự thu-nạp (sanh-y) là điều-kiện (duyên), nên sự khổ khỏi sinh. Thông qua sự tiêu diệt sự thu-nạp (sanh-y tận), thì sự khổ hết khỏi sinh.”

“Hãy nhìn thế gian này
Bị thống trị chi phối
Bởi nhiều loại vô-minh
Chúng sinh thích hiện-hữu
Thì không giải-thoát được
Khỏi liên-tục hiện-hữu.

“Dù bất cứ thứ gì
Liên tục trong hiện-hữu
Ở đâu, phương diện nào:
Tất cả chúng đều là
Thứ vô-thường và khổ,
Luôn biến đổi biến hoại.

“Nhìn thế gian đúng vậy
Đúng như nó thực là,
Bằng trí-tuệ chánh đúng,
Người đó đã đoạn trừ
Dục-vọng muốn hiện-hữu
Và cũng không hoan hỷ
(Tư tưởng) tự diệt-vong.

“Mọi tham-ái đều diệt
Dục-tham đã phai biến
Đó là sự chấm-dứt
Đó chính là Niết-bàn —

“Vội vạy Tỳ kheo đó
Tất cả đã tịch tịnh
Đã diệt hết chấp-thủ
Hết liên tục hiện-hữu.

“Đã chinh phục Ma Vương
Chiến thắng trong chiến trận
Bậc ấy vượt tất cả
Mọi hình thái hiện-hữu.”

“Lokam-imam passa puthū avijjāya
paretā,
bhūtā bhūtaratā bhavā aparimuttā.
Ye hi keci bhavā sabbadhi
sabbattatāya,
sabbe te bhavā aniccā
dukkhā vipariṇāmadhammā.
Evam-etam yathābhūtam,
sammappaññāya passato,
vibhavam nābhinandati.
Sabbaso taṇhānam khayā
asesavirāgaṇirodho Nibbānam.
Tassa nibbutassa bhikkhuno,
Anupādānā punabbhavo na hoti
Abhibhūto Māro vijitasāṅgāmo,
Upaccagā sabbabhavāni tādī” –ti.

Chương 4—MEGHIYA

(Meghiya-vaggo)

(31) – Kinh về Meghiya (4:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở vùng Cālikā, trên Núi Cālikā mountain. Bấy giờ có ngài Meghiya là người hầu cận (thị giả) của đức Thế Tôn.

Lúc đó thầy Meghiya tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên. Sau khi đứng qua một bên thầy Meghiya thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con muốn đi vô làng Jantu (Jantugāma) để khát thực.”

“Này Meghiya, giờ là lúc thầy nghĩ sao cứ tùy tiện.”

Rồi thầy Meghiya, sau khi mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành làng Jantu để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy Meghiya đi tới bờ sông Kimikālā (Trùn Đen), sau khi đến đó và đi dạo quanh, thầy nhìn thấy một khu vườn xoài mát mẻ và đáng thích.

Sau khi nhìn thấy, ý này đã xảy đến với thầy: “Đây là khu vườn xoài mát mẻ và đáng thích. Với người con của một gia đình thiện muốn chuyên-cần tu (tinh cần) thì đây là nơi đủ tốt để chuyên-cần tu. Nếu đức Thế Tôn cho phép, mình có thể đến vườn xoài này để chuyên-cần tu.”

Rồi thầy Meghiya đi về gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau đó thầy thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi sau khi mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành làng Jantu để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, con đi tới bờ sông Kimikālā, sau khi đến đó và đi dạo quanh, con nhìn thấy một khu vườn xoài mát mẻ và đáng thích.

“Sau khi nhìn thấy, ý này đã xảy đến với con: ‘Đây là khu vườn xoài mát mẻ và đáng thích. Với người con của một gia đình thiện muốn chuyên-cần tu thì đây là nơi đủ tốt để chuyên-cần tu.’ Nếu đức Thế Tôn cho phép, con có thể đến vườn xoài đó để chuyên-cần tu.”

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn nói với thầy Meghiya: “Này Meghiya, khi ta còn ở một mình, thầy nên chờ cho tới khi nào có Tỳ kheo khác đến đây.”

Lần thứ hai thầy Meghiya thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đối với đức Thế Tôn thì không còn gì phải làm (tu) nữa, không cần làm thêm đối với việc đã làm. Nhưng, thưa Thế Tôn, đối với con thì còn việc phải làm nữa, cần phải làm thêm những gì đã làm. Thưa Thế Tôn, nếu đức Thế Tôn cho phép con, con có thể đến chỗ vườn xoài đó để chuyên-cần tu.”

Lần thứ hai đức Thế Tôn trả lời thầy Meghiya: “Này Meghiya, khi ta còn ở một mình, thầy nên chờ cho tới khi nào có Tỳ kheo khác đến đây.”

Lần thứ ba thầy Meghiya lại thưa với đức Thế Tôn ... (*giống lần hai*) ...

“Này Meghiya, khi thầy cứ nói về sự chuyên-cần tu, ta biết nói sao bây giờ? Vậy giờ là lúc thầy nghĩ gì thì cứ tùy tiện làm, này Meghiya.”

Rồi thầy Meghiya đứng dậy khỏi chỗ ngồi, giữ đức Thế Tôn hướng phải mình và đi ra, sau đó đi đến khu vườn xoài. Đến đó thầy ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày.

Rồi thầy Meghiya, khi đang trú trong vườn xoài, hầu hết chỉ có những ý nghĩ xấu ác bất thiện khởi sinh, đó là ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại.”

Rồi ý này xảy đến với thầy Meghiya: “Thật kỳ diệu, thật kỳ lạ, ta đã vì niềm-tin, từ bỏ đời tại gia để xuất gia tu hành để rồi giờ ta bị

mắc bẫy trong ba loại ý-nghĩ xấu ác bất thiện như vậy, đó là: đó là ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại.”

Sau đó, vào buổi cuối chiều, thầy Meghiya ra khỏi chỗ ẩn trú đi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thầy Meghiya đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con đang an trú trong vườn xoài đó, hầu hết chỉ có những ý nghĩ xấu ác bất thiện khởi sinh, đó là ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại.

“Thưa Thế Tôn, rồi ý này đã xảy ra với con: ‘Thật kỳ diệu, thật kỳ lạ, ta đã vì niềm-tin, từ bỏ đời tại gia để xuất gia tu hành để rồi giờ ta bị mắc bẫy trong ba loại ý-nghĩ xấu ác bất thiện như vậy, đó là: đó là ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ gây-hại.’”

“Này Meghiya, đối với người mà ‘sự giải-thoát của tâm’ của người đó chưa chín-chắn đầy đủ, có năm điều dẫn tới sự chín-chắn. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, này Meghiya, một Tỳ kheo có đạo hữu tốt, đồng hành tốt, đồng đạo tốt. - Đối với người mà sự giải-thoát của tâm người đó chưa chín-chắn đầy đủ, này Meghiya, đây là điều thứ nhất dẫn tới sự chín-chắn.

(2) “Lại nữa, này Meghiya, một Tỳ kheo có giới-hạnh, người đó sống được kiềm chế bởi Pātimokkha (Giới Luật Tỳ Kheo), có được phẩm-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt, người đó tu học theo những điều luật mình đã thụ lãnh. - Đối với người mà sự giải-thoát của tâm người đó chưa chín-chắn đầy đủ, này Meghiya, đây là điều thứ hai dẫn tới sự chín-chắn.

(3) “Lại nữa, này Meghiya, một Tỳ kheo nghe pháp thoại có lợi cho việc khai mở tâm trí, và dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm), sự chán-bỏ (ly tham), sự chấm-dứt (tịch diệt), sự bình-an, trí-biết thâm sâu (minh), sự giác-ngộ và Niết-bàn. Đó là: những pháp thoại về sự sống thanh-bần để dẫn tới sự khai mở tâm trí, đó là:

những sự pháp thoại về sự ít nhu-cầu (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (tri túc), về sự sống độc-thân, về sự không nên dính-líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. Những pháp thoại như vậy, nếu người đó muốn nghe thì không khó khăn hay rắc rối gì. - Đối với người mà sự giải-thoát của tâm người đó chưa chín-chắn đầy đủ, này Meghiya, đây là điều thứ ba dẫn tới sự chín-chắn.

(4) “Lại nữa, này Meghiya, một Tỳ kheo sống phát khởi sự nỗ-lực tu để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ là bốn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. - Đối với người mà sự giải-thoát của tâm người đó chưa chín-chắn đầy đủ, này Meghiya, đây là điều thứ tư dẫn tới sự chín-chắn.

(5) Lại nữa, này Meghiya, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được loại trí-tuệ nhận thấy được sự sinh-diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. - Đối với người mà sự giải-thoát của tâm người đó chưa chín-chắn đầy đủ, này Meghiya, đây là điều thứ tư dẫn tới sự chín-chắn.

(i) “Này Meghiya, có thể trông đợi rằng đối với một Tỳ kheo có phẩm chất (1) thì sẽ có được như (2). [*người dịch giản lược*]

(ii) “Này Meghiya, có thể trông đợi rằng đối với một Tỳ kheo có phẩm chất (1) thì sẽ có được như (3).

(iii) “Này Meghiya, có thể trông đợi rằng đối với một Tỳ kheo có phẩm chất (1) thì sẽ có được như (4).

(iv) “Này Meghiya, có thể trông đợi rằng đối với một Tỳ kheo có phẩm chất (1) thì sẽ có được như (5).

“Rồi, này Meghiya, với một Tỳ kheo được thiết lập trong 05 điều trên, thì người đó cần tu tập thêm 04 điều nữa:

“(i) Thiền quán về sự không-hấp-dẫn (của thân) cần tu tập để trừ bỏ dục-tham; (ii) thiền quán về tâm-từ cần tu tập để trừ bỏ sự ác-ý; (iii) thiền quán hơi-thở cần tu tập để cắt bỏ những ý-nghĩ này nọ (tâm, tư); (iv) sự nhận-thức về vô-thường cần được tu tập để bùng bỏ sự tự-ta (ngã mạn). Nay Meghiya, với ai có được sự nhận-thức về vô-thường, thì sự nhận-thức về vô-ngã được thiết lập; ai có sự nhận-thức về vô-ngã thì đạt tới sự bùng bỏ toàn bộ sự tự-ta (ngã mạn), ngay trong kiếp này chứng ngộ Niết-bàn.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những ý-nghĩ nhỏ nhất
 Những ý-nghĩ tinh tế,
 Cùng tâm ý động vọng
 Do người chưa hiểu được
 Những ý-nghĩ của tâm
 Nên cái tâm mê động
 Cứ mãi chạy lăng xăng
 Qua kiếp này kiếp kia.
 Sau khi đã hiểu được
 Những ý-nghĩ của tâm
 Người tu đã nhiệt thành
 Chánh niệm, chế ngự chúng
 Những tâm ý động vọng
 Cũng không còn khởi sinh
 Bạc Giác Ngộ Bỏ chúng
 Hoàn toàn không tàn dư.”

“Khuddā vitakkā sukhumā vitakkā,
 Anuggatā manaso uppilāvā,
 Ete avidvā manaso vitakke,
 Hurāhuraṃ dhāvati bhantacitto
 Ete ca vidvā manaso vitakke,
 Ātāpiyo saṃvaratī satimā.
 Anuggate manaso uppilāve
 Asesam-ete pajahāsi Buddho”—ti.

(32) – Kinh về Sự Động Vọng (4:02)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở vùng Kusinārā, tại Upavattana, trong khu rừng Sa-la của dân chúng Malla.

Bấy giờ, nhiều Tỳ kheo đang ở trong một khu chòi (cốc) trong rừng không xa chỗ đức Thế Tôn; họ động vọng, ngạo mạn, thất thường, nói năng tứ tung, lời nói cầu thả, không chánh-niệm, không hoàn-toàn hiểu, không bình tĩnh, với cái tâm bất ổn, và các căn không kiểm soát.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những Tỳ kheo đó động vọng, ngạo mạn, thất thường, nói năng tứ tung, lời nói cầu thả, không chánh-niệm, không hoàn-toàn hiểu, không bình tĩnh, với cái tâm bất ổn, và các căn không kiểm soát.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Do thân không phòng hộ
Do chứng đắc tà kiến
Do hôn trầm thụy miên
Bị Ma Vương điều khiển
Vậy người tu phải nên:
Giữ tâm được phòng hộ
Nương tựa chánh tư duy
Hết mình với chánh kiến
Sau khi đã tri biết
Sự sinh và sự diệt
Tỳ kheo đã vượt qua
Hôn trầm và thụy miên
Sẽ loại trừ tất cả
Những nơi-đến đọa đầy.”

“Arakkhiteṇa kāyena,
micchādittigatena ca,
Thīnamiddhābhībhūtena
vasaṃ Mārassa gacchati.
Tasmā rakkhitacittassa,
sammāsaṅkappagocaro,
Sammāditṭhipurekkhāro,
ñātvāna udayabbayaṃ.¹³¹
Thīnamiddhābhībhū bhikkhu
sabbā duggatiyo jahe” –ti.

(33) – Kinh về Người Chăn Bò (4:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kiêu-tất-la (Kosala), cùng với một Tăng Đoàn.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bước ra khỏi đường lộ, tới một gốc cây, ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

Rồi một người chăn bò tới chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp.

Rồi người chăn bò đó, sau khi được đức Thế Tôn chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, xin Thế Tôn đồng ý cho con cúng dường com trưa ngày mai cho đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi người chăn bò, sau khi hiểu đức Thế Tôn đã đồng ý, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình, và rời đi.

Rồi qua đêm, tại nhà của mình, người chăn bò đó đã chuẩn bị nhiều phần com nấu sữa và bơ tươi ngon lành. Sau đó đến gặp đức Thế Tôn để báo: “Thưa Thế Tôn, giờ là lúc, bữa com đã sẵn sàng.”

Rồi, trong buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng Tăng Đoàn các Tỳ kheo tới nhà của người chăn bò. Tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi người chăn bò bằng chính tay mình đã phục vụ và làm vui lòng đức Thế Tôn và Tăng Đoàn bằng các món com sữa và bơ tươi ngon lành.

Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong, rửa tay và bình bát, người chăn bò chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp, sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và rời đi.

Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, người chăn bò khi đang ở chỗ giáp giới các khu làng đã bị một kẻ người giết chết. Nhiều Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, bữa nay Tăng Đoàn các Tỳ kheo do đức Thế Tôn dẫn đầu đã được người chăn bò phục vụ và làm vui lòng bằng các món cơm sữa và bơ tươi ngon lành, nhưng giờ, khi đang ở chỗ giáp giới các khu làng, người chăn bò đã bị một kẻ giết chết.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Dù bất cứ điều gì
Kẻ thù hại kẻ thù
Kẻ ác hại kẻ ác
Cũng không bằng tâm tà
Khi bị hướng sai lệch
Sẽ hãm hại người đó
Còn hơn cả kẻ thù.”³⁵

“Diso disaṃ yan-taṃ kayirā,
verī vā pana verinaṃ,
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ
pāpiyo naṃ tato kare”-ti.

(34) – Kinh về Trăng Sáng (4:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc.

Bấy giờ có ngài Xá-lợi-phất và ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Pigeon Vale. Lúc đó là đêm trăng sáng, thầy Xá-lợi-phất với đầu tóc mới cạo, đang ngồi ở ngoài trời sau khi chứng nhập một dạng định-tâm.

Rồi có hai bạn quý dạ-xoa (yakkha) đang đi từ miền Bắc xuống miền Nam vì công việc gì đó. Hai dạ-xoa nhìn thấy thầy Xá-lợi-

³⁵ [Người dịch nghĩ ý nghĩa thi kệ là: Cho dù kẻ ác giết hại là nguy hại chết chóc, nhưng tâm của một người khi bị hướng tà sai lạc (tà kiến, tà tư duy, tà đạo ...) là sự nguy hại lớn hơn nhiều đối với người đó. Ở đây người chăn bò cho dù trước kia có thể có sự xích mích tư thù và bị kẻ ác giết hại, nhưng cái tâm của ông đã hướng chánh thiện là điều tốt lành lớn lao hơn nhiều (so với cái chết). Việc ông đã thỉnh cầu Đức Phật giảng bày Giáo Pháp và cúng dường cho Phật và Tăng Đoàn cho thấy tâm của ông đã hướng thiện. Một lần nữa Phật đã đề cao *sự quan trọng cấp thiết của cái tâm được tu tập chánh thiện*, hơn là thân thể hay mạng sống.] (35)

phất, trong đêm trăng sáng, với đầu tóc mới cạo, đang ngồi ở ngai trời.

Rồi một trong một dạ-xoa nói với dạ-xoa kia: “Này bạn, tôi có ý này, hãy đốt một cái lên đầu sa-môn kia.”

Sau khi điều này được nói ra, dạ-xoa nghe liền nói với dạ-xoa gợi ý: “Đủ rồi, này bạn, đừng có động vô sa-môn. Này bạn, sa-môn này lỗi lạc, có đại thần lực và đại uy lực.”

Lần thứ hai dạ-xoa đầu vẫn nói như vậy ...

Lần thứ hai nghe nói với dạ-xoa gợi ý như vậy ...

Lần thứ ba dạ-xoa đầu vẫn nói như vậy ...

Lần thứ ba nghe nói với dạ-xoa gợi ý như vậy ... (*người dịch giản lược*) ...

Rồi dạ-xoa đầu không tiếp thu lời góp ý của dạ-xoa nghe, đốt một cái lên đầu của ngài Xá-lợi-phất: cú đốt đó mạnh đến nỗi có thể quật ngã một con voi long tượng (nāga) cao 7 hay 7,5 khuỷu tay hay một ngọn núi lớn phải nổ tung.

Rồi ngay đó dạ-xoa mới đốt la lên: “Tôi đang cháy, tôi đang cháy”, rồi rớt xuống Đại Địa Ngục.

Thầy Đại Mục-kiền-liên, với mắt thiên thánh (thiên nhãn) của mình, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đã nhìn thấy dạ-xoa đó đốt vô đầu của thầy Xá-lợi-phất. Thầy đến chỗ thầy Xá-lợi-phất và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này vị đạo hữu, thầy có chịu nổi không? Thầy có chịu tiếp được không? Thầy có đau đớn không?”

“Đạo hữu Mục-kiền-liên, tôi có thể chịu nổi, tôi có thể chịu tiếp, nhưng tôi có đau một ít trên đầu.”

“Thật tuyệt vời, đạo hữu Xá-lợi-phất, thật kỳ diệu, đạo hữu Xá-lợi-phất. Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một dạ-xoa đã đốt một cái lên đầu thầy: cú đốt đó mạnh đến nỗi có thể quật ngã một con voi long tượng cao 7 hay 7,5 khuỷu tay hay một ngọn núi lớn phải

nổ tung. Nhưng thầy Sāriputta nói: ‘Đạo hữu Mục-kiền-liên, tôi có thể chịu nổi, tôi có thể chịu tiếp, nhưng tôi có đau một ít trên đầu.’

“Thật tuyệt vời, đạo hữu Mục-kiền-liên, thật kỳ diệu, đạo hữu Mục-kiền-liên. Thật hy hữu là đại thần lực và đại uy lực của thầy Đại Mục-kiền-liên mới có thể nhìn thấy đó là dạ-xoa, chứ chúng tôi ở đây thậm chí không nhìn thấy được một con quỷ bằng bùn!”³⁶

Đức Thế Tôn, với tai thiên thánh (thiên nhĩ), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đã nghe được cuộc nói chuyện của hai bậc Đại Long Tượng (Nāga).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vội ai tâm như đá
Vững chắc, bất lay động
Không hề bị khích động
Bởi những thứ khích động
Không hề bị động vọng
Bởi những thứ quấy động
Vội những ai có tâm
Được tu tập như vậy
Thì đau đớn từ đâu
Còn đến với vị ấy?”

“Yassa selūpamaṃ cittaṃ,
ṭhitaṃ nānupakampati,
Virattaṃ rājanīyesu,
kopaneyye na kuppati,
Yassevaṃ bhāvitam
cittaṃ kuto taṃ dukkham-essatī?” –
ti.

(35) – Kinh về Long Tượng (4:05)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Kosambī, chỗ Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Ghosita.

³⁶ [Pāṃsupisācakaṃ: pāṃsu: bùn, đất, bụi; pisāca: quỷ, quỷ dữ. Thầy Xá-lợi-phất khen ngợi thần thông của thầy Mục-kiền-liên rất cao siêu mới nhìn ra quỷ dạ-xoa mới đâm đầu thầy Xá-lợi-phất, chứ thầy Xá-lợi-phất và các Tỳ kheo ngồi gần không nhìn thấy được, ngay cả con quỷ bằng bùn rõ hình hài cũng không nhìn ra.] (36)

Bấy giờ chỗ đức Thế Tôn sống bị bu đông bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam và nữ, và các quan triều của nhà vua, những người giáo phái khác và đệ tử của họ; đức Thế Tôn sống bị bu đông, không an lạc, không thư thái.

Rồi ý này xảy đến đức Thế Tôn: “Hiện giờ ta sống bị bu đông bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam và nữ, và các quan thượng thư của nhà vua, những người giáo phái khác và đệ tử của họ; ta sống bị bu đông, không an lạc, không thư thái. Vậy ta hãy đi ở một mình, tách ly khỏi nhóm đông này.”

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambī để khất thực. Sau khi trở về sau một vòng khất thực trong thành Kosambī, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không nói với người hầu cận, không nói lời từ tạm biệt Tăng đoàn, đi khỏi một mình, không ai đi cùng. Đức Thế Tôn đi hướng tới vùng Pārileyyaka. Sau khi đi bộ từng chặng, cuối cùng đã tới vùng Pārileyyaka. Ở Pārileyyaka đức Thế Tôn đã trú dưới một gốc cây được gọi là cây sa-la điềm lành (*sāla bhadda*).³⁷

Bấy giờ có một con voi lớn (*nāga*, voi chúa, long tượng) cũng đang sống bị bu đông bởi những con voi đực và voi cái, voi nhỏ và voi con. Nó ăn cành lá non lá ngọn, trong khi bày voi con ăn cả cành gãy không ngọn. Nó uống nước bị voi con quây bừa, và sau khi tắm xong bị các con voi cái đến cọ vào thân mình; nó sống bị bu đông, không an lạc, và không thư thái.

Ý này xảy đến voi lớn: “Hiện giờ ta đang sống bị bu đông bởi những con voi đực và voi cái, voi nhỏ và voi con. Ta ăn cành lá non lá ngọn, trong khi bày voi con ăn cả cành gãy không ngọn. Ta uống nước bị voi con quây bừa, và sau khi tắm xong bị các con voi cái đến cọ vào thân mình; ta sống bị bu đông, không an lạc, và không thư thái. Vậy ta hãy đi ở một mình, tách ly khỏi đàn voi.” **

³⁷ [Đoạn này chính là bối cảnh trong *Kinh Pārileyyaka*, SN 22:81, (Quyển 3). Mời quý vị đọc lại kinh đó và các chú thích ở đó.] (37)

Rồi voi lớn bỏ đi, cũng đến vùng Pārileyyaka, chỗ khu Rừng Phòng Hộ, tới chỗ đức Thế Tôn. Ở đó voi lớn dọn sạch cỏ, bằng thân đặt nước uống và nước dùng cho đức Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn sau khi vô chỗ chỗ ẩn trú, ẩn dật, sự quán chiếu này khởi lên trong tâm đức Thế Tôn:

“Trước đây ta sống bị bu đông bởi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni ... Tuy nhiên, bây giờ ta sống không bị bu đông ... Ta đang sống không bị bu đông, được an lạc, thư thái.”

Sự quán chiếu này cũng khởi sinh trong đầu voi long tượng:

“Trước đây ta sống bị bu đông bởi những voi đực và voi cái ... Tuy nhiên, bây giờ ta sống không bị bu đông ... Ta đang sống không bị bu đông, được an lạc, thư thái.” (*người dịch giản lược*)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Long tượng với long tượng
Tâm của voi ngà lớn
Và tâm bậc long tượng
Cùng ý với nhau rằng:
Một long tượng vui thích
Ở trong rừng một mình.”

“Etaṃ Nāgassa Nāgena
īsānantassa hatthino
Sameti cittaṃ cittaṇa:
yad-eko ramate vane”–ti.³⁸

(36) – Kinh về Piṇḍola (4:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

³⁸ [Đại ý nghĩa chữ: Long tượng với long tượng, con voi này có răng là ngà lớn, tâm của nó và tâm của bậc long tượng (Phật) cùng một ý thích sống một mình trong rừng (để được tốt lành, an lạc). Cú pháp ở đây rất khó, chúng ta phải sánh chữ *cittena* với *Nāgena* để có ý nghĩa.] (38)

Bấy giờ, lúc đó có ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang ngồi không xa đức Thế Tôn, ngồi tréo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng. Thầy là người (i) sống tu trong rừng, (ii) chỉ ăn thức-ăn khát thực, (iii) mặc y-phục làm từ giẻ rách (y phần tảo), (iv) chỉ dùng ba bộ y, (v) ít nhu-cầu (thiếu dục), (vi) biết hài-lòng biết đủ (tri túc), (vii) sống ẩn-dật, (viii) lánh-xa giao lưu xã hội, (ix) phát khởi nỗ-lực tu (tinh tấn), (x) nói lời đề cao sự thanh bần khổ hạnh (hạnh đầu-đà), (xi) hết mình vì (mục tiêu) phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm).

Đức Thế Tôn đã nhìn thầy thấy thầy Piṇḍola Bhāradvāja đang ngồi không xa, ngồi tréo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng. Thầy là người (i) sống tu trong rừng, (ii) chỉ ăn thức-ăn khát thực, (iii) mặc y-phục làm từ giẻ rách (y phần tảo), (iv) chỉ dùng ba bộ y, (v) ít nhu-cầu (thiếu dục), (vi) biết hài-lòng biết đủ (tri túc), (vii) sống ẩn-dật, (viii) lánh-xa giao lưu xã hội, (ix) phát khởi nỗ-lực tu (tinh tấn), (x) nói lời đề cao sự thanh bần khổ hạnh (hạnh đầu-đà), (xi) hết mình vì (mục tiêu) phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Không bắt lỗi, gây hại
Chế ngự trong Giới Bốn,
Tiết độ trong ăn uống
Sống ở nơi xa lánh.
Hết mình vì (mục tiêu)
Tu phần tâm bậc cao—
Đây lời chư Phật dạy.”

“Anūpavādo anūpaghāto,
Pātimokkhe ca saṃvaro,
Mattaññutā ca bhattasmiṃ,
pantañ-ca sayanāsanam,
Adhicitte ca āyogo—
etaṃ Buddhāna' sāsanan”—ti.

(37) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (4:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó có ngài Xá-lợi-phất đang ngồi không xa đức Thế Tôn, ngồi tréo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng. Thầy là người (v) ít nhu-cầu (thiếu dục), (vi) biết hài-lòng biết đủ (tri túc), (vii) sống ăn-dật, (viii) lánh-xa giao lưu xã hội, (ix) phát khởi nỗ-lực tu (tinh tấn), và (xi) hết mình vì (mục tiêu) phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm).³⁹

Đức Thế Tôn đã nhìn thầy thấy thầy Xá-lợi-phất đang ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng. Thầy là người (v) ít nhu-cầu (thiếu dục), (vi) biết hài-lòng biết đủ (tri túc), (vii) sống ăn-dật, (viii) lánh-xa giao lưu xã hội, (ix) phát khởi nỗ-lực tu (tinh tấn), và (xi) hết mình vì (mục tiêu) phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Với người tâm bậc cao
Với người tu chuyên-chú
Với bậc thánh đang tu
Trên con-đường thánh trí
Không còn những ưu-tư
Đối với bậc như vậy
Với một bậc bình-an
Bậc ấy luôn chánh-niệm.”

“Adhicetaso appamajjato,
Munino monapathesu sikkhato,
Sokā na bhavanti tādino,
Upasantassa sadā satīmato”–ti.

(38) – Kinh về Sundarī (4:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được nhận những y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang khi bệnh đau; Tăng đoàn các Tỷ

³⁹ [Người dịch giữ tiếp các số thứ tự từ kinh kể trên để độc giả so sánh.] (39)

kheo cũng được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được nhận những y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang khi bệnh đau.

Rồi, những du sĩ các giáo phái (ngoại đạo) không thể chịu được sự tôn kính đó đối với đức Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỷ kheo, họ đã tới gặp nữ du sĩ (biệt danh là) Sundarī Xinh Đẹp. Sau khi đến, họ nói với nữ du sĩ Sundarī: “Này chị, chị dám làm gì vì ích lợi của những người thân tộc?”

“Này các Thầy, cái gì tôi có thể làm, cái gì tôi không thể làm? Tôi đã từ bỏ cuộc song của mình vì ích lợi của những người thân tộc mà.”

“Vậy thì, này chị, chị phải thường xuyên tới chỗ Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên, Lâm Viên Kỳ-đà)” (tức chỗ trong đó có Tịnh Xá Cấp Cô Độc, chỗ Phật và Tăng đoàn đang trú ngụ).

“Được, thưa các Thầy”, nữ du sĩ Sundarī đáp lại. Và sau đó cô thường xuyyeen tới chỗ Khu Vườn Jeta. Rồi những du sĩ ngoại đạo đó biết: “Nữ du sĩ Sundarī đã được nhiều người thấy đã thường xuyên tới chỗ Khu Vườn Jeta”, sau đó họ giết cô ta, và đem xác chôn dưới huyệt mộ bên trong Khu Vườn Jeta. Sau đó họ tới chỗ Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la). Sau khi khi đến đó họ bẩm báo với Vua Pasenadi:

“Thưa Đại Vương, chúng thần không còn nhìn thấy nữ du sĩ Sundarī.”

“Nhưng các người nghi ngờ cô ta ở đâu?”

“Trong Khu Vườn Jeta, thưa Đại Vương.”

“Vậy các người phải tìm trong Khu Vườn Jeta chứ.”

Rồi những du sĩ ngoại đạo sau khi tìm trong Khu Vườn Jeta, bốc xác từ huyệt mộ đó, đặt trên một giá khiêng quan tài, và đi vô thành Sāvattthī, đi từ đường này tới đường khác, ngã tư này tới ngã tư khác, cố ý làm cho người dân bắt tội (thủ phạm), họ nói:

“Này các Thầy, hãy nhìn điều mà những sa-môn Thích tử⁴⁰ đã làm, những sa-môn Thích tử là vô liêm sỉ, thiếu đức-hạnh (không giữ giới), bản tính xấu ác, những kẻ nói điều sai giả, không sống đời sống tâm linh (phạm hạnh) gì cả. Nhưng họ cứ tuyên bố họ sống theo Giáo Pháp, sống trong bình an, sống đời tâm linh, chỉ nói sự thật, có đức-hạnh, và bản tính tốt thiện. Họ không có phẩm chất sa-môn, họ không có (đời sống) tâm linh, phẩm chất sa-môn của họ đã bị hủy hoại, (đời sống) tâm linh của họ đã bị hủy hoại. Phẩm chất sa-môn hạnh của họ ở đâu? Tâm linh của họ ở đâu? Họ đã đi xa khỏi phẩm chất sa-môn, họ đã đi xa khỏi tâm linh. Rằng loại người gì, sau khi đã làm điều một người có thể làm, lại có thể giết một phụ nữ như vậy?”

Vào lúc đó, người dân trong thành in Sāvattthī, sau khi nhìn thấy những Tỳ kheo họ đã mắng chửi, phỉ báng, chọc tức và gây rối họ bằng những lời lẽ thô lỗ và tục tĩu, họ nói: “Những sa-môn Thích tử là vô liêm sỉ ... (như trên) ... Rằng loại người gì, sau khi đã làm điều một người có thể làm, lại có thể giết một phụ nữ như vậy?”

Rồi nhiều Tỳ kheo, vào buổi sáng, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Và sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến chỗ đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, hiền giờ dân chúng trong thành Sāvattthī, sau khi nhìn thấy những Tỳ kheo họ đã mắng chửi, phỉ báng, chọc tức và gây rối họ bằng những lời lẽ thô lỗ và tục tĩu, họ nói: ‘Những sa-

⁴⁰ [Nguyên chữ: *samaṇa Sakyaputtiya*. Trước hết, chữ *Sakyaputtiya* nghĩa là: người con của họ tộc Thích-ca, người con của dân tộc Thích-ca = hàm chỉ Đức Phật Thích-Ca. Còn cụm chữ *samaṇa Sakyaputtiya* dịch nghĩa đầy đủ là: những sa-môn là đệ tử của người con của dân tộc Thích-Ca = hàm chỉ những sa-môn là đệ tử của Đức Phật Thích-Ca = cũng đồng nghĩa những sa-môn là con họ Thích-Ca, những sa-môn họ Thích = chỉ những Phật tử của Phật Thích-Ca. (Vi cụm danh từ này nên về sau các tăng và ni thường có pháp danh với họ Thích). Ở đây tạm dùng chữ Hán Việt ở Việt Nam đã quen gọi là “những sa-môn Thích tử”.] (40)

môn Thích tử là vô liêm sỉ ... (*như trên*) ... Rằng loại người gì, sau khi đã làm điều một người có thể làm, lại có thể giết một phụ nữ như vậy?."

"Này các Tỳ kheo, sự ồn ào này sẽ không kéo dài, chỉ kéo dài bảy ngày thôi, qua bảy ngày nó sẽ biến mất. Vì vậy, này các Tỳ kheo, khi dân chúng nhìn thấy các Tỳ kheo, họ mắng chửi, phỉ báng, chọc tức và gây rối họ bằng những lời lẽ thô lỗ và tục tĩu, thì các thầy nên khiển trách họ bằng thi kệ này:

"Người nói dối nói láo
Thì đi xuống địa ngục
Cũng như kẻ đã làm
Lại nói mình không làm
Sau chết qua cõi kia
Cả hai đều như nhau
Vì đều là những người
Làm những nghiệp hạ liệt."⁴¹

Rồi những Tỳ kheo đó, sau khi đã hiểu thuộc thi kệ này trước mặt đức Thế Tôn, khi dân chúng nhìn thấy các Tỳ kheo, họ mắng chửi, phỉ báng, chọc tức và gây rối họ bằng những lời lẽ thô lỗ và tục tĩu, thì các thầy đã khiển trách họ bằng thi kệ này:

"Người nói dối nói láo
... (*như trên*) ...
Làm những nghiệp hạ liệt."

Rồi ý nghĩ này xảy đến với người dân: "Những sa-môn Thích tử không phải là những thủ phạm, việc này không do họ làm, những sa-môn Thích tử này đang nói sự thật."

Sự ồn ào đó đã không kéo dài, chỉ kéo dài bảy ngày, qua bảy ngày nó đã biến mất.

⁴¹ [Thi kệ này giống hệt thi kệ 306 quyển kinh *Pháp Cú*, Chương 22. Cũng giống trong kinh: Ud 38, Sn 3:10 (661), SN 6:10 (Quyển 1) và AN 10:89.] (41)

Rồi nhiều Tỳ kheo đến gạo đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên họ thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn, thật hy hữu, thưa Thế Tôn, là cách mà đức Thế Tôn đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, sự ồn ào này sẽ không kéo dài, chỉ kéo dài bảy ngày thôi, qua bảy ngày nó sẽ biến mất.’ Thưa Thế Tôn, sự ồn ào đó đã biến mất.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Do người không kiềm chế
Nói lời xiên xỏ nhau
Giống như găm mũi tên
Vào một con voi chiến.
Nhưng sau khi nghe được
Lời thô tục lan truyền
Tỳ kheo nên nhẫn chịu
Với cái tâm không hiềm hận.”

“Tudanti vācāya janā asaññatā,
Sarehi saṅgāmagataṃ va kuñjaraṃ,
Sutvāna vākyam pharusam udīritam,
Adhivāsaye bhikkhu aduṭṭhacitto” –ti.

(39) – Kinh về Upasena (4:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc (chỗ cho sóc ăn).

Bấy giờ, ngài Upasena Vaṅgantaputta sau khi đi vô chỗ ẩn trú, ẩn dật, sự quán chiếu này khởi lên trong tâm thầy ấy:

“Quả thực đó là ích lợi cho ta, đó là ích lợi tốt cho ta, rằng vị thầy của ta là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, và rằng ta đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và Giới Luật được giảng bày hay khéo, và những đồng đạo của ta trong đời sống tâm linh là đức-hạnh, tính cách tốt thiện, và ta đã hoàn thành những giới-hạnh, và ta được bình-tĩnh, tâm ta đạt nhất-điểm, và ta là một A-la-hán, đã lậu tận, và ta có đại thần

lực, có đại uy lực. Cuộc sống của ta đã phúc lành, và cái chết của ta sẽ phúc lành.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu này trong tâm của thầy Upasena Vaṅgantaputta, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai sống không khổ não
 Khi chết không sầu ưu
 Nếu người vững chãi đó
 Đã thấy được trạng thái:
 ‘Giữa ưu người vô-ưu’,
 Với vị Tỳ kheo đó
 Đã chặt đứt hữu-ái
 Tâm vị đó bình-an
 Sau khi đã toàn diệt
 Vòng luân hồi sinh tử,
 Thì vị ấy không còn
 Tiếp tục trong hiện-hữu.”

“Yaṃ jīvitam na tapati,
 maraṇante na socati,
 Sa ce diṭṭhapado dhīro,
 sokamajjhe na socati.
 Ucchinnabhavataṇhassa,
 santacittassa bhikkhuno,
 Vikkhīṇo jātiśamsāro,
 natthi tassa punabbhavo”—ti.

(40) – Kinh về Xá-Lợi-Phất (4:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó có ngài Xá-lợi-phất đang ngồi không xa đức Thế Tôn, ngồi tréo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, đang quán chiếu về sự bình-an của mình.

Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đang ngồi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, đang quán chiếu sự bình-an của mình.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu này trong tâm của thầy Xá-lợi-phất, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Đối với vị Tỳ kheo

“Upasantasantacittassa

Tâm bình-an của mình
Luôn đầy ắp bình-an
Vói ai đã chặt đứt
(Nhân) dẫn tới (tái sinh)
Sau khi đã toàn diệt
Vòng luân hồi sinh tử
Thoát Ma Vương trói buộc.”

netticchinnassa bhikkhuno,
Vikkhīṇo jātisaṃsāro
mutto so Mārabandhanā”-ti.

Chương 5—SONA

(Sona-vaggo)

(41) – Kinh về vị Vua (5:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc.

Bấy giờ, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiền-tất-la) đã đi lên sân thượng của hoàng cung cùng với Hoàng Hậu Mallikā. Rồi Vua Pasenadi nói với Hoàng Hậu Mallikā:⁴²

“Này Mallikā, có ai mà hoàng hậu yêu thương hơn bản thân mình không?”

“Thưa Đại Vương, không có ai thần thiết thương quý hơn bản thân mình. Nhưng, này Đại Vương, có ai mà Đại Vương thương yêu hơn bản thân mình không?”

“Này Mallikā, ta cũng vậy, không có ai ta thương quý hơn bản thân mình.”

Rồi Vua Pasenadi, sau khi đi xuống, rời khỏi cung điện đi đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi nhà vua kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nhà vua thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi đi lên sân thượng của hoàng cung cùng với Hoàng Hậu Mallikā, con đã nói với Hoàng Hậu Mallikā: ‘Này Mallikā, có ai mà hoàng hậu thương quý hơn bản thân mình không?’ ... *(nhà vua kể lại như trên)* ...

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

⁴² [Kinh này giống kinh SN 3:08 (Quyển 1).] (42)

“Sau khi bằng tâm ta
Nhìn khắp cả mọi phương
Quả thực không thấy ai
Thương người khác hơn mình.
Mọi người đều như vậy
Thương mình nhiều hơn người
Mình cũng giống như họ
Vậy lấy mình là người
Thì không nên hại người.”

“Sabbā disā anuparigamma cetasā,
Nevajjhagā piyataram-attanā kvaci.
Evaṃ piyo puthu attā paresaṃ,
Tasmā na himse param-attakāmo” –
ti.

(42) – Kinh về Người Tuổi Thọ Ngắn (5:02)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Rồi, vào cuối chiều, ngài Ānanda ra khỏi chỗ ẩn trú, đến chỗ đức Thế Tôn. Thầy kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Ānanda thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn thật hy hữu, mẫu thân của Thế Tôn tuổi thọ ngắn, bảy ngày sau khi Thế Tôn được sinh ra mẫu thân của Thế Tôn đã qua đời, và tái sinh trong (số những thiên thần ở) cõi trời Đâu-suất (Tusita).”

“Này Ānanda, đúng là vậy, các mẫu thân của các vị Bồ-tát quả thật tuổi thọ ngắn, bảy ngày sau khi các vị Bồ-tát được sinh ra các mẫu thân của các vị Bồ-tát mất, và tái sinh trong cõi trời Đâu-suất.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Dù là chúng sinh nào
Đang có hoặc sẽ có
Tất cả đều sẽ đi
Sau khi bỏ lại thân.
Ai là người thiện khéo

“Ye keci bhūtā
bhavissanti ye vā pi,
Sabbe gamissanti
pahāya dehaṃ.
Taṃ sabbaṃ jānīm
kusalo viditvā,

Hiểu tất cả điều này
Nên nhiệt thành (tu tập)
Sống đời sống tâm linh.”

Ātāpiyo brahmacariyam
careyyā”-ti.

(43) – Kinh về Người Bệnh Cùi Suppabuddha (5:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc (chỗ cho sóc ăn).

Bấy giờ có người bệnh cùi có tên là Suppabuddha (Thiện Giác) ở Vương Xá, một người nghèo, người khốn cùng, người khốn khổ.

Lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi chỉ dạy Giáo Pháp giữa một hội chúng lớn. Người cùi Suppabuddha từ xa nhìn thấy chỗ rất đông người tề tựu với nhau. Sau khi thấy, ý này xảy đến với ông:

“Chắc hẳn chỗ này có đồ ăn thức uống đang được phân phát. Vậy giờ ta đến chỗ đông người đó, có lẽ ta sẽ xin được một ít đồ ăn thức uống.”

Rồi người cùi Suppabuddha đến chỗ đông người đó. Người cùi Suppabuddha nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi chỉ dạy Giáo Pháp xung quanh là một hội chúng lớn. Sau khi thấy, ý này xảy đến với ông:

“Vậy là ở đây không có đồ ăn thức uống đang được phân phát, sa-môn Cồ-đàm này đang chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng. Có lẽ ta nên nghe Giáo Pháp”, và ông ngồi xuống ngay đó, tự nhủ: “Ta sẽ lắng nghe Giáo Pháp.”

Rồi, bằng tâm mình bao trùm tâm của toàn bộ hội chúng, đức Thế Tôn nghĩ: “Ai ở đây có thể hiểu được Giáo Pháp?”

Đức Thế Tôn nhìn thấy người cùi Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, điều này khởi lên với đức Thế Tôn: “Người này có thể hiểu được Giáo Pháp”, và sau khi nghĩ đến người cùi Suppabuddha, đức Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, đó là: thuyết về

sự bố-thí, về giới-hạnh, về cõi trời, về sự nguy hại, sự suy đồi và ô nhiễm của những tham-dục và những ích lợi của sự từ-bỏ—đức Thế Tôn giảng giải về những điều này. Sau khi đức Thế Tôn đã biết người cù Suppabuddha có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn (nhu nhuyển), không bị chướng ngại, hướng cao thượng, có niềm tin, đức Thế Tôn đã giảng giải Giáo Pháp mà những vị Phật đã khám phá: “khổ, nguồn gốc khổ, sự diệt khổ, và đạo diệt khổ” (bốn diệu đế).

Giống như một tấm vải sạch không bị dính dơ thì nó có thể được nhuộm tốt đẹp, người cù khi đang ngồi ngay đó, một tầm-nhìn của Giáo Pháp không còn dính bụi, vô nhiễm, đã khởi sinh như vậy: “Mọi thứ có bản chất khởi sinh đều có bản chất chấm dứt” (có sinh là có diệt, mọi pháp đều sinh diệt, mọi thứ đều chỉ là sự sinh và diệt)

Rồi người cù Suppabuddha sau khi đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã đạt được Giáo Pháp, đã ngộ Giáo Pháp, đã thâm nhập Giáo Pháp, đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn sự nghi-ngờ, đã đạt được sự tự-tin, không còn phải nhờ qua ai để hiểu giáo lý của Vị Thầy (không còn là trí hữu sư, đã tự ngộ), sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, ông bước tới chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, người cù Suppabuddha thưa với đức Thế Tôn:

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật xuất sắc, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong Thầy Cồ-Đàm nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ người cù Suppabuddha ông bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp. Và sau khi hoan hỷ và vui mừng với lời dạy của đức Thế

Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, giữ đức Thế Tôn hướng phải mình, và rời đi.

Không lâu sau khi người cùi Suppabuddha rời đi, ông bị một con bò cái và bò con húc chết. Sau đó nhiều Tỳ kheo đã đến chỗ đức Thế Tôn, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, người cùi Suppabuddha, người đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi và làm hoan hỷ bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp—đã chết. Vậy nơi-đến của ông là gì? Trạng thái tương lai của ông là gì?”

“Này các Tỳ kheo, Suppabuddha là có trí, đã thực hành Giáo Pháp đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Này các Tỳ kheo, người cùi Suppabuddha, nhờ đã tiêu diệt ba gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã thành bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt xuống cõi đọa, về sau chắc chắn chứng đắc Toàn Giác.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, do nhân gì mà người cùi Suppabuddha đã thành một người nghèo, người khốn khổ, người khốn cùng như vậy?”

“Này các Tỳ kheo, kiếp xưa người cùi Suppabuddha là con trai của một thương gia giàu có cũng trong vùng Vương Xá này. Trên đường đi tới trang viên của mình, ông nhìn thấy Đức Phật Duyên Giác Tagarasikkhī đang đi vô thành để khát thực. Sau khi thấy, ý này đã khởi lên với ông ta: “Lão cùi này là ai đang lang thang quần áo người cùi?” Rồi ông khạc nhổ, đi quanh bên trái một cách bất kính, rồi bỏ đi.

Rồi quả báo của nghiệp này đã xảy ra suốt nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, ông ta đã bị nấu trong những tầng địa ngục. Kiếp này, do nghiệp còn thặng dư nên quả báo ông trở thành một người cùi cũng trong vùng Vương Xá này, một người nghèo, người khốn khổ, người khốn cùng.

Nhưng ông đã đến với Giáo Pháp và Giới Luật được chỉ dạy bởi Như Lai, đã đắc được niềm-tin, đắc giới-hạnh, đắc sự học-hiểu, đắc sự giải-thoát, đắc trí-tuệ. Sau khi đã đến với Giáo Pháp và Giới Luật được chỉ dạy bởi Như Lai, đã đắc được niềm-tin, đắc giới-hạnh, đắc sự học-hiểu, đắc sự giải-thoát, đắc trí-tuệ, khi thân tan rã, sau khi chết, ông đã tái sinh trong số những thiên thần ở cõi trời Dao-lợi (Tāvātimsa). Và ở đó ông quả thực tỏa sáng hơn những thiên thần khác về sắc đẹp và thanh danh.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Như người có mắt nhìn
Cố trán đường nguy hiểm
Cũng vậy người có trí
Trong thế gian đang sống
Nên tránh những nghiệp ác.”

“Cakkhumā visamāni va
vijjamāne parakkame,
Paṇḍito jīvalokasmim,
pāpāni parivajjaye”-ti.

(44) – Kinh về Những Thiếu Niên (5:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ ở đoạn giữa thành Sāvattthī và Tịnh Xá Cấp Cô Độc có mấy thiếu niên đang bắt những con cá nhỏ.

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Đức Thế Tôn nhìn thấy ở đoạn giữa thành Sāvattthī và Tịnh Xá Cấp Cô Độc mấy thiếu niên đang bắt những con cá nhỏ. Đức Thế Tôn đến chỗ mấy thiếu niên và nói với chúng:

“Này các thiếu niên, các con có sợ đau khổ không? Sự đau khổ có khó chịu đối với các chánh-niệm không?

“Dạ có, thưa ngài, chúng con sợ đau khổ. Sự đau khổ là khó chịu đối với chúng con.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Nếu có sợ khổ đau
Khổ đau là khó chịu
Như người có mắt nhìn
Công khai hay bí mật.
Nếu đang làm nghiệp ác
Hay sau này làm ác
Thì không thể có được
Sự thoát khỏi khổ đau
Dù nhanh chân bỏ chạy.”

“Sace bhāyatha dukkhassa,
sace vo dukkham-appiyaṃ,
Mākattha pāpakāṃ kammaṃ,
āvi vā yadi vā raho.
Sace ca pāpakāṃ kammaṃ
karissatha karoṭṭhā vā,
Na vo dukkhā pamuttyatthi,
upecca pi palāyatan”-ti.

(45) – Kinh về Sự Trai Giới (Bố-tát) (5:05)

Tôi nghe như vậy:⁴³

(A) Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattṭhī (Xá-vệ), ở Tịnh xá Đông Viên (khu vườn phía đông), trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra.

Lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi bao quanh bởi Tăng đoàn các Tỳ kheo vào ngày trai giới (Bố-tát).

“Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, đã hết canh một; Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha (Giới Bốn) cho các Tỳ kheo.” Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng.

Lần thứ hai, khi đêm đã khuya [thêm nữa], đã hết canh giữa, thầy Ānanda đứng dậy khỏi chỗ ngồi lần thứ hai, chỉnh y trên một vai, kính lễ đức Thế Tôn và thưa:

“Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, đã hết canh giữa; Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo.” Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im

⁴³ [Kinh này phần đầu (A) giống kinh AN 8:20 và phần (B) giống kinh AN 8:19.] (43)

lặng.

Lần thứ ba, khi đêm đã khuya [thêm nữa], đã hết canh cuối, khi bình minh đã tới và một ráng hồng đã hiện ở chân trời, thầy Ānanda đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh y trên một vai, kính lễ đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, đã hết canh cuối; Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo.”

“Này Ānanda, hội chúng này hoàn toàn không trong-sạch (không thanh tịnh).”

Rồi Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) nghĩ: “Đức Thế Tôn nói ‘Hội chúng ở đây không hoàn toàn trong-sạch’ là đang hàm chỉ người nào?” Rồi thầy Mục-kiền-liên cố định sự chú-tâm của mình vào toàn bộ Tăng đoàn các Tỳ kheo, bằng tâm mình bao trùm tâm của họ. Rồi thầy đã nhìn ra người đó đang ngồi giữa Tăng đoàn: đó là một người vô đạo đức, tính nết xấu xa, không trong-sạch và có hành-vi đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong suy đồi, hư hỏng, thối nát. Sau khi nhìn thấy người đó, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi tới chỗ người đó, và nói với người đó: “Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây.” Sau khi lời này được nói ra, người đó vẫn im lặng.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba thầy Mục-kiền-liên nói với người đó: “Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây.” Lần thứ ba người đó vẫn im lặng.

Rồi thầy Mục-kiền-liên đã dùng tay nắm người đó, kéo người đó ra khỏi cổng ngoài, và đóng chốt cổng lại. Rồi thầy quay lại chỗ đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, con đã trục xuất thầy đó rồi. Giờ hội chúng là trong-sạch. Mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo.”

“Thật ngạc nhiên và lạ kỳ, này Mục-kiền-liên, làm sao con người rồng tuếch đó cứ ngồi lì đó đợi cho đến khi mình bị nắm kéo đi bằng tay như vậy.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy nên tự mình tiến hành lễ bố-tát và đọc tụng Pātimokkha. Kể từ ngày hôm nay, ta sẽ không làm việc đó nữa. Không thể có chuyện và không thể hình dung rằng Như Lai có thể cử hành lễ bố-tát và tụng giảng Pātimokkha trong một hội tăng chúng không trong-sạch.”

(B) (I) “Này các Tỳ kheo, những quỷ thần A-tu-la (asura) nhìn thấy tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời này trong đại dương cho nên họ thích thú với nó. Tám đó là gì?

(1) “Này các Tỳ Kheo, đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần, chứ không hụp sâu đột ngột (như vực núi). Đây là tính chất thứ nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy.

(2) “Lại nữa, đại dương ổn định (trong bốn bề) chứ không tràn l้น qua những bờ biên của nó. Đây là tính chất thứ hai đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(3) “Lại nữa, đại dương không dung nạp xác chết, nó nhanh chóng xô giạt xác chết vô bờ và hất lên đất liền. Đây là tính chất thứ ba đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(4) “Lại nữa, khi những sông lớn—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—chảy ra đại dương, chúng từ bỏ hết những tên chính danh và tục danh của mình, và được gọi thành biển lớn. Đây là tính chất thứ tư đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(5) “Lại nữa, dù có nhiều hay ít sông ngòi chảy ra đại dương và nhiều hay ít mưa xuống từ trên trời, nước trong đại dương vẫn không thấy bị trụt xuống hay đầy thêm. Đây là tính chất thứ năm đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(6) “Lại nữa, đại dương chỉ có một vị, đó là vị mặn của muối.

Đây là tính chất thứ sáu đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(7) “Lại nữa, đại dương có chứa nhiều thứ quý, rất nhiều thứ quý giá như ngọc trai, đá quý, ngọc dương lưu ly (lapis lazuli), xà cừ, thạch anh, bạc, vàng, hồng ngọc, và ngọc mắt mèo. Đây là tính chất thứ bảy đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương ...

(8) “Lại nữa, đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn như: những loài cá timi, cá timiṅgala, cá timirapiṅgala, những quỷ thần a-tu-la, rồng nāga, và càn-thát-bà (gandhabba). Trong đại dương có những chúng sinh to lớn có thân mình dài cả trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, và năm trăm do-tuần (yojana). Đây là tính chất thứ tám đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú.

“Này các Tỳ Kheo, đây là tám tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có tám điều đáng ngạc nhiên và tuyệt vời về Giáo Pháp và Giới Luật này, mà sau khi xem xét và nhìn thấy cho nên các Tỳ kheo thích thú với Giáo Pháp và Giới Luaath này. Tám đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, giống như đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần chứ không hợp sâu đột ngột (như vực núi): trong Giáo Pháp và Giới Luật này sự thâm-nhập tới trí-biết cuối cùng (giác ngộ) xảy ra nhờ sự tu-học tiến dần, sự thực-hành tiến dần, và sự tu-tập tiến dần chứ không phải như một cái rụp (tức thời, một phát, chóng vánh; như kiểu giác-ngộ một cái rụp hay đốn ngộ). Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này cho nên họ thích thú như vậy.

(2) “Giống như đại dương ổn định (trong bốn bề) chứ không tràn lấn qua những bờ biên của nó: khi ta mô tả một giới-luật tu hành cho những đệ tử của ta, thì họ không còn lấn phạm vào nó

nữa cho dù phải đổi bằng mạng sống. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(3) “Giống như đại dương không dung nạp xác chết, nó nhanh chóng xô giạt xác chết vô bờ và hất lên đất liền: Tăng Đoàn không giao lưu với một người vô đạo đức, tính nết xấu xa, không trong sạch và có hành-vi đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong suy đồi, hư hỏng, thối nát; thay vì vậy, Tăng Đoàn nhanh chóng họp mặt và trục xuất người đó. Dù cho người đó đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỷ kheo nhưng người đó là ở xa khỏi Tăng Đoàn và Tăng Đoàn ở xa khỏi người đó. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(4) “Giống như khi những sông lớn chảy ra đại dương, chúng từ bỏ hết những tên chính danh và tục danh của mình, và được gọi thành biển lớn: khi những người thuộc những giai cấp xã hội khác nhau—như giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và Giới Luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, thì họ đã từ bỏ tên gọi và họ tộc của mình, và được gọi thành những sa-môn (tu sĩ) tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật). Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(5) “Giống như dù có nhiều hay ít sông ngòi chảy ra đại dương và nhiều hay ít mưa xuống từ trên trời, nước trong đại dương vẫn không thấy bị trụt xuống hay đầy thêm: cho dù có nhiều Tỷ kheo chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) bằng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), thì yếu-tố niết-bàn (niết-bàn giới) vẫn không thấy có sự giảm bớt hay đầy thêm. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(6) “Giống như đại dương chỉ có một vị, đó là vị mặn của

muối: trong Giáo Pháp và Giới Luật này cũng có một vị, đó là vị giải-thoát. Đây là tính chất thứ sáu đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(7) “Giống như đại dương có chứa nhiều thứ quý, rất nhiều thứ quý giá như ngọc trai, đá quý, ngọc dương lưu ly, xà cừ, thạch anh, bạc, vàng, hồng ngọc, và ngọc mắt mèo: Giáo Pháp và Giới Luật này có chứa những chất liệu quý giá, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ-sở (tu tạo) thần-thông (tứ thần túc), năm căn tâm-linh (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy chi trợ giúp giác-ngộ (thất giác chi), con-đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây là tính chất thứ bảy đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này ...

(8) “Giống như đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn như: những loài cá timi ... cần-thát-bà. Trong đại dương có những chúng sinh to lớn có thân mình dài cả trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, và năm trăm do-tuần: trong Giáo Pháp và Giới Luật này là cõi trú của những chúng sinh vĩ đại như: những bậc Nhập-lưu, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhập-lưu; những bậc Nhất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhất-lai; những bậc Bất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Bất-lai; những bậc A-la-hán, những bậc đang tu tập tới thánh quả A-la-hán. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám họ thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này cho nên họ thích thú như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là tám tính chất các Tỳ kheo thấy có trong Giáo Pháp và Giới Luật này cho nên họ thích thú với nó như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Như mưa làm ẩm ướt
 Những gì được che đậy
 Còn những gì để mở

“Channam-ativivassati
 vivaṭaṃ nātivassati,
 Tasmā channam vivaretha
 evaṃ taṃ nātivassatī” –ti.

Thì mưa không làm ướt.
Vì vậy hãy khai mở
Những điều bị che đậy
Nếu làm được như vậy
Mưa sẽ không thấm ướt.”⁴⁴

(46) – Kinh về Sona (5:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Trong thời đó thì ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāyana, Mahākaccāna) đang sống ở xứ dân Avanti, ở Kuraraghara, trên núi Pavatta. Lúc đó đệ tử tại gia Sona Kuṭikaṇṇa là người phụ giúp cho thầy Đại Ca-chiên-diên.

Rồi, đệ tử tại gia Sona Kuṭikaṇṇa, sau khi vô chỗ ẩn trú, ẩn dật, ý này đã khởi sinh trong tâm ông:

“Theo cách Thầy Đại Ca-chiên-diên chỉ dạy Giáo Pháp thì ‘không dễ gì ở tại gia mà sống được một đời sống hoàn toàn thánh thiện, một đời sống trong sạch toàn thiện như một vỏ sò được chà trắng’. Giờ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y màu vàng úa, ta sẽ có thể từ bỏ gia đình và xuất gia tu hành.”

Sau đó Sona Kuṭikaṇṇa đến chỗ thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ và ngồi xuống một bên, và thưa với thầy Đại Ca-chiên-diên:

⁴⁴ [Thi kệ này nghĩa chữ đơn giản, nhưng phải hiểu là: (i) Những thứ được che đậy thì nước mưa ngấm ướt, ẩm mốc, hôi thối; những thứ để mở thoáng thì sau mưa cũng khô ráo, không ẩm mốc, không hôi. Hàm nghĩa: (i) Những tâm tính được che đậy (lậu hoặc, bất minh, tà kiến) thì Ma Vương sẽ xâm nhập; (ii) những tâm tính khai mở (sự thanh tịnh, chánh niệm, công minh, chân chánh) thì không bị Ma Vương xâm nhập. (iii) Vì vậy người tu hãy khai mở những tâm tính bị che đậy; làm vậy thì sẽ không bị Ma Vương xâm nhập vào mình. *Mưa* là chỉ Ma Vương, lậu hoặc.] (44)

“Thưa thầy, ở đây, sau khi vô chỗ ẩn trú, ẩn dật, ý này đã khởi sinh trong tâm con: ‘Theo cách Thầy Đại Ca-chiên-diên chỉ dạy Giáo Pháp thì “không dễ gì sống ở tại gia mà sống được một đời sống hoàn toàn thánh thiện, một đời sống trong sạch toàn thiện như một vỏ sò được chà trắng”. Giờ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y vàng úa, ta sẽ có thể từ bỏ gia đình để xuất gia tu hành.’ Vậy con xin Thầy Đại Ca-chiên-diên cho con xuất gia.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với đệ tử tại gia Soṇa Kuṭikaṇṇa: “Này Soṇa, đời tu ăn một mình, ngủ một mình, và độc thân, là khó làm được. Này Soṇa, hiện giờ khi vẫn đang sống như người tại gia, con hết mình học hỏi Phật pháp, và đến những thời thích hợp, chẳng hạn những ngày trai giới, thì hãy ăn một mình, ngủ một mình, độc thân.”

Như vậy quyết tâm xuất gia của đệ tử tại gia Soṇa Kuṭikaṇṇa sẽ vui giảm đi.

Lần thứ hai ... *(y hết nội dung ở trên, người dịch giản lược)* ...

Lần thứ ba ... *(y hết nội dung ở trên)* ...

Nhưng rồi lần này thầy Đại Ca-chiên-diên đã cho phép đệ tử tại gia Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia.

Rồi thời đó chỉ có một số ít Tỳ kheo ở bang miền nam Avanti. Phải qua ba năm, thầy Đại Ca-chiên-diên, với nhiều khó khăn và nhiều khê, mới tụ họp được nhóm mười Tỳ kheo từ Tăng đoàn các Tỳ kheo, để truyền thụ toàn-bộ giới (cụ túc giới) cho thầy Soṇa.

Sau đó, thầy Soṇa, sau khi đã trải qua kỳ An Cư Mùa Mưa (kiết hạ), thầy vô chỗ trú ẩn, ẩn dật, rồi ý này đã khởi lên trong tâm thầy ấy:

“Ta chưa từng gặp mặt đức Thế Tôn, nhưng ta chỉ nghe được đức Thế Tôn là như vậy như vậy. Nếu thầy giáo thọ cho phép, ta sẽ đi gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

Rồi thầy Soṇa, sau khi ra khỏi chỗ ẩn trú đã tới gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính lễ thầy Đại Ca-chiên-diên và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, ở đây, sau khi con vô chỗ trú ẩn, ẩn dật, ý này đã khởi lên trong tâm con: ‘Ta chưa từng gặp mặt đức Thế Tôn, nhưng ta chỉ nghe được đức Thế Tôn là như vậy như vậy. Nếu thầy giáo thọ cho phép, ta sẽ đi gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.’”

“Tốt, tốt, này Soṇa, thầy phải đi gặp đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Này Soṇa, thầy sẽ thấy đức Thế Tôn là bậc tự-tin, truyền cảm hứng tự-tin, với các căn bình-an, tâm bình an, sau khi đã đạt đến sự tự-chủ và sự tĩnh-tại tối thượng, được kiểm soát, được phòng hộ, với các căn được chế ngự, là một bậc long tượng (nāga) thực thụ. Sau khi đến gặp Thế Tôn, hãy nhân danh ta kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, và hỏi thăm đức Thế Tôn không đau, không bệnh, khỏe, mạnh, và sống an ổn, và thưa rằng: ‘Kính thưa đức Thế Tôn, thầy giáo thọ của con là Đại Ca-chiên-diên xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, đã nhờ hỏi thăm liệu đức Thế Tôn không đau, không bệnh, khỏe, mạnh, và sống an ổn, phải không?’.

“Dạ, thưa thầy”, Soṇa đáp lại, hoan hỷ và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi kính lễ và giữ thầy Đại Ca-chiên-diên hướng bên phải mình, thầy Soṇa đi ra. Sau khi thu dọn chỗ ở, lấy bình bát và cà sa, lên đường đi tới hướng Sāvattthī.

Sau khi đã đi thành nhiều chặng, cuối cùng thầy cũng tới Sāvattthī, đến Khu Vườn Jeta, Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Tới nơi thầy kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Soṇa thưa với đức Thế Tôn:

“Kính thưa đức Thế Tôn, thầy giáo thọ của con là Đại Ca-chiên-diên xin kính lễ đức Thế Tôn với đầu dưới hai chân đức Thế Tôn, đã nhờ hỏi thăm liệu đức Thế Tôn không đau, không bệnh, khỏe, mạnh, và sống an ổn, phải không?”.

“Này Tỳ kheo, thầy chịu nổi không? Thầy có thể chịu tiếp không? Thầy đi đường có bị mệt mỏi hay bị thiếu thức ăn khát thực, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con có thể chịu nổi, con có thể chịu tiếp. Con đã đi đường mà không bị mệt mỏi và không bị thiếu thức ăn khát thực.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda: “Này Ānanda, hãy chuẩn bị chỗ ở cho Tỳ kheo viếng thăm này.”

Rồi ý này xảy đến với thầy Ānanda: “Khi đức Thế Tôn lệnh cho ta: ‘Này Ānanda, hãy chuẩn bị chỗ ở cho Tỳ kheo viếng thăm này’, có nghĩa đức Thế Tôn muốn trú cùng chỗ với vị Tỳ kheo đó trong khu lưu trú. Đức Thế Tôn muốn trú cùng chỗ với thầy Soṇa trong khu lưu trú.”

Rồi trong khu lưu trú mà đức Thế Tôn đang trú ngụ, một chỗ trú cho thầy Soṇa đã được chuẩn bị.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi rửa chân, đi vô khu lưu trú, và đã trải qua gần cả đêm ngồi ở ngoài trời. Thầy Soṇa cũng sau khi rửa chân, đi vô khu lưu trú, và đã trải qua gần cả đêm ngồi ở ngoài trời.

Rồi, gần tới rạng sáng, sau khi thức dậy, đức Thế Tôn yêu cầu thầy Soṇa: “Này Tỳ kheo, mong thầy có cảm hứng nói về Giáo Pháp.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Soṇa đáp lại. Sau đó thầy đã ngân nga tụng đọc 16 bài kinh thuộc Chương “Tám Thi Kệ” (của quyển Kinh Tập).⁴⁵

Rồi sau khi thầy Soṇa kết thúc lời ngân tụng, đức Thế Tôn rất hoan hỷ và nói rằng: “Lành thay, lành thay, này Tỳ kheo, rằng cả Chương “Tám Thi Kệ” đã được khéo học, khéo nhớ, khéo sinh trong tâm; thầy đã được phú với một giọng ngân tụng rất hay, phát

⁴⁵ [Chữ *Aṭṭhakavaggikāṇi* (thuộc *Chương Tám Thi Kệ*, *Aṭṭhakavagga*) và đây là chương thứ 4 của quyển kinh *Kinh Tập* (*Suttanipāta*).] (45)

âm hay, diễn đạt hay, làm cho ý nghĩa rõ ràng. Này Tỳ kheo, thầy có bao nhiêu Mùa Mưa (an cư kiết hạ, tuổi hạ)?”

“Thưa Thế Tôn, con mới có một Mùa Mưa.”

“Này Tỳ kheo, vì sao phải tốn thời gian quá lâu thầy mới thụ giới (xuất gia)?”

“Thưa Thế Tôn, từ lâu con đã nhìn thấy sự nguy-hại trong những tham-dục, nhưng do khi sống tại gia có sự cản trở (cho việc xuất gia), còn nhiều bốn phận và nhiều thứ để làm.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Sau khi đã nhìn thấy
Nguy-hại trong thế gian
Sau khi đã biết được
Trạng thái hết sanh-y:⁴⁶
Bậc Thánh không ưa ác
Bậc tịnh không ưa ác.”

“Disvā ādinavaṃ loke,
ñatvā dhammaṃ nirūpadhim,
Ariyo na ramatī pāpe,
pāpe na ramatī sucī” –ti.

(47) – Kinh về Revata (5:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có ngài Revata. Hay được gọi là Revata Nghi Ngờ (Kaṅkhārevata), đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế třeo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, quán chiếu về sự thanh lọc của mình nhờ sự vượt qua nghi-ngờ.

Rồi đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Revata Nghi Ngờ đang ngồi tư thế třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, quán chiếu về sự thanh lọc của mình nhờ sự vượt qua nghi-ngờ.

⁴⁶ [Về *sanh-y* = sự thu-nạp; hết *sanh-y*, diệt *sanh-y* (*nirūpadhim*): mời đọc lại chú thích 18 ở cuối kinh Ud 2:05 (= Ud 15) ở Chương 2 ở trên.] (46)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Có mọi sự nghi-ngờ
Về kiếp này, kiếp sau
Có thể hiểu bởi mình
Có thể hiểu bởi người
Những người thiên từ bỏ
Tất cả những sự đó
Những người tu nhiệt thành
Chỉ lo tu đòi tu.”

“Yā kāci kaṅkhā
idha vā huraṃ vā,
Sakavediyā vā
paravediyā vā,
Jhāyino tā
pajahanti sabbā:
Soṇavaggo Ātāpino
brahmacariyaṃ carantā”–ti.

(48) – Kinh về Ānanda (5:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc. Lúc đó là ngày trai giới, ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khát thực.

Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) nhìn thấy thầy Ānanda đang đi bộ khát thực trong thành Vương Xá, ông ta đến chỗ thầy Ānanda và nói: “Này đạo hữu Ānanda, từ nay trở đi, khỏi đức Thế Tôn, khỏi Tăng đoàn các Tỷ kheo, tôi sẽ tổ chức riêng lễ Trai Giới và thực hiện riêng Những Sự Vụ [Hợp Pháp] của Tăng đoàn.”

Rồi thầy Ānanda, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, sáng nay con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khát thực. Đề-bà-đạt-đa đã nhìn thấy con đang đi bộ khát thực trong thành Vương Xá, ông ta đến con và nói: ‘Này đạo hữu Ānanda, từ nay trở đi, khỏi đức Thế Tôn, khỏi Tăng đoàn các Tỷ kheo, tôi sẽ tổ chức riêng lễ Trai

Giới và thực hiện Những Sự Vụ của Tăng đoàn.’ Thừa Thế Tôn, bữa nay Đề-bà-đạt-đa sẽ phân chia Tăng Đoàn, và sẽ tổ chức lễ Trai Giới riêng và thực hiện riêng Những Sự Vụ của Tăng đoàn riêng mình.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Điều thiện lành dễ làm
Bởi những người thiện lành
Điều thiện lành khó làm
Bởi những kẻ xấu ác.
Điều xấu ác dễ làm
Bởi những kẻ xấu ác
Điều xấu ác khó làm
Bởi những bậc thánh nhân.”

“Sukaram sādhanā sādhu,
sādhu pāpena dukkaram,
Pāpam pāpena sukaram,
pāpam-Ariyehi dukkaran”—ti.

(49) – Kinh về Ānanda (5:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo.

Lúc đó có nhiều thiếu niên giai cấp bà-la-môn đi qua không xa đức Thế Tôn với điệu bộ chế nhạo châm chọc.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Những kẻ quên, đấng trí
Nói lời không thích hợp
Dù tỏ ra có trí
Họ mặc sức hả miệng
Nói những gì mình thích—
Do bị dẫn dắt bởi
Những điều mình không hiểu.

“Parimuṭṭhā paṇḍitābhāsā,
vācāgocarabhāṇino,
Yāvicchanti mukhāyāmaṃ
yena nītā na tam vidū”—ti.

(50) – Kinh về Panthaka (5:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó ngài Panthaka Nhỏ (Culapanthaka) đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, tư thế tẻo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, giữ sự chánh-niệm trước mặt.

Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Panthaka Nhỏ đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, tư thế tẻo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, giữ sự chánh-niệm trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vói thân được vững chãi
Và tâm được vững chãi
Cho dù khi đang đứng
Đang ngồi hay đang nằm
Quyết tâm giữ chánh-niệm
Một Tỳ kheo như vậy
Thì có thể chứng đắc
Sự khác-biệt sớm hơn
Sự khác-biệt sau này.
Rồi sau khi chứng đắc
Sự khác-biệt sớm hơn
Sự khác-biệt sau này
Thì có thể vượt khỏi
Tâm nhìn của Ma Vương.”

“Thitena kāyena thitena cetasā,
Tittamāṃ nisinnō uda vā sayāno,
Evaṃ satim bhikkhu
adhiṭṭhahāno,
Labhetha pubbāpariyāṃ
visesaṃ.
Laddhāna pubbāpariyāṃ
visesaṃ,
Adassanaṃ Maccurājassa
gacche” –ti.

Chương 6—MÙ BẨM SINH

(Jaccandha-vaggo)

(51) – Kinh về Sự Từ Bỏ Tiến Trình Sống (6:01)

Tôi nghe như vậy:⁴⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.

Bấy giờ, buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khát thực. Sau khi đã xong một vòng đi khát thực trong thành Vesālī và trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda như vậy:

“Này Ānanda, hãy lấy tấm lót ngồi. Chúng ta đi tới chỗ Ngõi Đèn Cây Cāpāla để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và sau khi mang theo tấm lót ngồi, thầy ấy đi sát sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đi đến Đèn Cāpāla và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Ānanda, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cũng ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda:

“Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda, thật đáng thích là Đèn Udena, thật đáng thích là Đèn Gotamaka, thật đáng thích là Đèn Sattamba, thật đáng thích là Đèn Bahuputta, thật đáng thích là Đèn Sārandada, thật đáng thích là Đèn Cāpāla. Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), làm chúng thành một cỗ-xe (tu thừa), làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, thực hành bản thân trong chúng, và hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp

⁴⁷ [Kinh này giống bài kinh quan trọng SN 51:10 (Quyển 5); (người dịch trích luôn toàn bộ kinh SN 51:10, trừ các chú thích ở đó, cho đồng nhứt một lời dịch). Để hiểu kỹ hơn, mời đọc các chú thích ở đó. Sự kiện nổi tiếng của kinh này cũng được ghi lại trong Đại kinh Bát Niết-Bàn, (DN 16)] (47) **

hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này. Nay Ānanda, Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, đã làm chúng thành một cỗ-xe, đã làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, đã thực hành bản thân mình trong chúng, và đã hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”⁴⁸

Nhưng mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gọi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó. Thầy ấy đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn như vậy: “Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn sống một đại kiếp! Kính mong bậc Phúc Lành sống một đại kiếp, vì phúc lợi của đại chúng, vì hạnh phúc của đại chúng, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.” Tâm trí của thầy ấy đã bị ám muội bởi Ma Vương đến mức như vậy.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Ānanda: “Thật đáng thích là Vesālī, nay Ānanda Nay Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông ... và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này ... Nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”

Nhưng cũng vậy, mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gọi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu điều đó ... Tâm trí của thầy ấy đã bị ám muội bởi Ma Vương đến mức như

⁴⁸ [Nguyên văn câu này: “*kappam vā titttheyya kappāvasesam vā*”. Luận giảng bộ kinh SN là **Spk** đã giải nghĩa chữ *kappa* ở đây là = một kiếp-người (*āyukappa*). ► Tuy nhiên: không hề có chỗ nào khác trong toàn bộ Kinh Tạng dùng chữ *kappa* với nghĩa là một ‘kiếp người’, và không có lý do thỏa đáng nào để gán nghĩa khác cho nó ngoài cái nghĩa thông thường của nó là *kiếp vũ trụ* (đại kiếp). Cho dù đoạn kinh này là nguyên gốc hay đã bị chế biến, và cho dù sự thiên-định thành công có mang đến những năng-lực siêu thường đến như vậy hay không, thì cũng đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa của chữ *kappa* trong đoạn kinh này. ► Mời đọc chú thích số 249 chỗ này trong kinh SN 51:10.] (48)

vậy.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda”. (tức không cần phải ngồi hầu cận Phật lúc này nữa)

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một gốc cây gần đó.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda”. (tức không cần phải ngồi hầu cận Phật lúc này nữa)

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một gốc cây gần đó.

Rồi, không lâu sau khi thầy Ānanda đi, Ma Vương Ác Ma đã tới gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn:

- (i) “Này bậc Thế Tôn, vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát niết-bàn đi! (tức niết-bàn và qua đời). Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát niết-bàn! Giờ là lúc Bát niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- (ii) “Này bậc Thế Tôn, lúc xưa Ngài đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không Bát niết-bàn cho đến khi ta có những đệ tử Tỳ kheo “là những người có hiền-trí, có kỷ-luật, tự-tin, an-toàn khỏi sự trói-buộc (của luân hồi ...), đã học-hiểu, là những người hộ trì của Giáo Pháp, đang thực hành đúng theo Giáo Pháp, đang thực hành theo cách chánh đúng, đang dẫn dắt bản thân đúng theo vậy; là những người đã học được giáo pháp của thầy mình và có thể giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm rõ nó; là những người có thể bác bỏ những giáo thuyết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) một cách xuyên suốt bằng những cách hợp-lý (hữu lý, đúng lý) và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm”.’] Nhưng bây giờ, thưa ngài, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo ‘là những người hiền-trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm’. Vậy bây giờ bậc Thế

Tôn hãy Bát niết-bàn đi! Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát niết-bàn! Giờ là lúc Bát niết-bàn của bậc Thế Tôn!”

- (iii) “Này bậc Thế Tôn, lúc xưa Ngài đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không Bát niết-bàn cho tới khi ta có *những đệ tử Tỳ kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ* “là những người có hiền-trí, có kỷ-luật ... họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm”.] Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những đệ tử Tỳ kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ ‘là những người có hiền-trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp hiệu nghiệm’. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát niết-bàn đi! Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát niết-bàn! Giờ là lúc Bát niết-bàn của bậc Thế Tôn!”

- (iv) “Này bậc Thế Tôn, lúc xưa Ngài đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không Bát niết-bàn cho tới khi đời-sống tâm linh (phạm hạnh) của ta “đã thành công và phát đạt, được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người”’].⁴⁹ Nhưng bây giờ, thưa ngài, đời-sống tâm linh của đức Thế Tôn ‘đã thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người’. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát niết-bàn đi! Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát niết-bàn! Giờ là lúc Bát niết-bàn của bậc Thế Tôn!”

Sau khi Ma Vương nói ra những điều này, đức Thế Tôn đã nói với Ma Vương như vậy: “Cứ an nhàn đi, này Ác Ma (= đừng bận tâm, đừng manh động làm chi). Cũng không lâu nữa là tới lúc Bát niết-bàn của Như Lai. Trong vòng ba tháng tới Như Lai sẽ Bát niết-bàn.”

Rồi đức Thế Tôn, ở Đền Cāpāla đó, một cách có chánh-niệm và rõ-biết, đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ (hữu hành, hành sinh mạng).

⁴⁹ [Nội dung cả câu này cũng có ghi y hệt ở cuối kinh 12:65 (Quyển 2), và dĩ nhiên cũng có ghi trong kinh song hành của nó là kinh AN 8:70, và trong 1 kinh nữa là DN 16, mục 3.7-3.8.] (49)

Và sau khi đức Thế Tôn đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ của mình, một trận động đất đã xảy ra, làm kinh sợ và khiếp sợ, và tiếng gầm nổ của sấm sét làm rung chuyển khắp trời.

“Sự liên-tục (hiện-hữu)
 Sự liên-tục hiện-hữu
 Hữu lượng và vô lượng
 Bạc Mâu-ni từ bỏ
 Bên-trong đây hoan-hỷ
 Với cái tâm đạt-định
 Bạc ấy đã phá bỏ
 Sự liên-tục hiện-hữu
 Như (cởi bỏ) áo giáp.”

“Tulam-atulañ-ca sambhavañ,
 Bhavasañkhāram-avassajji
 Muni.
 Ajjhattarato samāhito,
 Abhindi kavacam-
 ivattasambhavan” –ti.

(52) – Kinh về Các Tu Sĩ Tóc Búi (6:02)

Tôi nghe như vậy:⁵⁰

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), ở Tịnh xá Đông Viên (khu vườn phía đông), trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra.

Bấy giờ vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn đã ra khỏi chỗ ẩn cư và đang ngồi bên đường đi ngoài cổng. Rồi Vua Pasenadi của nước Kosala đã đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.

Lúc đó có bảy tu sĩ tóc búi (*jaṭila*), bảy ni-kiền-tử (*nigaṇṭha*), bảy tu sĩ lông thể, bảy tu sĩ một y, và bảy du sĩ—để nách đây lông, để móng tay dài và lông trên người, đang vác đồng đồ dùng vật dụng đi qua đức Thế Tôn không xa. Rồi Vua Pasenadi của nước Kosala đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y trên một vai, quỳ đầu gối phải xuống đất và chấp hai bàn tay kính lễ về phía bảy tu sĩ tóc búi, bảy ni-kiền-tử, bảy tu sĩ lông thể, bảy tu sĩ một y và bảy du sĩ đó, nhà vua

⁵⁰ [Kinh này nội dung giống kinh **Uđ 6:02**, nhưng khác phần thi kệ cảm hứng của Phật ở cuối kinh (người dịch cũng không hiểu lý do, trong khi thi kệ trong kinh **SN** thì hữu duyên hữu lý hơn). Những *jaṭila* là những tu sĩ có tóc búi, là những người theo đạo Jain của đạo sư Ni-kiền-tử Nātaputta.] (50)

tuyên bố tên mình ba lần: “Chào các ngài, ta là vua, Vua Pasenadi của nước Kosala! ... Chào các ngài, ta là vua, Vua Pasenadi của nước Kosala!”

Rồi, không lâu sau khi bảy tu sĩ tóc búi ... và bảy du sĩ đó đi khỏi, Vua Pasenadi của nước Kosala đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, những vị đó sẽ nằm trong số người trong thế gian là A-la-hán hoặc đã bước vào đạo dẫn tới quả vị A-la-hán, có phải vậy không?.”⁵¹

“Này đại vương, đang là người tại gia thụ hưởng những dục lạc (khoái-lạc giác quan), sống ở nhà với đầy con cháu, thụ hưởng việc dùng gỗ đàn hương Kāsia, đeo vòng hoa, dùng dầu thơm và phấn sáp, nhận lấy vàng bạc, thì khó mà đại vương biết được rằng: ‘Những người này là A-la-hán hoặc đã bước vào đạo dẫn tới quả vị A-la-hán.’

(1) “Này đại vương, chính bằng cách sống chung với một người thì đức-hạnh của người đó mới được biết, và phải sau thời gian lâu, không phải thời gian ngắn; (được biết) bởi người chú ý, không phải bởi người không chú ý; bởi người có trí, không bởi phải người đần độn.

(2) “Này đại vương, chính bằng cách xử sự (đối xử, liên hệ, làm ăn, xử lý) với một người thì sự chân-thật của người đó mới được biết, và phải sau thời gian lâu, không phải thời gian ngắn; (được biết) bởi người chú ý, không phải bởi người không chú ý; bởi người có trí, không bởi phải người đần độn.

(3) “Này đại vương, chính trong những nghịch cảnh thì nghị-lực của người đó mới được biết, và phải sau thời gian lâu, không phải thời gian ngắn; (được biết) bởi người chú ý, không phải bởi người

⁵¹ [Tất cả các phiên bản của bộ kinh SN đều ghi lời này của nhà vua như một câu khẳng định (*ye te bhante loke arahanto*), nhưng trong phiên bản kinh Ud 6:02 này [phiên bản Ee] thì ghi như dạng câu hỏi (*ye nu keci kho bhante loke arahanto?*), tức nhà vua hỏi Phật có đúng là vậy hay không.] (51)

không chú ý; bởi người có trí, không bởi phải người đần độn.

(4) “Này đại vương, bằng cách thảo luận với một người thì trí-tuệ của người đó mới được biết, và phải sau thời gian lâu, không phải thời gian ngắn; (được biết) bởi người chú ý, không phải bởi người không chú ý; bởi người có trí, không bởi phải người đần độn.”⁵²

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo là cách mà điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn: ‘Thưa đại vương, đang là người tại gia thụ hưởng những dục lạc ... thì khó mà đại vương biết được rằng: ... [như trên] ... (được biết) bởi người có trí, không bởi phải người đần độn.’

“Thưa Thế Tôn, (chuyện là như vậy), những người đó là gián điệp của con, là những mật vụ giả dạng của con, họ đang quay về nhà sau khi đi do thám nước khác. Thông tin đầu tiên được thu thập bởi họ và sau đó con sẽ khiến họ tiết lộ chúng (cho con). Thưa Thế Tôn, giờ mấy người đó sau khi họ tắm gội bụi đất, sau khi tắm rửa và chải chuốt tươi tắn, cắt tỉa râu tóc, mặc đồ trắng (của người tại gia), thụ hưởng bản thân được phú và chu cấp với năm dây dục lạc.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Người tu nên cố gắng
Trong tất cả hoàn cảnh
Người tu cũng không nên
Là người của người khác
Một người không nên sống
Dựa nhờ vào người khác
Người đó không nên sống
Buôn bán trong Giáo Pháp.”

“Na vāyameyya sabbattha,
nāññassa puriso siyā,
Nāññam nissāya jīveyya,
Dhammena na vaṇim care” –ti.

⁵² [Bốn điều khẳng định này của Phật cũng được nói và được giảng rộng hơn trong kinh AN 4:192.] (52)

(53) – Kinh về Sự Quán Chiếu (6:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi quán chiếu về sự đã trừ-bỏ vô số điều bất thiện xấu ác của mình và về cách mà sự tu-tập vô số những điều thiện lành của mình đã đi tới hoàn thiện viên mãn.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Trước vậy, sau không vậy;
Trước không vậy, giờ vậy;
Trước đó thì không có,
Tương lai cũng không có
Hiện tại không thấy có.”⁵³

“Ahu pubbe tadā nāhu;
nāhu pubbe tadā ahu;
Na cāhu, na ca bhavissati,
na ceta-rahi vijja-ti” –ti.

(54) – Kinh Đầu về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Rồi, trong thời đó, có nhiều tu sĩ các giáo phái, các sa-môn, bà-la-môn và du sĩ khác nhau đang sống Sāvattthī; họ có những quan-điểm khác nhau, sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tùy thuộc những quan-điểm khác nhau, chẳng hạn:

⁵³ [Giải nghĩa theo Luận giảng: (i) Trước khi Giác Ngộ có ô-nhiễm (lậu hoặc, phiền não), sau Giác Ngộ không có; (ii) trước Giác Ngộ thì thứ vô lượng phi tội lỗi [= Đạo] không được hoàn thiện, sau Giác Ngộ nó đã được hoàn thiện; (iii) trước Giác Ngộ không có khoảng-khắc (sát-na) chứng Thánh Đạo, và tương lai cũng sẽ không có, và hiện tại cũng không có: đó là trải-nghiệm một-lần (ngay lúc Chánh Giác?) và không tái lập nữa. (Người dịch nghĩ lời kệ tả sự Chánh Giác toàn thiện viên mãn, không còn sự giác-ngộ nào lặp lại hay hơn nữa.) (53)]

1. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Thế giới là trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

2. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Thế giới không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

3. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Thế giới là hữu hạn—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

4. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Thế giới là vô hạn—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

5. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Xác thân và linh hồn là một—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

6. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Xác thân và linh hồn là khác nhau—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

7. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Cá thể (con người) vẫn hiện hữu sau khi chết—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

8. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Cá thể không còn hiện hữu sau khi chết—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

9. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Cá thể vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

10. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Cá thể không phải hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

Họ sống cứ tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, tấn công nhau bằng miệng lưỡi sắc bén, như vậy: “Đây là Giáo Pháp, đó không phải Giáo Pháp; đây không phải Giáo Pháp, đó mới là Giáo Pháp.”

Rồi, thời buổi sáng, nhiều Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, có nhiều tu sĩ các giáo phái, các sa-môn, bà-la-môn và du sĩ khác nhau đang sống Sāvattthī; họ có những quan-điểm khác nhau, sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tùy thuộc những quan-điểm khác nhau, chẳng hạn:

... (từ 1-10 như trên, người dịch giản lược) ...

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ ngoại đạo là mù quáng, không có sự-thấy (tầm nhìn), họ không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp. Do không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp, cho nên họ sống cứ tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, tấn công nhau bằng miệng lưỡi sắc bén, như vậy: ‘Đây là Giáo Pháp, đó không phải Giáo Pháp; đây không phải Giáo Pháp, đó mới là Giáo Pháp.’

“Này các Tỳ kheo, thời xưa có một ông Vua, cũng ở thành Sāvattthī này. Rồi ông Vua đó nói với một người: ‘Này quan, hãy đi tìm nhiều người mù bẩm sinh trong Sāvattthī và tụ tập họ một chỗ cho trăm.’

“Dạ, thưa bệ hạ’, vị quan đáp lại. Sau đó ông cho tập hợp nhiều người người mù ở Sāvattthī, rồi ông tới gặp nhà Vua bẩm báo: ‘Thưa bệ hạ, nhiều người mù đã tập hợp rồi.’

“Vậy, ta nói, hãy đưa vô một con voi cho những người mù bẩm sinh đó.’

“Dạ, thưa bệ hạ’, vị quan đáp lại. Sau đó ông cho đưa một con voi vô chỗ đám người mù bẩm sinh và nói: ‘Này những người mù, đây là con voi!’.

“Khi đưa đầu voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (i)

“Khi đưa tai voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (ii)

“Khi đưa ngà voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (iii)

“Khi đưa vòi voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (iv)

“Khi đưa mình voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (v)

“Khi đưa chân voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (vi)

“Khi đưa đuôi voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’. (vii)

“Khi đưa gốc đuôi voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’.
(viii)

“Khi đưa ngọn đuôi voi cho một số họ, ông nói: ‘Đây là con voi’.
(ix)

“Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi ông quan đã đưa con voi cho những nhóm người mù, ông đến gặp nhà Vua và thưa: ‘Thưa bệ hạ, những người mù bẩm sinh đó đã thấy con voi. Giờ là lúc bệ hạ muốn làm gì cứ tùy tiện, thưa bệ hạ.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, nhà Vua đến chỗ đám người mù, đến nơi nhà vua nói với họ: ‘Này những người mù, các người đã rõ thấy chưa?’

“‘Dạ có, thưa bệ hạ, chúng thần đã rõ thấy rồi.’

“‘Này những người mù, vậy các người hãy thử nói “Con voi là như nào”.’

“Này các Tỳ kheo, số người mù bẩm sinh đã rõ thấy đầu voi nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống cái lu.’ (i)

“Này các Tỳ kheo, số rõ thấy tai voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống cái quạt sảy lúa.’ (ii)

“Số rõ thấy ngà voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống lưỡi cày.’ (iii)

“Số rò thấy vòi voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống cán cày.’ (iv)

“Số rò thấy mình voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống bồ lúa.’ (v)

“Số rò thấy chân voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống trụ cột.’ (vi)

“Số rò thấy đuôi voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống cối xay.’ (vii)

“Số rò thấy gốc đuôi voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống cái chà.’ (viii)

“Số rò thấy ngọn đuôi voi thì nói: ‘Thưa bệ hạ, đây là con voi, nó giống chổi quét.’ (ix)

“Và họ tranh nhau nói: ‘Đây là con voi, đó không phải con voi; đây không phải con voi, đó mới là con voi’, rồi họ đánh nhau bằng nắm đấm; khi nhìn thấy vậy ông Vua vui thích.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những du sĩ ngoại đạo là mù quáng, không có sự-thấy (giống như người mù), họ không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp. Do không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp, cho nên họ sống cứ tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, tấn công nhau bằng miệng lưỡi sắc bén, như vậy: ‘Đây là Giáo Pháp, đó không phải Giáo Pháp; đây không phải Giáo Pháp, đó mới là Giáo Pháp.’”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Có số những sa-môn
Và những bà-la-môn
Chấp những quan-điểm này
Sau khi nắm giữ chúng

“Imesu kira sajjanti,
eke samaṇabrāhmaṇā
Viggayha naṃ viva
danti janā ekaṇḍadassino” –ti.

Họ tranh cãi tranh luận
Như người nhìn một phía.”

(55) – Kinh Hai về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:05)

Tôi nghe như vậy:

Rồi, trong thời đó, có nhiều tu sĩ các giáo phái, các sa-môn, bà-la-môn và du sĩ khác nhau đang sống Sāvattthī; họ có những quan-điểm khác nhau, sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tùy thuộc những quan-điểm khác nhau, chẳng hạn:

1. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới là trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

2. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

3. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới vừa trường tồn bất diệt vừa không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

4. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới không phải trường tồn bất diệt cũng không phải không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

5. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra.”

6. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

7. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới là do mình và người khác tạo ra—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

8. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Bản ngã và thế giới không do mình hay người khác tạo ra mà đã khởi sinh ngẫu nhiên.”

9. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới là trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

10. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

11. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới vừa trường tồn bất diệt vừa không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

12. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới không phải trường tồn bất diệt cũng không phải không trường tồn bất diệt—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

13. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới là do mình tạo ra.”

14. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

15. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới là do mình và người khác tạo ra—chỉ điều này là đúng, tất cả điều khác đều là ngu ngốc.”

16. Có tu sĩ và bà-la-môn có luận thuyết: “Sưóng và khổ, bản ngã và thế giới không do mình hay người khác tạo ra mà đã khởi sinh ngẫu nhiên.”

Họ sống cứ tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, tấn công nhau bằng miệng lưỡi sắc bén, như vậy: “Đây là Giáo Pháp, đó không phải Giáo Pháp; đây không phải Giáo Pháp, đó mới là Giáo Pháp.”

Rồi, thời buổi sáng, nhiều Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, có nhiều tu sĩ các giáo phái, các sa-môn, bà-la-môn và du sĩ khác nhau đang sống Sāvattthī; họ có những quan-điểm khác nhau, sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tùy thuộc những quan-điểm khác nhau, chẳng hạn:

... (từ 1-16 như trên, người dịch giản lược) ...

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ ngoại đạo là mù quáng, không có sự-thấy (tầm nhìn), họ không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp. Do không biết điều gì là tốt, họ không biết điều gì là không tốt, họ không biết điều gì là Giáo Pháp, họ không biết điều gì không phải là Giáo Pháp, cho nên họ sống cứ tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, tấn công nhau bằng miệng lưỡi sắc bén, như vậy: ‘Đây là Giáo Pháp, đó không phải Giáo Pháp; đây không phải Giáo Pháp, đó mới là Giáo Pháp.’

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Có số những sa-môn
Và những bà-la-môn
Chấp những quan-điểm này
Họ bị chìm giữa đường
(Và chán nản sâu não)
Do họ chưa đạt tới
Sự kết thúc vô minh.”⁵⁴

“Imesu kira sajjanti,
eke samaṇabrāhmaṇā,
Antarā va visīdanti,
appatvā va tamogadhan” –ti.

⁵⁴ [Ở đây có sự chơi chữ với chữ *visīdanti*, vừa có nghĩa là *chìm* vừa có nghĩa là *chán nản, sâu não*, nên tôi ghi thêm câu trong ngoặc cho đủ hàm nghĩa. Và tôi dịch chữ *tamogadha* là sự kết thúc u-mê, tăm-tối, vô-minh, vô minh diệt; (một số bản dịch khác ghi là chân đứng, đất cứng vững chắc, có lẽ là do nhầm chữ *gadha* với chữ *gāḍha*.)

(56) – Kinh Ba về Các Tu Sĩ Ngoại Đạo (6:06)

(Giống hết kinh kể trên, chỉ khác thi kệ cảm hứng)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Thế hệ này chỉ nghĩ
Người tạo ra cái ‘ta’
Người tạo ra ‘người khác’
Nhưng họ đã không biết
Và họ cũng không thấy
‘Đây chính là mũi tên’.
Nhưng nếu ai nhìn thấy
‘Mũi tên này là nhân’
Thì đối với người đó
Không còn chấp quan điểm
‘Ta chính là người tạo’.
Thế hệ này sở hữu
Bởi tự-ta ngã mạn
Trói buộc bởi ngã mạn
Ràng buộc bởi ngã mạn
Họ nói thuyết ào ào
Về quan-điểm của mình
Nhưng luân-hồi sinh tử
Đâu chuyển hóa được gì.”

“Ahaṅkārapasutāyaṃ,
pajā paraṅkā rūpasamhitā,
Etaḍ-eka nābbhaññimsu
na naṃ sallan-ti addasaṃ.
Etañ-ca sallam paṭicca passato,
“Ahaṃ karomī” ti na tassa
hoti,
“Paro karotī” ti na tassa hoti.
Mānupetā ayaṃ pajā,
mānaganthā mānavinibandhā,
Ditṭhisu sārambhakathā,
Saṃsāraṃ nātivattatī” –ti.

(57) – Kinh về Tu-Bồ-Đề (6:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có ngài Tu-bồ-đề (Subhūti) đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế třeo chân (kiết già), giữ thân thẳng đứng, sau khi đạt tới trạng thái định-tâm không còn ý-nghĩ (hết tầm).

Rồi đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Subhūti đang ngồi không xa, tư thế třeo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đạt tới trạng thái định-tâm không còn ý-nghĩ này nọ (hết tầm).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vị vị đó dẹp tan
 Những ý-nghĩ này nọ (tầm)
 Đã hoàn toàn dứt bỏ
 Bên trong không tàn dư
 Thoát khỏi dính-mắc đó
 Nhận-thức cảnh vô-sắc
 Vượt qua bốn trói-buộc
 Hết đi đến (tái) sinh.”⁵⁵

“Yassa vitakkā vidhūpitā,
 Ajjhattam suvikappitā asesā,
 Tam saṅgam-aticca arūpasaññī,
 Catuyogātigato na jātumeti” –
 ti.

(58) – Kinh về Kỹ Nữ (6:08)

Tôi nghe như vậy:

⁵⁵ [(i) Chữ *saṅga* tạm dịch là sự dính-mắc (dính chấp, cố chấp, dính kẹt, chấp trước): chỉ trạng thái của tâm. Có 04 sự dính-mắc: *kāma-saṅga* (dính-mắc dục-lạc), *bhava-saṅga* (dính-mắc sự sinh-hữu), *diṭṭhi-saṅga* (dính-mắc quan-điểm, tà kiến), *māna-saṅga* (dính-mắc sự tự-ta, ngã mạn). *Saṅga* thuộc loại hành vì sự chấp-thủ (*upādāna*).

(ii) Chữ *yogā* (số nhiều của *yoga*) là sự trói-buộc (ách, ách nạn): chỉ tình trạng bị trói-buộc. Một số kinh (như AN 4.10, SN 45:172), Phật đã định nghĩa 04 sự trói-buộc là ách trói chúng sinh với thể gian: *kāmayoga* (ách là dục-lạc), *bhāvayoga* (ách là sự sinh-hữu), *diṭṭhiyoga* (ách là những quan-điểm, tà kiến), và *avijjāyoga* (ách là vô-minh). Chính những 04 *saṅga* và 04 *yogā* tạo hệ quả thành 10 gông-cùm (*saṃyojana*, kiết sử). - Tóm lại, đây là những thuật ngữ Phật thường dùng để chỉ sự dính, kẹt, trói buộc, ách, ách nạn, gông cùm đã trói chúng sinh trong luân-hồi sinh tử, bắt đầu từ dục-vọng (tham ái, ái).

(iii) Luận giảng cho rằng nhận-thức cảnh vô-sắc (vô sắc tướng, *arūpasaññī*) ở đây hàm nghĩa chỉ Niết-bàn (cho dù đầu kinh chỉ mô tả vài chữ thầy Tu-bồ-đề chỉ đang nhập định Nhị thiền.) (55).

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc.

Bấy giờ, trong thành Vương Xá có hai băng đảng cùng say mê một vũ nữ, tâm trí họ ám muội. Sau khi tranh giành, cãi nhau, tranh chấp nhau, họ đánh nhau bằng tay chân, bằng đất đá, bằng gậy gộc, bằng dao kiếm, làm họ chết hay đau đớn gần chết.

Rồi, nhiều Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vương Xá để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, trong thành Vương Xá có hai băng đảng cùng say mê một vũ nữ, tâm trí họ ám muội. Sau khi tranh giành, cãi nhau, tranh chấp nhau, họ đánh nhau bằng tay chân, bằng đất đá, bằng gậy gộc, bằng dao kiếm, làm họ chết hay đau đớn gần chết.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:⁵⁶

“Đã chứng đắc được gì
Có thể chứng đắc gì—
Hai điều bị phủ bụi
Cho kẻ khốn khổ đó
Trong sự tu (sai lạc).
Ai chấp chỉ giới-luật
Là cốt lõi đời tu
Hay chỉ có giới-hạnh

“Yañ-ca pattaṃ yañ-ca
pattabbam—
ubhayam-etam rajānukinṇam
āturassānusikkhato.
Ye ca sikkhāsārā
sīlabbatajīvitabrahmacariya-
upaṭṭhānasārā ayam-eko anto.
Ye ca evaṃvādino:
‘Natthi kāmesu doso’ -ti—

⁵⁶ [Để ý: Thi kệ cảm hứng (udāna) ở đây (và trong một số kinh khác của quyển kinh này) hầu như không liên quan gì tới nội dung phần văn xuôi của kinh. Chúng ta không thể không cảm thấy sự bất tương ứng ở đây: có lẽ thi kệ nguyên gốc đã bị mất. Đặc biệt trong kinh này phần thi kệ lại ghi dạng văn xuôi, càng làm chúng ta thêm nghi ngờ về tính nguyên bản của nó. (Một số thi kệ cảm hứng người dịch thực sự không hiểu, vì nghĩa của chúng không liên quan gì bối cảnh ghi trước đó).] (56)

Chỉ thực-hành, chánh-mạng
 Chỉ độc-thân, tác-ý:
 Là cốt lõi tu thành—
 Đây là một cực đoan.
 Ai nói không tội lỗi
 Trong năm thứ dục-lạc:
 Đây cực đoan thứ hai.
 Hai cực đoan như vậy
 Làm tăng thêm mờ mả,
 Và nhiều mờ nhiều mả
 Làm tăng thêm tà-kiến.
 Do người tu không hiểu
 Cả hai cực đoan này:
 Một số dính kẹt lại
 Một số tuột quá xa.
 Nhưng với ai đã hiểu
 Cả hai cực đoan này:
 Nhờ đó hết nhìn-nhận
 Nhờ đó hết ngã-mạn⁵⁷
 Không còn luân-hồi nào
 Để mô tả về họ.

ayaṃ dutiyo anto.
 Iccete ubho antā
 kaṭasivaḍḍhanā,
 kaṭasiyo diṭṭhiṃ vaḍḍhenti.
 Ete te ubho ante anabhiññāya
 olīyanti eke atidhāvanti eke.
 Ye ca kho te abhiññāya
 tatra ca nāhesuṃ
 tena ca na maññimsu—
 Vaṭṭaṃ tesaṃ natthi
 paññāpanāyā”-ti.

(59) – Kinh về Sự Quá Lố (6:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối mịt, có mấy đèn dầu đang cháy. Rồi trong lúc đó nhiều con thiêu thân bay nhào vô mấy ngọn đèn dầu đó, chúng đang lao vô khổ nạn, lao vô

⁵⁷ [Tena ca na maññimsu. Động từ maññati có nghĩa nghĩ, nhìn nhận, nhưng nghĩa ở đây hàm chỉ nghĩa gốc māna của nó, nghĩa là sự tự-ta (ngã mạn), do vậy tôi tạm dịch thành 02 nghĩa ‘không nhìn-nhận gì nữa’ và ‘không còn sự ngã-mạn’ cho khỏi sót.] (57)

sự hủy diệt. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều con thiêu thân bay nhào vô mây ngọn đèn dầu đó, chúng đang lao vô khổ nạn, lao vô sự hủy diệt.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Người tu chạy quá lỗ
Không đi tới cốt lõi
Chủ tạo nhân gia tăng
Những trói-buộc mới mẻ
Như những con thiêu thân
Cứ lao vô lửa đèn
Một số chỉ dựa theo
Thứ được thấy hay nghe.”⁵⁸

“Upātidhāvanti na sāram-enti,
Navam navam bandhanam
brūhayanti,
Patanti pajjotam-ivādhipātakā,
Ditthe sute iti heke nivittā” –ti.

(60) – Kinh về Sự Khởi Sinh Của Như Lai (6:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó ngài Ānanda tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chừng nào những Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác không khởi sinh trong thế gian, chừng đó những du sĩ ngoại đạo được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh (cung kính) và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Nhưng chừng nào những Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian, chừng đó những du sĩ ngoại đạo không được tôn kính, tôn trọng, thành kính,

⁵⁸ [Những “*thứ được thấy hay được nghe*” có lẽ là nói tắt cho 06 đối-tượng giác quan (6 trần) là ‘sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp’ mà người phàm sống dính theo đó; quên mình theo cảnh.] (58)

tôn vinh và kính trọng; không được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh. Bây giờ, đức Thế Tôn được tôn kính, tôn trọng, thành kính, tôn vinh và kính trọng; được cúng dường thức ăn, y phục, chỗ ở và thuốc thang những lúc bệnh, và Tăng Đoàn các Tỷ kheo cũng vậy.”

“Đúng vậy, này Ānanda, chừng nào ... (*Phật nói lại y trên, người dịch giản lược*) ... Tăng Đoàn các Tỷ kheo cũng vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Đom đóm chỉ chiếu sáng
 Khi đêm không mặt trời
 Nhưng khi mặt trời sáng
 Thì ánh sáng đom đóm
 Tiêu hủy không còn sáng.
 Như những người luận lý
 Chỉ tỏa sáng khi nào
 Những vị Phật Toàn Giác
 Chưa khởi sinh trong đời.
 Những người luận thuyết đó⁵⁹
 Thì không được thanh lọc,
 Đệ tử họ cũng vậy
 Đều mang nặng tà-kiến
 Không thoát khỏi khổ đau.”

“Obhāsati tāva so kimi
 Yāva na uggamati pabhaṅkaro,
 Verocanamhi uggate
 Hatappabho hoti na cāpi
 bhāsati.
 Evaṃ obhāsitaṃ-eva
 takkikānaṃ yāva
 Sammāsambuddhā loke
 nuppajjanti.
 Na takkikā sujjhanti na cāpi
 sāvakā, duddiṭṭhī na dukkhā
 pamuccare”-ti.

⁵⁹ [*Takkika*: người chỉ dựa theo luận thuyết luận lý, tranh biện dựa theo lý lẽ lý luận; chứ không tự thân chứng ngộ sự thật (ám chỉ những người ngoại đạo với những tà-kiến).] (59)

Chương 7 – CHUÔNG NHỎ

(Culla-vaggo)⁶⁰

(61) – Kinh Nhất về Bhaddiya (7:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có có ngài Xá-lợi-phất đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ ngài Bhaddiya (biệt danh) Người Lùn bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau. Khi thầy Xá-lợi-phất chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, tâm của Bhaddiya Người Lùn hết ô-nhiễm (lậu hoặc) và hết sạch chấp-thủ.

Rồi đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Bhaddiya Người Lùn khi được thầy Xá-lợi-phất chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, tâm của thầy ấy hết ô-nhiễm (lậu hoặc) và hết sạch chấp-thủ.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Trên, dưới, khắp tất cả
Được tự do hoàn toàn
Hết ngấm nghĩ ngã-mạn:
Đây ‘là-ta’, ‘tự-ta’;
Đã giải thoát như vậy
Sau khi vượt dòng-lũ
Trước kia không vượt được,
Hết liên-tục hiện-hữu.”

“Uddham adho
sabbadhi vipparamutto
Ayam-aham-asmī ti
anānupassī,
Evaṃ vimutto udatāri ogham
Atiṇṇapubbam
apunabbhavāyā”-ti.

⁶⁰ [Chương Nhỏ nghĩa là chương này gồm các kinh nhỏ (kinh ngắn).] (60)

(62) – Kinh Hai về Bhaddiya (7:02)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, thầy Xá-lợi-phất, do nghĩ rằng thầy Bhaddiya Người Lùn vẫn còn là bậc học-nhân, nên đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau.

Rồi đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất, do nghĩ rằng thầy Bhaddiya Người Lùn vẫn còn là bậc học-nhân, nên đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Thầy ấy đã chặt đứt
Vòng luân-hồi sinh tử
Dòng chảy đó đã cạn
Không còn chảy được nữa
Sau khi bị chặt đứt
Cái vòng không lẫn nữa
Chính đó là khổ-diệt.”

“Acchecchi vaṭṭam byāgā
nirāsam,
Visukkhā saritā na sandati,
Chinnam vaṭṭam na vattati,
Esevanto dukkhassā” –ti.

(63) – Kinh Nhất về Sự Dính Nặng (7:03)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, thời đó hầu hết dân chúng vùng Sāvatthī đều dính nặng theo dục-lạc; họ thích thú, tham muốn, bị trói buộc, say mê và thỏa thích, hoàn toàn say sưa với những dục-lạc, họ sống vậy.

Rồi, buổi sáng, nhiều Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khát thực. Sau khi trở về sau một

vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, họ thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, hầu hết dân chúng vùng Sāvatthī đều dính nặng theo dục-lạc; họ thích thú, tham muốn, bị trói buộc, say mê và thỏa thích, hoàn toàn say sưa với những dục-lạc, họ sống vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Chúng sinh dính dục-lạc Dính mắc trong dục-lạc Không nhìn thấy tội lỗi Trong những thứ gông cùm Chắc chắn ai bị dính Những gông-cùm trói buộc Thì không thể vượt qua Dòng-lũ lớn mệnh mông.”	“Kāmesu sattā, kāmasaṅgasattā, Saññojane vajjam-apassamānā, Na hi jātu saññojanasaṅgasattā Ogham tareyyum vipulam mahantan”—ti.
--	--

(64) – Kinh Hai về Sự Dính Nặng (7:04)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, thời đó hầu hết dân chúng vùng Sāvatthī đều dính nặng theo dục-lạc; họ thích thú, tham muốn, bị trói buộc, say mê, thỏa thích và mù quáng, hoàn toàn say sưa với những dục-lạc, họ sống vậy.

Rồi, buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khát thực. Đức Thế Tôn nhìn thấy hầu hết dân chúng vùng Sāvatthī đều dính nặng theo dục-lạc; họ thích thú, tham muốn, bị trói buộc, say mê, thỏa thích và mù quáng, hoàn toàn say sưa với những dục-lạc, họ sống vậy.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Mù quáng bởi dục-lạc
Bị bao phủ trong lưới
Bao trùm bởi dục-vọng
Bị trôi bởi ‘Ma Vương’⁶¹
Như cá trong miệng bẫy
Họ đi tới già-chết
Như bê non còn bú
Chỉ đi tới bò mẹ.”

“Kāmandhā jālasañchannā,
tanhāchadanachāditā,
Pamattabandhunā baddhā,
macchā va kumināmukhe,
Jarāmarañam gacchanti,
vaccho khīrūpako va
mātaran” –ti.

(65) – Kinh Khác về Bhaddiya (7:05)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó thầy Bhaddiya Người Lùn theo sau nhiều Tỷ kheo đến chỗ đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Bhaddiya Người Lùn từ xa đang theo sau nhiều Tỷ kheo, người xấu xí, khó nhìn, dị dạng, hầu hết các Tỷ kheo đều phớt lờ thầy ấy. Sau khi nhìn thấy vậy, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo ở đó: “Này các Tỷ kheo, các thầy có thấy từ xa Tỷ kheo đó, theo sau nhiều Tỷ kheo, người xấu xí, khó nhìn, dị dạng, hầu hết các Tỷ kheo đều phớt lờ thầy ấy?”

“Dạ có, thưa thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo đó có đại uy lực và đại thần lực. Không có sự chứng đắc thiện khéo nào chưa được chứng đắc bởi vị Tỷ kheo đó; và bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này thầy ấy đã chứng nhập và an trú trong chung-

⁶¹ [Nguyên gốc là chữ *pamattabandhu* có nghĩa là ‘người thân phóng dật’, ‘đồng bọn phóng dật’: đây là một biệt hiệu chỉ Ma Vương Ác Ma.] (61)

cuộc vô thượng của đời sống tâm linh (phạm hạnh) mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Không bộ phận khuyết lỗi Với một mái che trắng⁶² Xe một-bánh lăn tới Hãy nhìn bậc vô-phiền Vị đó đang đi tới Bậc đã cắt dòng-chảy⁶³ Không còn bị trôi-buộc.”	“Nelaṅgo setapacchādo, ekāro vattatī ratho, Anīghaṃ passa āyantaṃ, chinnaśotaṃ abandhanan”—ti.
--	--

(66) – Kinh về Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng (7:06)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có ngài Kiều-trần-như được (Phật) gọi tên là ‘Kiều-trần-như là Người-đã-biết’ (Aññātakonḍañña Koṇḍañña). Người-đã-biết đó đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế třeo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, quán chiếu về sự giải-thoát của mình nhờ sự hoàn toàn tiêu-diệt dục-vọng (ái tận).

Đức Thế Tôn nhìn thấy ‘Kiều-trần-như là Người-đã-biết’ đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế třeo chân, giữ lưng thẳng đứng,

⁶² [Tạm hiểu chữ *nelaṅgo*: không khuyết lỗi (ám chỉ tứ chi của thầy ấy dù xấu xí nhưng không khuyết lỗi gì); ẩn dụ chỉ một người vô-nhiễm; *setapacchādo*: có mái che trắng tinh (*seta*: trắng, tinh, *pacchādo*: vỏ bọc, lớp che), ẩn dụ chỉ người trong trắng, thanh tịnh. Hình tượng chiếc xe thanh lành như vậy đang đi tới là chỉ thầy Bhaddiya đang đi tới.] (62)

⁶³ [Đã cắt đứt dòng-chảy (*chinnaśotaṃ*): dòng-chảy (*sota*) trong các kinh là chỉ dòng-chảy hiện-hữu (luân hồi), dòng chảy dục-vọng, dòng-chảy lậu-hoặc.] (63)

quán chiếu về sự giải-thoát của mình nhờ sự hoàn toàn tiêu-diệt dục-vọng.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vói ai mà gốc rễ
Không bám đất, không lá
Làm sao có dây leo?⁶⁴
Bậc vững chãi như vậy
Hết bị những trói-buộc–
Còn ai đủ xứng đáng
Để chê trách vị đó?
Chư thiên khen vị đó
Trời Brahma cũng khen.”

“Yassa mūlā chamānatthi,
paṇṇā natthi, kuto latā?
Taṃ dhīraṃ bandhanā
muttam–
ko taṃ ninditum-arahati?
Devā pi naṃ pasamsanti,
Brahmunā pi pasamsito”–ti.

(67) – Kinh về Sự Trừ Bỏ Sự Phóng Tâm (7:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi quán chiếu sự trừ bỏ của mình đối với sự phóng tâm (theo khái niệm này nọ).

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vói ai đã không còn
Sự phóng tâm này nọ
Sự bám trụ chấp trước.⁶⁵

“Yassa papañcā ʈiti ca natthi,
Sandānaṃ palighañ-ca vītivatto
Taṃ nit-taṇhaṃ muniraṃ

⁶⁴ [Dây leo (latā) hàm chỉ dục-vọng (hay sự dính mắc, chấp thủ), là nhân của luân-hồi sinh tử.] (64)

⁶⁵ [Yassa papañcā ʈiti ca natthi: nghĩa chữ: Đối với ai không còn sự phóng tâm và sự trụ vững. Tạm hiểu: đối với người không còn sự phóng tâm (theo khái niệm này nọ) và sự phóng tâm đó không còn trụ nữa hoặc không còn sự bám trụ (chấp trước) (về khái niệm thế gian này nọ). Đại ý: bậc tu thành, sau khi đã chứng ngộ sự-thật, tâm không còn phóng theo khái niệm này nọ, và bậc ấy cũng không còn trụ vào khái niệm nào của

Người đó đã vượt khỏi
Ràng buộc và trở ngại
Bậc thánh sống vô-ái
Thì không bị thế gian
Và chư thiên coi thường.”

carantam,
Nāvajānāti sadevako pi loko”-ti.

(68) – Kinh về Ca-Chiên-Diên (7:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó có ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna, Mahākaccāyana) đang ngồi không xa đức Thế Tôn, tư thế tréo chân (kiết già), giữ lưng thẳng đứng, chú tâm tới sự chánh-niệm vào thân.

Rồi đức Thế Tôn nhìn thấy thầy Đại Ca-chiên-diên đang ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, chú tâm tới sự chánh-niệm vào thân.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai thường trực chánh niệm
‘Sự chánh-niệm về thân’
Với tâm niệm như vậy:
‘Trước đã không có vậy
Với tôi đã không vậy
Giờ sẽ không có vậy
Với tôi sẽ không vậy’,
Tiếp tục trú trong đó
Trong sự tu tiến-dần
Chắc chắc lúc đúng thời
Sẽ vượt khỏi chấp-thủ.”

“Yassa siyā sabbadā sati
Satatam kāyagatā upaṭṭhitā,
Na bhavissati na, ca me
bhavissati’,
Anupubbavihārī tattha so
Kāleneva tare visattikan”-ti.

(69) – Kinh về Cái Giếng (7:09)

Tôi nghe như vậy:

Một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Malla cùng một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó mới đến khu làng của các bà-la-môn có tên là làng Thūna. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Thūna nghe tin: “Sa-môn Cồ-Đàm, người con của dân tộc Thích-Ca, đã xuất gia từ một họ tộc Thích-Ca, đang đi du hành giữa xứ dân Malla cùng một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, vừa mới tới làng Thūna”. Rồi họ lấy cỏ và trấu lấp giếng đầy tới miệng, họ nghĩ: “Làm vậy để những sa-môn đầu trục này không uống được nước giếng.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi bước ra khỏi đường lộ, tới một gốc cây, ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Sau khi ngồi, đức Thế Tôn nói với ngài Ānanda: “Này Ānanda, hãy tới lấy nước uống từ cái giếng đó.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái giếng đã bị các gia chủ bà-la-môn ở làng Thūna lấp đầy tới miệng bằng cỏ và trấu. Họ nghĩ: ‘Làm vậy để những sa-môn đầu trục này không uống được nước giếng.’”

Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: ... *(như trên)* ...

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda thưa với đức Thế Tôn: ... *(như trên)* ...

Lần thứ ba đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: ... *(như trên, người dịch giản lược)* ...

Lần này thầy Ānanda đáp lại: “Dạ, thưa Thế Tôn”. Sau đó thầy lấy bình bát và đi tới chỗ cái giếng. Trong khi thầy Ānanda đang đi tới chỗ cái giếng, tất cả cỏ và trấu đã được dẹp sạch khỏi miệng giếng, giò đầy nước trong, lạnh, trong veo tới tận miệng giếng, đến mức người nhìn có thể nghĩ nước đang tràn.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Ānanda: “Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là đại uy lực và đại thần lực của Như Lai, rằng khi tôi đang đi tới chỗ cái giếng, tất cả cỏ và trấu đã được dẹp sạch khỏi miệng giếng, giờ đầy nước trong, lặng, trong veo tới tận miệng giếng, đến mức người nhìn có thể nghĩ nước đang tràn.”

Sau khi lấy nước bằng bình bát đem về chỗ đức Thế Tôn, sau đó thầy thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là đại uy lực và đại thần lực của Như Lai, rằng khi con đang đi tới chỗ cái giếng, tất cả cỏ và trấu đã được dẹp sạch khỏi miệng giếng, giờ đầy nước trong, lặng, trong veo tới tận miệng giếng, đến mức người nhìn có thể nghĩ nước đang tràn. Hãy uống nước, thưa đức Thế Tôn! Hãy uống nước, thưa bậc Phúc Lành!”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai cần làm gì giếng
Khi nước có khắp nơi?
Sau khi đã cắt đứt
Gốc rễ của dục-vọng
Cần tìm kiếm gì nữa?”

“Kim kayirā udapānena,
āpā ce sabbadā siyum;
Taṇhāya mūlato chetvā,
kissa pariyesanam care”—ti.

(70) – Kinh về Vua Utena (Udena) (7:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Kosambī, chỗ Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Ghosita.

Trong thời đó, sau khi Vua Utena đã ra vườn ngự viên, khu cung nữ bị cháy, 500 cung nữ và hoàng hậu Sāmāvatī đứng đầu đều chết. Rồi, vào buổi sáng, nhiều Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambi để khát thực. Sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỳ kheo thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi Vua Utena đã ra vườn ngự viên, khu cung nữ bị cháy, 500 cung nữ và hoàng hậu Sāmāvatī đứng đầu đều chết. Vậy nơi-đến của họ là gì, tình trạng tương lai của những nữ đệ tử tại gia đó là gì”?

Đức Thế Tôn trả lời: “Này các Tỷ kheo, một số nữ đệ tử tại gia đã là bậc Nhập-lưu, một số là Nhất-lai, một số là Bất-lai. Không ai trong số nữ đệ tử tại gia đó chết mà chưa đắc thánh quả nào.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Bị đánh nặng ảo-tướng
Thế gian nhìn như đẹp⁶⁶
Bị trói bởi sanh-y
Kẻ ngu bị mù tối—
Cứ coi nó thường hằng
Nhưng thực chẳng có gì
Nên người-thấy không còn
Bám víu gì trong đó.”

“Mohasambandhano loko,
bhabbarūpova dissati,
Upadhibandhano bālo,
tamasā parivārito—
Sassatoriva khāyati,
passato natthi kiñcana”—ti.

⁶⁶ [Luận giảng SED đã giải nghĩa chữ *bhavyarūpa* ở đây là: có hình dạng hình sắc đẹp dễ, đẹp mắt, đáng thích—nhưng ở đây có lẽ hợp lý là “nhìn thì đẹp dễ, trông đẹp dễ”.] (66)

Chương 8—DÂN LÀNG PĀṬALĪ

(Pāṭaligāmiya-vaggo)

(71) – Kinh Nhất về Niết-Bàn (8:01)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

Lúc đó đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp liên quan Niết-bàn. Các Tỳ kheo lắng tai chú ý lắng nghe Giáo Pháp, lấy đó mục tiêu của mình, áp dụng tâm, bằng cả tâm suy xét để hiểu.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này: (*bằng văn xuôi*)

“Này các Tỳ kheo, có cảnh xứ ở đó không đất, không nước, không lửa, không gió; không phải không vô biên xứ, không phải thức vô biên xứ, không phải vô sở hữu xứ, không phải phi tướng phi phi tướng xứ; không thế giới này, không thế giới bên kia, không mặt trăng, không mặt trời. Này các Tỳ kheo, ta nói, ở đó chắc chắn không còn sự đến, sự đi, trụ, chết đi, tái sinh. Đó hoàn toàn không còn căn cứ, bất động, không còn đối tượng—đó chính là sự chấm dứt khổ.”⁶⁷

“Atthi, bhikkhave, tadāyatanam, yattha neva pathavī, na āpo, na tejo, na vāyo, na ākāśānācāyatanam, na viññāṇānācāyatanam, na ākiñcaññāyatanam, na nevasaññānāsaññāyatanam, nāyaṃ loka, na paraloka, na ubho candimasūriyā. Tatrāpāham, bhikkhave, neva āgatiṃ

⁶⁷ [Appatittṭham, appavattam, anārammaṇamevetam: không còn chỗ-dựa, bất động, không đối-tượng. Cụm chữ này có lẽ chỉ thức không còn chỗ dựa, không còn ‘đất’, căn cứ, cơ sở hay đối tượng—được dùng để tả trạng thái Niết-bàn, không còn sự khổ, không còn gì để tái sinh.] (67)

vadāmi, na gatim, na ṭhitim, na cutim, na upapattim; appatitṭham,
appavattam, anārammaṇamevetam. Esevanto dukkhassā” –ti.⁶⁸

(72) – Kinh Hai về Niết-Bàn (8:02)

Tôi nghe như vậy:

(giống kinh trên, trừ lời cảm thán)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Khó thấy thứ gọi là
‘Sự không còn ngã-hướng’⁶⁹
(tức trạng thái Niết-bàn)
Vì không phải dễ gì
Nhìn thấy được sự-thật;
Đối với người đã-biết
Đã thấu ngộ dục-vọng
Đâu còn trở ngại gì
Để nhìn thấy (Niết-bàn).”

“Duddasam ‘anataṃ’ nāma,
na hi saccam sudassanaṃ,
Paṭividdhā tanhā jānato,
passato natthi kiñcana” –ti.

(73) – Kinh Ba về Niết-Bàn (8:03)

Tôi nghe như vậy:

⁶⁸ [Bản Phạn tương ứng *Udānavarga* (*Nirvāṇavarga*) [Franz Bernhard (Göttingen 1965)] thì ghi lời cảm thán như vậy:

“Abhijānāmy ahaṃ sthānaṃ yatra bhūtaṃ na vidyate. Nākāsaṃ na ca vijñānaṃ, na sūryaś candramā na ca; Naivāgatir na ca gatiṃ, nopapattiś cyutir na ca. Apratiṣṭham anālambanā –duḥkhāntaḥ sa nirucyate.”

“Ở đó, ta biết, không tìm thấy các yếu-tố (tứ đại). Không có không gian hay thức, không mặt trời, mặt trăng; không sự đến, sự đi, qua đời, tái sinh. Nó không còn chỗ-dựa hay đối-tượng—đây được gọi là sự chấm dứt khổ.”] (68)

⁶⁹ [Chú thích 53 ở kinh SN 35:87 (Quyển 4) ghi: “sự không còn ngã-hướng là không còn ngã-hướng theo/bởi dục-vọng (ái)”, tức không còn dục-vọng = ái tận = sự diệt trừ nguyên nhân khổ = sự diệt khổ = ở đây chỉ trạng thái Niết-bàn.] (69)

(giống kinh trên, trừ lời cảm thán)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này: (bằng văn xuôi)

“Này các Tỳ kheo, có một trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện [vô sinh, vô hữu, vô hành, vô vi]. Nếu không có một trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện thì đâu có lối-thoát khỏi trạng thái còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện [hữu sinh, hữu hữu, hữu hành, hữu vi]. Nhưng thật sự có trạng thái không sinh, không hiện-hữu, không tạo-tác, không bị điều-kiện cho nên có lối-thoát khỏi trạng thái còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện.”⁷⁰

“Atthi, bhikkhave, ajātaṃ abhūtaṃ akataṃ asaṅkhatam. No cetam, bhikkhave, abhaviṣṣa ajātaṃ abhūtaṃ akataṃ asaṅkhatam, nayidha jātaṃ bhūtaṃ kattaṃ saṅkhatassa nissaraṇam paññāyetha. Yasmā ca kho, bhikkhave, atthi ajātaṃ abhūtaṃ akataṃ asaṅkhatam, tasmā jātaṃ bhūtaṃ kattaṃ saṅkhatassa nissaraṇam paññāyatī”-ti.

(74) – Kinh Bốn về Niết-Bàn (8:04)

Tôi nghe như vậy:

(giống kinh trên, trừ lời cảm thán)

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này: (bằng văn xuôi)

⁷⁰ [Phần lời thi kệ bằng văn xuôi này giống trong kinh **Iti.43** (‘Phật Nói Như Vậy’).

- Trạng thái “không còn sinh, không còn hiện-hữu, không còn tạo-tác, không còn điều-kiện vô vi” chính là Niết-bàn. Trạng thái “còn sinh, còn hiện-hữu, còn tạo-tác, còn bị điều-kiện [hữu vi]” là trạng thái các cõi hiện-hữu trong thế gian như cõi người, súc sinh, ngạ quỷ, cõi trời ... Tổng cộng 31 cõi hiện-hữu.] (70)

“Vói người còn tùy-thuộc thì có sự dao-động; vói người hết tùy-thuộc thì không có dao-động.”⁷¹

Khi không có dao-động thì có sự tĩnh-lặng (khinh an), khi có sự tĩnh-lặng thì không còn sự ngã-hướng.

Khi không có sự ngã-hướng thì không còn sự-đến hay sự-đi.

Khi không có sự-đến và sự-đi thì không còn sự chết-đi (qua đời) hay tái-sinh (tái hiện, tái hữu).

Khi không có sự chết-đi và tái-sinh thì không có ở-đây hay ở-trên hay ở-giữa hai đó—Đây chính là sự chấm-dứt khổ.”⁷²

Nissitassa calitaṃ, anissitassa calitaṃ natthi.

Calite asati passaddhi, passaddhiyā sati nati na hoti.

Natīyā asati āgatigati na hoti.

Āgatigatiyā asati cutūpapāto na hoti.

Cutūpapāte asati nevidha na huraṃ na ubhayamantarena.

Esevento dukkhassā” - ti.

(75) – Kinh về Cunda (8:05)

Tôi nghe như vậy:⁷³

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Malla cùng một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó vừa tới vùng Pāva. Đức Thế Tôn trú lại Pāva, trong khu vườn xoài của Cunda, con trai người thợ rèn (kammāraputta).

⁷¹ [Kinh SN 35:87, chú thích 53 có ghi: người còn tùy-thuộc (*nissitassa*) nghĩa là “còn tùy thuộc vào dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) và những quan-điểm này nọ (tà kiến)”; có sự dao-động (*calitaṃ*): là sự động vọng, khích động, thất thường. Còn sự ngã-hướng là ngã hướng theo dục-vọng (ái) như chú thích ở kinh Ud 8:02 kể trên.] (71)

⁷² [Đoạn lời cảm thán này của Phật cũng được ngài Đại Cunda (Mahācunda) nói vói ngài Channa trước khi thầy Channa tự sát để giải thoát khỏi thân bệnh đau đớn. Phật đã chứng thực ngài Channa đã là một A-la-hán khi ngài tự sát và qua đời.] (72)

⁷³ [Nội dung kinh này (và phần thi kệ đầu tiên), trừ thi kệ cảm thán của Phật ở cuối, cũng được ghi trong kinh Đại Kinh Bát Niết-Bàn, DN 16, từ mục 4.13-4.25. Các thi kệ ở giữa có lẽ do những trưởng lão khi kết tập đã thêm vô để tóm tắt cho người nghe dễ thuộc các chi tiết.] (73)

Cunda con trai người thợ rèn nghe tin: “Đức Thế Tôn đi du hành giữa xứ dân Malla cùng một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, vừa mới đến vùng Pāva. Đức Thế Tôn trú lại ở Pāva, trong khu vườn xoài của ta.”

Rồi Cunda con trai người thợ rèn đến chỗ đức Thế Tôn, đến nơi anh kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp.

Sau khi được đức Thế Tôn chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, Cunda con trai người thợ rèn đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn nhận lời dùng cơm trưa ngày mai, cùng với Tăng đoàn các Tỷ kheo.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Sau khi hiểu đức Thế Tôn đã đồng ý, Cunda con trai người thợ rèn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải và đi về.

Rồi, khi đêm đã qua, Cunda con trai người thợ rèn đã chuẩn bị xong những các món ăn no và ăn nhẹ (món cứng món mềm), nhiều nắm heo rừng, tại tư gia của mình. Đến lúc anh đến báo cho đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, giờ kính mời đức Thế Tôn, bữa ăn đã sẵn sàng.”

Rồi, trong buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, cùng với Tăng đoàn các Tỷ kheo, đi tới tư gia của Cunda con trai người thợ rèn. Đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói:

“Này Cunda, hãy dọn cho ta món nắm heo rừng đã chuẩn bị, và dọn cho các Tỷ kheo các món ăn no và ăn nhẹ khác đã chuẩn bị.”⁷⁴

⁷⁴ [Sūkaramaddava là tên gọi tiếng Pali dùng để chỉ bữa ăn cuối cùng này của Đức Phật: nghĩa chính xác của món ăn này vẫn còn được tranh cãi. Hầu hết các học giả đều giải nghĩa chữ này là “thịt heo rừng mềm” hay “thịt heo rừng to”, trong khi số khác giải nghĩa đó là một món được nấu với nắm rừng và măng, như một món ăn ngon để cúng dường cho Phật và Tăng. Một số khác nghiên cứu kỹ hơn về từ nguyên và

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Cunda con trai người thợ rèn đáp lại. Sau đó anh đã phục vụ đức Thế Tôn với món nấm heo rừng đã được chuẩn bị, và phục vụ Tăng đoàn các Tỳ kheo với các món ăn no và ăn nhẹ khác đã được chuẩn bị.

Rồi đức Thế Tôn nói với Cunda con trai người thợ rèn: “Này Cunda, phần còn lại của món nấm heo rừng hãy đem bỏ và chôn nó dưới đất, bởi vì ta thấy trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những sa-môn và bà-la-môn, những hoàn tử và dân chúng, không ai ăn món đó mà có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Cunda con trai người thợ rèn đáp lại. Sau đó anh đem bỏ phần còn lại của món nấm heo rừng, chôn nó dưới đất. Rồi anh quay lại chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.

Rồi, đức Thế Tôn, sau khi ăn thức ăn của Cunda con trai người thợ rèn, sự đau đớn bộc phát, bị tả ly, đau đớn như gần chết.

Đức Thế Tôn, một cách có chánh-niệm và tỉnh-giác, đã chịu đựng những đau đớn, không mấy khó khăn.

Rồi đức Thế Tôn mới nói với ngài Ānanda: “Này Ānanda, giờ chúng ta hãy đến Kusināra.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại.

Sau khi ăn bữa ăn
Của Cunda thợ rèn

lịch sử, cho rằng đó là loại nấm rừng ngon mà những con heo rừng dùng mũi ngửi tìm và đào lên để ăn, tương tự như loại nấm truffle có nhiều ở Pháp và Ý. Nghĩa của chữ này đã được diễn dịch tùy theo vào quan điểm khát thực ăn mặn ‘tam tịnh nhục’ theo Phật giáo nguyên thủy (Theravada) hay ăn thuần chay theo Phật giáo Đại thừa sau này. Trước kia người dịch đã khảo sát các bài nghiên cứu và phân tích trên thế giới, thiết nghĩ có thể gọi tên món ăn này là “nấm heo rừng”: tức loại nấm ngon mà loài heo rừng thường dùng sục để ăn.] (74)

Tôi đã nghe như vậy:
Bậc Trí Vững đau nặng
Đau đớn như gần chết.
Vị Thầy ăn món nấm
Bộc phát đau đớn dữ
Trong khi đợi hết đau
Đức Thế Tôn vẫn nói:
“Giờ ta sẽ đi tới
Thành Kusināra.”

Rồi, (khi đang đi) đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ, tới một gốc cây và nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, hãy gấp tư cà sa cho ta, ta quá mệt, này Ānanda, ta sẽ ngồi xuống.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Sau đó thầy gấp tư cà sa làm chỗ ngồi, và đức Thế Tôn đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được trải.

Rồi đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, hãy đi lấy cho ta nước uống, ta khát, ta sẽ uống.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mới đây có 500 xe ngựa mới chạy qua chỗ sông cạn, những bánh xe cán qua nước, xới bùn cát, nước hỗn đục. Cách đây không xa là tới sông Kukutthā, có nước trong, ngon, mát, sạch, bờ sông đẹp, nơi đáng thích, tới đó đức Thế Tôn có thể uống nước và làm mát chân tay.”

Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, hãy đi lấy cho ta nước uống, ta khát, ta sẽ uống.”

Lần thứ hai thầy Ānanda lại thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mới đây có 500 xe ngựa mới chạy qua chỗ sông cạn, những bánh xe cán qua nước, xới bùn cát, nước hỗn đục. Cách đây không xa là tới sông Kukutthā, có nước trong, ngon, mát, sạch, bờ sông đẹp, nơi đáng thích, tới đó đức Thế Tôn có thể uống nước và làm mát chân tay.”

Lần thứ ba đức Thế Tôn lại nói với tỳ ãnanda: “Này ãnanda, hãy đi lấy cho ta nước uống, ta khát, ta sẽ uống.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy ãnanda đáp lại. Sau đó thầy mang bình bát đi tới chỗ sông cạn đó. Rồi dòng sông nhỏ đang chảy, bị những bánh xe cán qua nước, xói bùn cát, nước hỗn đục. Khi thầy ãnanda đang đi tới, dòng nước liền hóa trong suốt, trong sạch, hết hỗn đục.

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy ãnanda: “Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là đại uy lực và đại thần lực của Như Lai, rằng dòng sông nhỏ đang chảy, bị những bánh xe cán qua nước, xói bùn cát, nước hỗn đục. Khi tôi đang đi tới đó, dòng nước liền hóa trong suốt, trong sạch, hết hỗn đục.”

Sau khi lấy nước bằng bình bát đem về chỗ đức Thế Tôn, thầy ãnanda thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thật tuyệt vời là đại uy lực và đại thần lực của Như Lai, rằng dòng sông nhỏ đang chảy, bị những bánh xe cán qua nước, xói bùn cát, nước hỗn đục. Khi con đang đi tới đó, dòng nước liền hóa trong suốt, trong sạch, hết hỗn đục. Hãy uống nước, thưa đức Thế Tôn! Hãy uống nước, thưa bậc Phúc Lành!”

Rồi đức Thế Tôn cùng Tăng đoàn các Tỳ kheo đi tiếp đến sông Kukutthā. Sau khi đến đó họ tắm tấp và uống nước. Sau khi lên bờ họ đi đến chỗ một vườn xoài, ở đó đức Thế Tôn nói với ngài Cundaka: “Này Cundaka, hãy gấp tư cà sa cho ta, ta quá mệt, này Cundaka, ta sẽ nằm xuống.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Cundaka đáp lại. Sau đó thầy gấp tư cà sa làm chỗ nằm. Rồi đức Thế Tôn đã nằm xuống, nghiêng bên phải với tư thế sư tử nằm, sau khi đã đặt chân trái trùng lên chân phải, một cách có chánh-niệm và tỉnh-giác, sau khi đã để ý trong tâm về thời điểm sẽ dậy. Và thầy Cundaka đã ngồi xuống chỗ trước mặt đức Thế Tôn.

Đức Phật sau khi đến
Sông nhỏ Kukutthā,

Nước trong, ngon, trong sạch
Vị Thầy đã quá mệt
Đã bước xuống dòng sông
Bạc Như Lai vô đối
Ở đây trong thế gian
Sau khi tắm, uống nước
Thế Tôn lên bờ kia
Giữa Tăng đoàn Tỳ kheo
Vị Thầy vừa đi trước
Vừa giảng dạy Giáo Pháp
Rồi bậc Đại Kiến Giả
Đến chỗ một vườn xoài
Ngài nói một Tỳ kheo
Tên là Cundaka:
“Hãy gấp tư cà sa
Trái chõ nằm cho ta.”
Cundaka nghe lời
Bậc Tâm Tu đã nói
Thầy mau trái chõ nằm
Vớ cà sa gấp tư.
Vị Thầy liền nằm xuống
Người đã quá mỏi mệt.
Còn thầy Cundaka
Ngồi trước mặt Thế Tôn.

Rồi đức Thế Tôn nói đã với thầy Ānanda:

“Này Ānanda, có lẽ có người sẽ khiến cho Cunda con trai người thợ rèn phải hối hận, họ nói: ‘Này đạo hữu Cunda, anh chẳng được lợi ích gì; này Cunda, anh chỉ được lợi ích nhỏ nhoi: rằng Như Lai, sau khi ăn bữa cơm cuối cùng do anh cúng dường, đã Bát Niết-bàn luôn.’

“Này Ānanda, nếu Cunda con trai người thợ rèn có sự hối hận, thầy hãy xua tan nó bằng cách nói rằng: ‘Này đạo hữu Cunda, đó là ích lợi cho anh; này đạo hữu Cunda, đó là ích lợi tốt lành cho anh:

rằng Như Lai, sau khi ăn bữa cơm cuối cùng do anh cúng dường, đã Bát Niết-bàn luôn. Nay đạo hữu Cunda, chính tôi đã trực tiếp giáp mặt đức Thế Tôn nói và tôi nghe điều này:

“Có hai bữa ăn cúng dường có cùng quả, cùng kết quả, là quả lớn lao, kết quả lớn lao hơn những thức ăn cúng dường khác. Hai đó là gì?

“Đó là bữa ăn, sau khi ăn, Như Lai đã tỉnh thức tới Sự Giác-Ngộ Toàn Thiện (chánh đẳng chánh giác) và bữa ăn, sau khi ăn, Như Lai đã Bát Niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới). Đây là hai bữa ăn cúng dường có cùng quả, cùng kết quả, là quả lớn lao, kết quả lớn lao hơn những thức ăn cúng dường khác.

“Đạo hữu Cunda con trai người thợ rèn đã tích lũy một nghiệp tốt sẽ đưa đến tuổi-thọ dài; đạo hữu Cunda con trai người thợ rèn đã tích lũy một nghiệp tốt sẽ đưa đến vẻ-đẹp; đạo hữu Cunda con trai người thợ rèn đã tích lũy một nghiệp tốt sẽ đưa đến hạnh-phúc; đạo hữu Cunda con trai người thợ rèn đã tích lũy một nghiệp tốt sẽ đưa đến tiếng-tốt; đạo hữu Cunda con trai người thợ rèn đã tích lũy một nghiệp tốt sẽ đưa đến uy-thế.”

“Này Ānanda, nếu Cunda con trai người thợ rèn có hối hận, hãy xua tan nó bằng cách này!”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Vói một người bố-thí
 Công đức được gia tăng
 Vói người biết chế-ngự
 Sân hận không tích lũy.
 Người thiện khéo thì biết
 Trừ bỏ điều xấu ác
 Tiêu diệt tham, sân, si
 Vị ấy được giải-thoát.”

“Dadato puññaṃ pavaḍḍhati,
 Saṃyamato veraṃ na cīyati;
 Kusalo ca jahāti pāpakam,
 Rāgadosamohakkhayā
 sanibbuto” –ti.

(76) – Kinh về Dân Làng Pāṭali (8:06)

Tôi nghe như vậy:⁷⁵

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới làng Pāṭali (Pāṭaligāma).

Những đệ tử tại gia ở làng Pāṭali nghe tin: “Đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Ma-kiệt-đà cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, mới tới làng Pāṭali.”

Rồi, những đệ tử tại gia ở làng Pāṭali đã đến gặp đức Thế Tôn. Đến nơi họ kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những đệ tử tại gia ở làng Pāṭali đã thưa với: “Thưa đức Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn trú ở trong khu nhà nghỉ của chúng con.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, những đệ tử tại gia của làng Pāṭali, sau khi hiểu đức Thế Tôn đã đồng ý, họ ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình, và đi ra. Họ tới chỗ nhà nghỉ, trải thảm lót hết cả sàn nhà, chuẩn bị những chỗ ngồi, đặt các lu đựng nước (để rửa chân tay), thắp sáng đèn dầu. Sau đó họ lại chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên.

Trong khi đứng qua một bên, họ thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, nhà nghỉ đã được trải thảm hết sàn nhà, những chỗ ngồi đã chuẩn bị, các lu đựng nước đã được đặt, đèn dầu đã được thắp sáng, giờ đức Thế Tôn cứ tùy tiện đến.”

Rồi, đức Thế Tôn, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo, đi đến chỗ nhà nghỉ. Đến nơi đức Thế Tôn rửa chân và bước vô nhà nghỉ, và ngồi xuống gần trụ chính giữa nhà, mặt hướng Đông. Tăng đoàn các Tỳ kheo rửa chân và bước vô nhà nghỉ, và họ ngồi xuống gần tường phía Tây, mặt hướng Đông, với đức Thế Tôn ở trước họ. Những đệ tử tại gia của

⁷⁵ [Nội dung kinh này, trừ thi kệ cảm thán của Phật ở cuối, cũng được ghi trong kinh Đại Kinh Bát Niết-Bàn, DN 16, từ mục 1.19-1.34.] (75)

làng Pāṭali cũng vậy, họ rửa chân và bước vô nhà nghỉ, và họ ngồi xuống gần tường phía Đông, mặt hướng Tây, với đức Thế Tôn đối diện trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với những đệ tử tại gia của làng Pāṭali:

(I) “Này các gia chủ, có năm hiểm-họa đối với người vô đức [thiếu giới-hạnh], người thất đức [mất giới-hạnh]. Năm đó là gì?

(i) “Ở đây, này các gia chủ, người vô đức, người thất đức: do sống phóng-dật nên bị mất tài sản lớn. Đây là hiểm-họa thứ nhất đối với người vô đức, người thất đức.

(ii) “Lại nữa, này các gia chủ, người vô đức, người thất đức: tiếng-xấu lan truyền. Đây là hiểm-họa thứ hai ...

(iii) “Lại nữa, này các gia chủ, người vô đức, người thất đức: hội chúng nào người đó đến, dù là hội chúng các thánh nhân, hội chúng các bà-la-môn, hội chúng các gia chủ, hay hội chúng các sa-môn, người đó đến sẽ bối-rối (lúng túng), không có sự tự-tin (hồi hộp). Đây là hiểm-họa thứ ba ...

(iv) “Lại nữa, này các gia chủ, người vô đức, người thất đức: chết với cái tâm ngu-mờ. Đây là hiểm-họa thứ tư ...

(v) “Lại nữa, này các gia chủ, người vô đức, người thất đức: khi thân tan rã, sau khi chết, tái sinh trong cõi ác, nơi-đến bất hạnh, trong cõi đọa, trong địa ngục. Đây là hiểm-họa thứ năm ...

“Này các gia chủ, đây là năm hiểm-họa với người vô đức, người thất đức.

(II) “Này các gia chủ, với người có đức (có giới-hạnh), người đủ đức (thành tựu giới-hạnh), có năm lợi-ích. Năm đó là gì?

(i) “Ở đây, này các gia chủ, người có đức, người đủ đức: do sống chuyên-chú nhờ đó có được nhiều tài sản giàu có. Đây là lợi-ích thứ nhất với người có đức, người đủ đức.

(ii) “Lại nữa, này các gia chủ, người có đức, người đủ đức: tiếng-tốt lan truyền. Đây là lợi-ích thứ hai ...

(iii) “Lại nữa, này các gia chủ, người có đức, người đủ đức: hội chúng nào người đó đến, dù là hội chúng các thánh nhân, hội chúng các bà-la-môn, hội chúng các gia chủ, hay hội chúng các sa-môn, người đó đến không bị bối-rối, có sự tự-tin. Đây là lợi-ích thứ ba ...

(iv) “Lại nữa, này các gia chủ, người có đức, người đủ đức: chết với cái tâm không ngu-mờ. Đây là lợi-ích thứ tư ...

(v) “Lại nữa, này các gia chủ, người có đức, người đủ đức: khi thân tan rã, sau khi chết, tái sinh trong một nơi-đến phúc lành, trong một cõi trời. Đây là lợi-ích thứ năm ...

“Này các gia chủ, đây là năm lợi-ích đối với người có đức, người đủ đức.

Rồi, sau khi đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những đệ tử tại gia của làng Pāṭali bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, đức Thế Tôn đã giải tán họ và nói: “Này các gia chủ, đêm đã qua, giờ các người tùy ý ra về.”

Rồi những đệ tử tại gia của làng Pāṭali sau khi vui mừng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng phải mình và đi ra. Không lâu sau khi họ đã đi, đức Thế Tôn đi vô một chỗ trống.

Bấy giờ, thời đó các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra đang cho xây dựng một thành trì ở làng Pāṭali để ngăn chặn những người Bạt-kỳ (Vajji). Lúc đó có rất nhiều thiên thần, số đến hàng ngàn, đang có những khu trú ở làng Pāṭali. Ở đó, nơi nào những thiên thần lớn có những khu trú, nơi đó tâm của các quan lại và đại thần uy lực lớn muốn xây các khu cư trú; nơi nào những thiên thần trung có những khu trú, nơi đó tâm của các quan lại và đại thần uy lực trung bình muốn xây các khu cư trú; nơi nào những thiên thần nhỏ có những khu trú, nơi đó tâm của các quan lại và đại thần uy lực nhỏ muốn xây các khu cư trú.

Rồi đức Thế Tôn, với mắt thiên thánh (thiên nhãn), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy rất nhiều thiên thần đó, số đến hàng ngàn, đang có những khu trú ở làng Pāṭali. Ở đó, nơi nào những thiên thần lớn có những chỗ trú ... nơi nào những thiên thần trung có những chỗ trú ... nơi nào những thiên thần nhỏ có những khu trú, nơi đó tâm của các quan lại và đại thần uy lực nhỏ muốn xây các khu cư trú.

Rồi khi trời dần rạng sáng, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và nói với ngài Ānanda: “Này Ānanda, ai đang xây dựng một thành trì ở làng Pāṭali?”

“Thưa Thế Tôn, các đại thần là Sunīdha và Vassakāra, đang cho xây dựng một thành trì ở làng Pāṭali để ngăn chặn những người Bạt-kỳ.”

“Này Ānanda, y như thế đã hỏi ý kiến (xin phép) chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba (Tāvātimsa) vậy, giờ các đại thần là Sunīdha và Vassakāra đang cho xây dựng một thành trì ở làng Pāṭali để ngăn chặn những người Bạt-kỳ. Ở đây, này Ānanda, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy rất nhiều thiên thần đó, số đến hàng ngàn, đang có những khu trú ở làng Pāṭali. Ở đó, nơi nào những thiên thần lớn có những chỗ trú ... nơi nào những thiên thần trung có những chỗ trú ... nơi nào những thiên thần nhỏ có những khu trú, nơi đó tâm của các quan lại và đại thần uy lực nhỏ muốn xây các khu cư trú.

“Này Ānanda, chừng nào còn miền văn minh còn mở rộng, chừng nào còn thương mại buôn bán, thì Hoa Thị Thành (Pāṭaliputta) vẫn là thành phố chính, nó như chỗ để mở các kiện hàng.⁷⁶ Này Ānanda, đối với Hoa Thị Thành, sẽ có ba hiểm-họa: do lửa, do nước, và do sự phá vỡ một liên minh.”

⁷⁶ [Miền văn minh là tạm dịch cụm chữ *Ariyam āyatanam*. Chữ *Ariya* ở đây không có nghĩa chỉ bậc thánh của Phật giáo và *Ariyam āyatanam* không có nghĩa là lãnh địa hay xứ của Thánh nhân. Cụm chữ này có nghĩa là vùng văn minh dùng ngôn ngữ Ariya (được cho là ngôn ngữ của văn minh và thương mại ở đó). Chữ *Pāṭaliputta* có nghĩa

Sau đó các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra đã tới gặp đức Thế Tôn. Họ chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ đứng qua một bên. Các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra thưa với đức Thế Tôn: “Thưa thầy, mong Thầy Cồ-Đàm nhận lời dùng cơm trưa bữa nay cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Sau khi hiểu đức Thế Tôn đã đồng ý, các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra đi về chỗ ở của họ. Sau khi họ chuẩn bị những món ăn no và ăn nhẹ rất ngon, họ đến gặp đức Thế Tôn để báo: “Thưa Thầy Cồ-Đàm, giờ là lúc bữa ăn đã sẵn sàng.”

Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo, đi đến chỗ ở của họ, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn.

Rồi các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng Tăng đoàn các Tỳ kheo do Phật dẫn đầu bằng những món ăn no và ăn nhẹ. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong, rửa bình bát và rửa tay, họ chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã chúc mừng các đại thần nước Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra bằng lời thi kệ:

“Nơi nào người có trí
 Chọn làm chỗ cư trú
 Người đó nên cúng dường
 Cho những bậc đức hạnh
 Là những bậc chế ngự
 Sống đời sống tâm linh
 Và cũng nên cúng dường
 Cho chư thiên ở đó.

“Chư thiên được cung kính

là ‘con trai của vùng Pāṭali’ hay ‘hoa của vùng Pāṭali’, kinh thành tên là Pāṭaliputta nên họ dịch (HV) là Hoa Thị Thành vốn đã quen dùng. Như chỗ để mở các kiện hàng: nghĩa chỗ thị trường lớn nhất để hàng hóa giao về đó mở kiện ra buôn bán.] (76)

Họ sẽ cung kính lại
 Chư thiên được kính trọng
 Họ sẽ kính trọng lại
 Họ có lòng bi mẫn
 Với người cung kính họ
 Như lòng của người mẹ
 Bi mẫn với con mình
 Người được họ bi mẫn
 Luôn gặp điều tốt lành.”

Rồi, sau khi chúc mừng các đại thần Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và rời đi.

Lúc đó các đại thần Ma-kiệt-đà là Sunīdha và Vassakāra theo sát sau lưng đức Thế Tôn, họ nghĩ: “Cổng mà Sa-môn Cồ-Đàm bước qua để rời đi sẽ có tên là Cổng Cồ-Đàm, và bên cạnh chỗ ngài vượt qua sông Hằng sẽ có tên là Bến Cồ-Đàm.”

Rồi cái cổng mang đức Thế Tôn đã bước qua để rời đi có tên là Cổng Cồ-Đàm. Rồi đức Thế Tôn đi đến sông Hằng. Lúc đó nước sông Hằng đầy tràn bờ đến mức con quạ đậu trên bờ có thể uống được nước sông. Một số người tìm ghe, một số tìm phao, và một số kết cột lau sậy làm bè, họ đang muốn từ bờ này qua bờ kia.

Rồi đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi tay đang co hay co tay đang duỗi, biến mất khỏi bờ này sông Hằng và hiện ra bờ kia, cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo. Đức Thế Tôn nhìn thấy những người đó, một số người tìm ghe, một số tìm phao, và một số kết cột lau sậy làm bè, họ đang muốn từ bờ này qua bờ kia.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Ai đã làm chiếc cầu
 Để vượt biển và hồ
 Bỏ sau lưng đầm lầy
 Người phàm còn cột bè
 Bậc trí đã qua sông.”

“Ye taranti añṇavaṃ saraṃ,
 Setuṃ katvāna visajja pallalāni;
 Kullañhi jano pabandhati,
 Tīṇṇa medhāvino janā”-ti.

(77) – Kinh về Đường Rẽ Hai (8:07)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi bộ hành trên đường lộ giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với ngài Nāgasamāla là sa-môn hầu cận đi theo sau.

Khi tới chỗ đường rẽ hai, thầy Nāgasamāla nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, chúng ta nên đi đường này”.

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn nói với thầy Nāgasamāla: “Này Nāgasamāla, chúng ta nên đi đường kia.”

Lần thứ hai thầy Nāgasamāla nói: “Thưa Thế Tôn, chúng ta nên đi đường này”.

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn nói với thầy Nāgasamāla: “Này Nāgasamāla, chúng ta nên đi đường kia.”

Lần thứ ba thầy Nāgasamāla lại nói: “Thưa Thế Tôn, chúng ta nên đi đường này”.

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn lại nói với thầy Nāgasamāla: “Này Nāgasamāla, chúng ta nên đi đường kia.”

Rồi thầy Nāgasamāla, sau khi đặt bình bát và cà sa của đức Thế Tôn trên nền đường ngay đó, rồi bỏ đi và nói: “Thưa Thế Tôn, đây là bình bát và cà sa của đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

Sau đó thầy Nāgasamāla đang đi trên đường đó, gặp đám cướp cũng đi đường đó, chúng đã đánh đấm thầy, đập bể bình bát, xé hai bộ y còn lại của thầy (mỗi Tỳ kheo có ba bộ y). Rồi, với bình bát bị đập bể và hai y bị xé, thầy Nāgasamāla quay lại gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Nāgasamāla kể lại với đức Thế Tôn: “Ồ đây, thưa đức Thế Tôn, khi con đang đi trên đường đó, gặp đám cướp cũng đi đường đó, họ đã đánh đấm con, đập bể bình bát, xé hai bộ y còn lại của con.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Khi đi chung trú chung Bậc trí đắc trọn lẫn Với những người phạm khác Sau khi đã hiểu được Bậc trí bỏ điều ác Như con cò uống sữa Tránh bỏ bãi bùn lầy.”⁷⁷	“Saddhim̐ caram-ekato vasaṃ, Misso aññajanena Vedagū, Vidvā, pajahāti pāpakam, Koñco khīrapako va ninnagan”-ti.
---	--

(78) – Kinh về Visākhā (8:08)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), ở Tịnh xá Đông Viên (khu vườn phía đông), trong khu Lâu Đài của Mẹ của Migāra.

‘Mẹ của Migāra’ là (tên gọi) cô Visākhā. Lúc đó cô Visākhā có một cháu ngoại, là cháu gái rất được yêu quý, đã qua đời.

Rồi Visākhā mẹ của Migāra, với quần áo và đầu tóc ướt, lúc giữa trưa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn nói với Visākhā mẹ của Migāra: “Này Visākhā, cô từ đâu đến đây vào giữa trưa, với quần áo và đầu tóc ướt như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, cháu ngoại của con, cháu gái yêu quý, mới chết. Đó là lý do tại sao con đến đây vào giữa trưa, với quần áo và đầu tóc ướt.”

⁷⁷ [Ở đây tạm dịch chữ thuật ngữ *Vedagū* (bậc trí Vệ-đà) là người trí đắc (đã đạt trí biết, đắc tam minh); còn chữ *Vidvā* là bậc trí (người trí, người biết). Con cò uống sữa (*khīrapako*) có lẽ là tính từ ví von chỉ con cò con, cò non, thì nó phải tránh bỏ những bãi lầy (*ninnagan*) khó đi, nguy hiểm, nhơ nhớp. Người dịch cũng không chắc về hàm nghĩa, tuy nhiên quyết tâm nhất quán là dịch đúng nghĩa chữ của lời kinh gốc.] (77)

“Này Visākhā, cô có muốn nhiều cháu và cháu ngoại như số dân ở Sāvattthī không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con muốn có muốn nhiều cháu và cháu ngoại như số dân ở Sāvattthī.”

“Nhưng, Visākhā, có bao nhiêu dân ở Sāvattthī chết mỗi ngày?”

“Thưa Thế Tôn, có mười người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, chín người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, tám người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, bảy người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, sáu người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, năm người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, bốn người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, ba người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, hai người chết mỗi ngày ở Sāvattthī, một người chết mỗi ngày ở Sāvattthī. Sāvattthī không bao giờ không có ai chết mỗi ngày.”

“Này Visākhā, vậy làm sao có ngày nào quần áo và đầu tóc cô không ướt?

“Chắc chắn ngày nào cũng vậy, thưa Thế Tôn, khi có rất nhiều cháu và cháu ngoại (như số dân ở Sāvattthī).

“Này Visākhā, ai có 100 người thương ái thì có 100 sự khổ, ai có 90 người thương ái thì có 90 sự khổ, ai có 80 người thương ái thì có 80 sự khổ, ai có 70 người thương ái thì có 70 sự khổ, ai có 60 người thương ái thì có 60 sự khổ, ai có 50 người thương ái thì có 50 sự khổ, ai có 40 người thương ái thì có 40 sự khổ, ai có 30 người thương ái thì có 30 sự khổ, ai có 20 người thương ái thì có 20 sự khổ, ai có 10 người thương ái thì có 10 sự khổ ... ai có 9 người thương ái thì có 9 sự khổ ... ai có 1 người thương ái thì có 1 sự khổ, ai không có người thương ái thì không bị sầu khổ. Họ không ưu buồn, không bụi bẩn,⁷⁸ không tuyệt vọng, ta nói vậy.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Mọi ưu buồn, khóc than

“Ye keci sokā paridevitā vā,

⁷⁸ [Virajam (nguyên từ viraja = vi-raja): không bụi bẩn (hàm nghĩa không ô uế, không ô nhiễm, không lậu hoặc, thanh tịnh về tâm).] (78)

Và nhiều sự đau khổ
 Ở trong thế gian này
 Tất cả đều khởi sinh
 Từ thương yêu thương ái,
 Nếu không có thương ái
 Không phát sinh như vậy.
 “Không yêu thương luyến ái
 Với thứ gì trong đời
 Thì vô ưu, hạnh phúc;
 Bởi vậy những ai muốn
 Không ưu, không bụi bẩn
 Thì không nên luyến ái
 Với thứ gì trong đời.”⁷⁹

Dukkhā ca
 lokasmimane karūpā;
 Piyaṃ paṭiccappabhavanti ete,
 Piye asante na bhavanti ete.
 “Tasmā hi te sukhino vītasokā,
 Yesaṃ piyaṃ natthi kuhiñci
 loke;
 Tasmā asokaṃ virajaṃ
 patthayāno,
 Piyaṃ na kayirātha kuhiñci
 loke”-ti.

(79) – Kinh Nhất về Dabba (8:09)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vương Xá (Rājagaha), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ Bãi Sóc.

Lúc đó ngài Dabba người con xứ Malla (Mallaputta) tới gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Dabba người con xứ Malla đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa bậc Phúc Lành, giờ là lúc con Bát Niết-bàn.”

“Này Dabba, giờ là lúc thầy cứ tùy tiện.”

⁷⁹ [Kinh này làm gợi nhớ một số kinh: như AN 5:49 về vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) sầu khổ và ai oán sau khi hoàng hậu Mallikā mà ông rất yêu quý đã chết; kinh Sn 4:11 nói sự ai oán và sầu ưu truy gốc cũng do những thứ/người mình muốn, thích, yêu, quý. Đặc biệt kinh MN 87 (Ái Sinh) nói về những người mất con, mất mẹ bị buồn sâu, ai oán, quần trí, và Phật đã nói câu: ‘sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra từ những người mình thương ái, khởi sinh từ những người mình thương ái.’ ... vân vân.] (79)

Rồi thầy Dabba người con xứ Malla đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải mình, sau khi bay lên không trung, ngồi kiết già trong không trung, trong bầu trời, nhập (định) vào yếu-tố lửa (nhập định hỏa giới), rồi thoát ra (khỏi định), và Bát Niết-bàn.

Rồi, trong khi thầy Dabba người con xứ Malla—sau khi bay lên không trung, ngồi kiết già trong không trung, trong bầu trời, nhập (định) vào yếu-tố lửa, rồi thoát ra, và Bát Niết-bàn—thân thầy bốc cháy và cháy rụi, không còn thấy than hay tro.

Như khi bơ hay dầu cháy sẽ cháy rụi, không còn thấy than hay tro; cũng giống như vậy, khi thầy Dabba người con xứ Malla—sau khi bay lên không trung, ngồi kiết già trong không trung, trong bầu trời, nhập vào yếu-tố lửa, rồi thoát ra, và Bát Niết-bàn—thân thầy bốc cháy và cháy rụi, không còn thấy than hay tro.⁸⁰

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Thân này đã tan rã
 Nhận-thức đã ngừng diệt
 Tất cả mọi cảm-giác
 Đều đã thành nguội tạnh
 Các hành đều tịch lặng
 Thức đi đến kết thúc.”

“Abhedi kāyo nirodhi saññā,
 Vedanā sītibhaviṃsu sabbā;
 Vūpasamiṃsu saṅkhārā,
 Viññāṇaṃ atthamāgamā”—ti.

(80) – Kinh Hai về Dabba (8:10)

Tôi nghe như vậy:

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu

⁸⁰ [Kinh này làm gọi nhớ chuyện (ngoài tạng kinh Pali) về ngài Anānda trước lúc Bát-niết-bàn cũng phi thân không trung, nhập định yếu-tố lửa; chỉ khác là ngài Anānda để lại tro rải xuống hai bên bờ sông Hằng cho bên dân chúng Bạt-kỳ và bên Vua À-xa-thế của nước Ma-kiệt-đà để hai bên khỏi tranh chấp nhau. Nơi đó vẫn còn di tích Cột Đá tưởng niệm do Vua A-Dục cho xây bên bờ Bạt-kỳ, gần thủ đô Patna cỡ 70 cây số. Mời đọc thêm quyển *Hành Hương Về Xứ Phật* bởi cùng người dịch.] (80)

Vườn Jeta (Kỳ Viên), ở Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói:

“Này các Tỳ kheo, trong khi thầy Dabba người con xứ Malla—sau khi bay lên không trung, ngồi kiết già trong không trung, trong bầu trời, nhập (định) vào yếu-tố lửa, rồi thoát ra, và Bát Niết-bàn—thân thầy bốc cháy và cháy rụi, không còn thấy than hay tro.

“Như khi bơ hay dầu cháy sẽ cháy rụi, không còn thấy than hay tro; cũng giống như vậy, khi thầy Dabba người con xứ Malla—sau khi bay lên không trung, ngồi kiết già trong không trung, trong bầu trời, nhập vào yếu-tố lửa, rồi thoát ra, và Bát Niết-bàn—thân thầy bốc cháy và cháy rụi, không còn thấy than hay tro.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa điều đó, lúc đó đã thốt ra lời cảm thán này:

“Giống một thanh sắt
Bị đốt bởi lửa-nhiệt
Rồi để nguội dần dần
Không thể nào biết được
Nhiệt đó đã đi đâu.

“Cũng vậy với những vị
Đã chánh giác giải-thoát
Đã vượt qua dòng-lũ
Của đục-lạc trôi buộc:
Vội bậc đã chứng ngộ
Niềm hạnh-phúc bất động
Không thể nào chỉ được
Không thể nào mô tả⁸¹

“Ayoghanahatasseva,
jalato jātavedaso;
Anupubbūpasantassa,
yathā na ñāyate gati.

“Evam sammāvimuttānaṃ,
kāma-bandhaghātāriṇaṃ;
Paññāpetum gati natthi,
pattānaṃ acalaṃ sukha”-ti.

⁸¹ [Chữ *paññāpetum* (gốc từ *paññāpeti*): làm cho biết, chỉ ra, mô tả, chỉ định (là vậy, là vậy, hay cõi này, cõi kia). *Paññāpetum gati natthi*: không có sự mô tả/chỉ ra/chỉ định nơi-đến (của một A-la-hán sau bát-niết-bàn) là gì. Đây là lời thuật ngữ Phật dùng trong các kinh mô tả trạng thái bát-Niết-bàn của một A-la-hán (với ví dụ như ngọn lửa hay ngọn đèn tắt đi thì không thể biết nó đi về đâu hay nơi-đến của nó là gì). Vì vậy người

Nơi-đến của bậc ấy.”

— HẾT QUYỂN ‘LỜI PHẬT CẢM THÁN’ —

